

SỐ 120 - NGÀY 1-1-1962

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *Bá-Linh sau ba năm khủng hoảng* • NGUYỄN HIỂN LÊ *thành công và thất bại* • TRẦN HƯƠNG TỬ *Nietzsche ông tổ hiện sinh vô thần* • VŨ HẠNH *hoàn cảnh sáng tác và điều kiện sống hiện thời của văn nghệ sĩ* • MINH ĐỨC *đi la mã* • BÙI GIÁNG *ngộ nhận (dịch Camus)* • SAO TRÊN RỪNG *những linh hồn trẻ* • QUÁCH GIAO *chiều chúa nhật* • NGUYỄN (dịch W. Saroyan) *ba ngày sau lễ giáng sinh* • TƯỜNG LINH *cách biệt* • VÂN TRANG *màn kịch cuối năm* • ĐOÀN THÊM *chuyện điệu buồn đau* • TAM LANG — DUY LAM — TOÀN PHONG — HƯ CHU — PHẠM ĐÌNH TÂN *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • VŨ QUỲNH BANG *chiều trong bệnh viện* • NGUYỄN NGU Í *giải thưởng tinh viêt văn đoàn năm 1961* •

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 109 ĐẾN 120



nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUI VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu ~~Rhum~~ **CARAVELLE**

lưu năm **44°**
và trắng **54°**

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Qui vị thường thích luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

Postaux Saigon . ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Tiểu"

. DẤM ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°



BÁCH-KHOA

Số 120 — Ngày 1-1-1962

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

VŨ-HẠNH

MINH-ĐỨC

BÙI-GIÁNG

SAO-TRÊN-RỪNG

QUÁCH-GIAO

NGUYỄN

TƯỜNG-LINH

VÂN-TRANG

ĐOÀN-THÊM

TAM-LANG - DUY-LAM - TOÀN-PHONG

- HƯ-CHU - PHẠM-ĐÌNH-TÂN

VŨ-QUỲNH-BANG

Trang

Bá Linh sau ba năm khủng hoảng . 3

Thành công và thất bại 9

Nietzsche, ông tổ của Hiện - sinh
vô thần 17

Hoàn-cảnh sáng-tác và điều-kiện
sống hiện thời của văn nghệ sĩ . . 33

Đi La mã 51

Ngộ nhận (dịch Le Malentendu của
A. Camus) 59

Những linh hồn trẻ (thơ) 72

Chiều chúa nhật (thơ) 73

Ba ngày sau lễ Giáng Sinh (dịch
William Sarroyan) 74

Cách biệt (thơ) 82

Màn kịch cuối năm 83

Chuyến đi buồn đau (thơ) 89

Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ
của Bách-Khoa 91

Chiều trong bệnh viện 106

SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í

Giải thưởng Tinh-Việt Văn-Đoàn
năm 1961 107

BÁCH-KHOA số kỷ niệm đệ ngũ chu niên

PHÁT HÀNH NGÀY 15-1-1962

Những nét chính trong năm 1961

về : Chánh-trị, Kinh-tế, Khoa-học, Văn-học, Nghệ-thuật. . .
với : Hoàng - Minh - Tuynh, Tiểu - Dân, Quốc - Dũng,
Nguyễn-Phúc-Sơ, Võ-Quang-Yến, Cô Phương-Thảo,
Trần-Văn-Khê. . .

Những vấn đề hiện tại :

- vấn đề khắc khổ.
- vấn đề tiết dục.
- triết lý hiện tượng học.
- thời đại tính trong văn nghệ.
- quan niệm sáng tác. . .

Các bạn yêu hội họa, qua bài « Xem tranh Tàu » của Đoàn-Thêm sẽ được tác giả trình bày về hội họa Trung-Hoa từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh... đến cận đại với 30 bức tranh tiêu biểu của họa sĩ Trung Hoa qua các thời đại.

Các bạn tìm hiểu triết học Đông-Phương sẽ được thỏa mãn về thiên khảo luận : « Dịch Lý với Thiên Địa chi tình » tiếp theo « Dịch Lý với Thiên Địa chi tâm » của Nguyễn-Văn-Ba, đã đăng trên Bách-Khoa từ số Kỷ niệm năm ngoái.

Các bạn đọc Bách-Khoa sẽ vui thích theo dõi « tấn bi kịch ngàn năm chưa dứt » của Nguyễn-Hiến-Lê thuật lại sự thành lập và củng cố kỹ diệu quốc gia Do-Thái.

BÁCH-KHOA ĐỆ NGŨ CHU NIÊN cống hiến bạn đọc : một « tia nắng rớt » của Võ-Hồng, một chiếc « bướm lạ » của Nhật-Tiến, rất nhiều « tấm lòng vàng » của Vũ - Hạnh, và cuộc phiêu lưu chưa biết « về đâu » của Võ-Phiến.

BÁCH-KHOA SỐ KỶ NIỆM NĂM NAY một công trình tập thể của các cây bút trong nước và một số cây bút ngoài nước : Minh-Đức, Mộng-Trung, Phan-Văn-Ngân, Nguyễn-Trần-Huân, Võ-Quang-Yến, Trần-Văn-Khê, Hoàng-Xuân-Hân. . .

Sẽ xứng đáng với lòng tin yêu mà bạn đọc đã dành cho Bách-Khoa trong suốt 5 năm.

Một nhân viên thành thạo

Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau dồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.



Bà Lê Thị Tư thư ký của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc đắc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.



Bà Tư điều khiển máy IBM Puncher

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cá nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.



Gia đình bà Tư đầm ấm.

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt-Nam

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



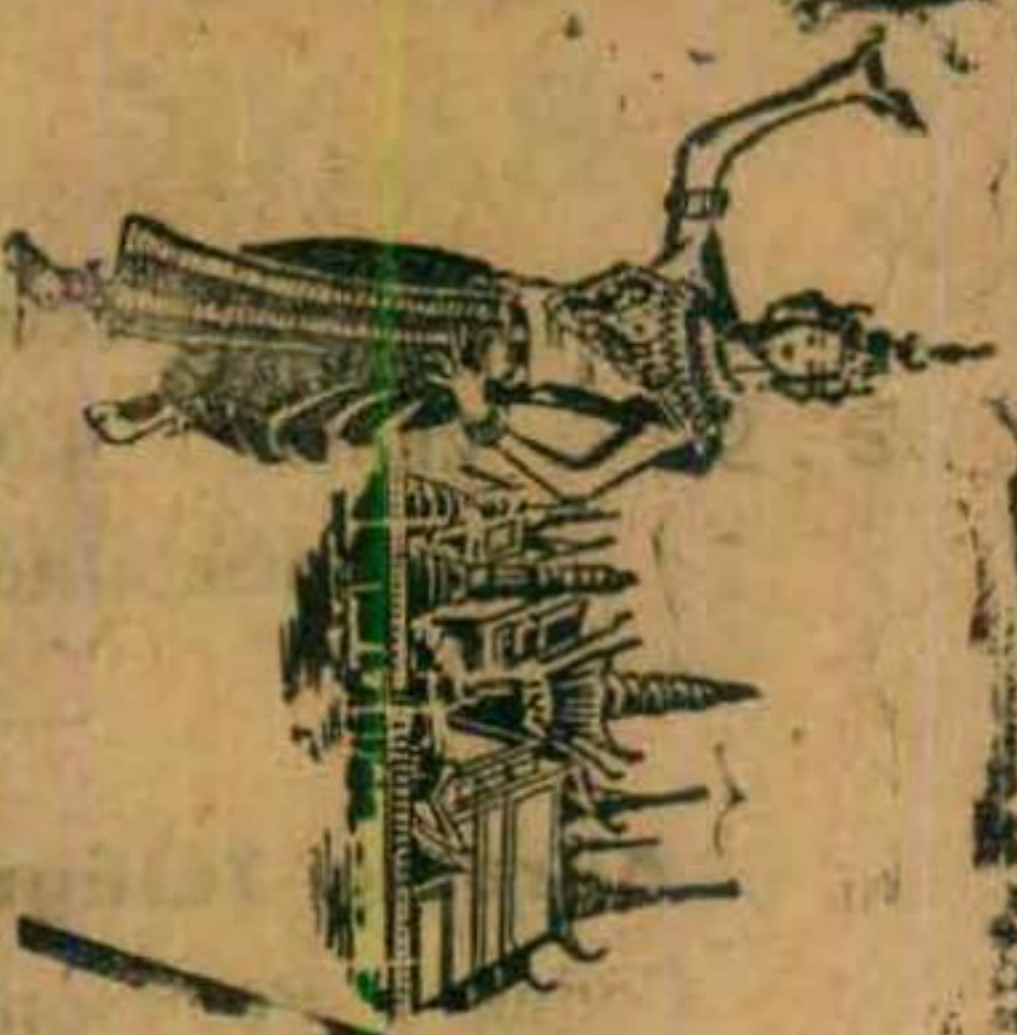
Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THÀNH-LONG"

bảng phi cơ phản lực

PROP-JET

VISGOUNT

của VIỆT - NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghĩ.

Salgon - Bangkok :

Mọi thứ Ba
đã thử Sáu
9 giờ 30

Salgon - Hongkong :

Mọi thứ Năm
8 giờ 30

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÀNG DU-LỊCH
hay

Air VietNam

16, NGUYỄN-HUYỆ - SAIGON
TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C.4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

GHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

VINACO

35, đường Phủ Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MAY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BỨC VẼ LẠ KỲ

Bạn có thể tự hỏi bức vẽ này tượng trưng hình - thức gì? Thưa, không một hình - thức gì cả, mà cũng không phải một bức vẽ đem bán nữa.

Chúng tôi vẽ nó ra vì nó tượng trưng một hệ - thống phân phối toàn quốc (một chấm đen là một địa - điểm phân phối), một khía cạnh hoạt - động « chuyên - môn » của chúng tôi.

Đảm nhiệm việc cung cấp dầu cho một nước, chúng tôi tự thấy có trách - nhiệm phải phục vụ người khách hàng *toàn nước*. Không phải chỉ những ngã đi lại đông, những đô thành, những xa lộ, những nơi bán được nhiều mới có trạm xăng. Trái lại, đâu đâu cũng có, từ những con đường hẻo lánh, những khu mới khai - khẩn cho đến cả những nơi tiêu thụ tối - thiểu (trường - hợp cả một làng chỉ dùng vài thùng dầu để chạy chiếc xe buýt trong một năm).

Trên toàn cõi Việt - Nam, công việc khai - khẩn đất - đai để trồng trọt cây cấy thêm, mang lại thêm hoa - lợi, một mức sản xuất cao hơn, đi tới một nền kinh - tế mở mang hơn, luôn luôn tiếp - tục. Ở những nơi này người ta cần có dầu để đốt đèn, có xăng chuyên chở dụng - cụ, có gas - oil cho máy cày làm việc... và được cung cấp đều - đều đầy - đủ nhiên - liệu, là đi được nửa đường tới sự thành - công rồi. Về phần chúng tôi, chúng tôi có thể góp sức vào những công cuộc hữu - ích này bằng cách tô thêm những chấm đen trên bức vẽ này.



**SHELL ĐẶT QUYỀN-LỢI NGƯỜI
TIÊU THỤ LÊN TRÊN HẾT**

BÁ-LINH SAU BA NĂM

KHỦNG HOẢNG

Hoàng-Minh-Tuynh

HỒI hạ tuần tháng 11 vừa qua, Bác sĩ Adenauer mặc dù bị cảm hàn mà cũng cố lặn lội qua Đại-tây-dương để hội đàm thông luôn hai tiếng đồng hồ với Tổng thống Kennedy. Theo thông cáo chính thức thì cuộc hội đàm giữa hai chính khách không ra ngoài đề tài Bá-linh và đề tài Minh ước Bắc Đại-tây-dương. Theo ông Strauss, tổng trưởng quốc phòng Tây Đức thì hai chính khách đã đồng ý với nhau trên nhiều điểm về đề tài thứ nhất. Theo nữ phái viên Margueritte Higgins, của tờ nhật báo New York Herald Tribune, thì phái đoàn Đức đã tỏ ý tán thành việc cam kết hỗ tương bất xâm phạm giữa Đông và Tây, việc từ bỏ dùng võ lực để giải

quyết vấn đề biên giới Oder-Neisse và việc tạo lập ba ủy ban hỗn hợp Đông-Tây Đức: kinh tế, văn hóa, chính trị, để nghiên cứu phương pháp tổ chức tuyên cử tự do trên toàn lãnh thổ Đức. Về khoản vô trang nguyên tử cho Tổ chức Minh ước Đại-tây-dương, ông Tổng trưởng Quốc Phòng Tây Đức cho là trong khi còn đương tiến hành cuộc thảo luận, phát biểu ý kiến lúc này, có lẽ quá sớm.

Ông Kennedy cũng đã tiếp kiến ông Spaak. Vị ngoại trưởng Bỉ tới Hoa Thịnh Đốn để bàn về vụ Congo, đã tuyên bố khi ra khỏi Tòa Bạch Ốc rằng ông cũng tán thành mở lại cuộc hội đàm giữa Đông và Tây.

nhưng ngộ ý nên mở trên cấp bậc ngoại trưởng trước đã.

Về vụ tăng cường bức thành Bá-linh mà mới đây chính phủ Đông Đức trình bày như là một cách biểu dương thiện chí xây đắp hòa bình của phe cộng-sản, Bộ ngoại giao Anh coi đó là một hành vi bất hợp pháp, trái nghịch với qui chế từ cường về Bá-Linh.

Dù coi là một chương ngại hay là một đối tượng cho các cuộc đàm phán có thể sẽ diễn ra sau này chẳng

nữa, bức tường Bá-linh hiện nay không phải chỉ cắt đôi Bá-linh, mà còn cắt đôi luôn cả Châu Âu, đồng thời lại tượng trưng tình trạng cắt đôi thế giới ra làm hai phe Đông Tây nữa. Hiện nay, liệu còn có cách thế nào hữu hiệu, có năng lực nổi lại cuộc bang giao đang dở, dở dang ấy, mà hai bên đối thủ không cần phải thương thuyết với nhau, không cần phải nhượng bộ lẫn nhau nữa không? Chúng ta thử cũng xét nghiệm tình hình để tìm lời giải đáp.

* *

Tính đến tháng 11 vừa rồi, một thời gian vừa đúng ba năm đã qua, kể từ ngày ông Khrouchtchev khởi sự đưa vấn đề Bá-linh ra đòi các nước Tây Minh phải cùng ông xét lại. Mười năm trước, Staline đã toan giải quyết vấn đề này bằng một cuộc phong tỏa.

Tới phen mình nắm quyền bính tại điện Kremlin, ông Chúa đỏ mới, từ lâu vẫn giữa thái độ im lặng trước tình trạng gọi là «trái thường nghịch lý» của cờ đỏ Đức quốc, bỗng đột nhiên thấy tình trạng ấy trở thành một hiểm họa đe dọa nghiêm trọng hòa bình thế giới và tuyên bố sẽ đơn phương giải quyết vấn đề, nếu Tây Minh không đi tới chỗ thoả thuận với ông trong việc thay thế chế độ chiếm đóng Tây Bá-Linh bằng một qui chế đô thị tự do. Và để đạt mục tiêu đó, ông ra cho Tây Minh một thời hạn là sáu tháng, ai chẳng

tưởng đó là một cách ông gọi tôi hậu thư cho Tây Minh.

Nhưng rồi từ đó «nước chảy dưới cầu đã khá nhiều» mà vẫn không thấy có xảy ra chuyện gì mới lạ. Bác sĩ Adenauer bị đẩy tới một mặt đoạn, mà kỳ tuyển cử vừa qua càng làm cho thêm rối rắm, khiến cho uy thế của ông càng bị lung lay. Ông Foster Dulles đã từ già cõi đời về bên kia thế giới. Hai ông Herter và Von Brentano đều cũng không còn ngồi ghế ngoại trưởng. Ông Selwyn Lloyd cũng từ già bộ ngoại giao Anh, trở qua giữ chức vụ Tài chính đại thần. Nhất là, tại Hiệp-chúng-quốc, Tòa Bạch Ốc đã đổi chủ. Ông Eisenhower trước khi đứng dậy, đã cố gắng tranh thủ thời gian, mời ông chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên-Xô qua thăm viếng ông và mở cuộc Hội nghị tối cao, để không đem lại một kết quả gì.

Kể kể vị ông, khi nắm chính quyền, vẫn định ninh có thể khai trương một cuộc hòa hoãn giữa Đông Tây, không ngờ lại bị đặt trước một cảnh cáo đột ngột của đối thủ như có ý muốn trêu người nhà chính trị trẻ trung nọ, đảm lược dẫu có thừa, song chưa thể coi được là một phù thủy thật « già tay ăn ». Ông Kennedy quyết chí xông ra nắm lấy đôi sừng của con bò mộng. Ông huy động những khối óc được coi là cao siêu nhất của các trường Đại học đề sung vào *brain trust* của ông. Ông mở cuộc tiếp xúc với các ông Mac-Millan, Adenauer và Gromyko, vượt qua Đại-tây-dương để tìm gặp tướng De Gaulle và ông Khrouchtchev, đọc hàng hai chục bài diễn văn liên tiếp, động viên hai trăm ngàn binh sĩ... để rồi chẳng thấy khối Tây Minh tiến thêm được một bước nào trong cuộc đương đầu với khối Cộng-Sản, so với hồi năm 1958. Tây Minh vẫn còn mãi ở trong cái thế phải tự hỏi mình liệu có thể và có nên thương nghị với phe Xô-Việt nữa không, khiến ông già Adenauer đã gần 87 tuổi còn phải chống gậy chu du khắp nơi để thuyết phục các nước Đông-Minh hãy cùng nhau quyết định dứt khoát một thái độ. Đã đành Kremlin, một phen nữa, đã để trôi qua một hạn định mà không khởi hân, nhưng đồng thời ông Ulbricht lại xắc xược ra lệnh xây bức tường thành cắt ngang Bá-Linh để ngăn cản, và để bẽ tiêu trừ những kẻ đã có « diễm phúc » được sống ở nước « Cộng Hòa dân

chủ Đức » mà lại còn có manh tâm tìm thể trốn thoát (1).

Phe « Xã hội chủ nghĩa » có đầy đầy những mâu thuẫn nội bộ, mà Hội nghị Mạc-Tư-Khoa, lần đầu tiên, đã đem phơi bày ra trước mặt hoàn cầu. Phe « Thế giới Đệ tam », mặc dù nhờ được mỗi đồng tâm chong thực dân cò kết được phần nào, song vẫn xâu xé nhau vì nhiều khuynh hướng phức tạp. Nhưng chính « khối xâm lược Bắc Đại-tây-dương », nói theo luận điệu Cộng-sản, mới thật tỏ ra có những mối chia rẽ « thâm căn cố đề », khó bề hàn gắn để đi tới một hành động chung đáng làm cho đối phương phải kiêng nê.

Các phát ngôn nhân chính thức vẫn thường nhắc nhở giữa Ba-Lê và Hoa-Thịnh-Đôn, Luân-Đôn và Bonn, chỉ có những bất đồng ý kiến nhỏ về thủ tục áp dụng. Họ nhắc nhở, mà chẳng ai tin. Vì nếu người ta đã đồng ý kiến với nhau trên những điểm căn-bản thì thủ tục áp dụng gần như trở nên không đáng kể : đầu đã đi thì chắc đuôi phải lọt. Thật ra thì các nước Tây Minh bất đồng ý kiến với nhau về chính nội dung của văn-đề, hay đúng hơn, về chính « triết lý của cuộc khủng hoảng », về quan điểm của mỗi nước mỗi khác nhau về cuộc xung đột đang diễn tiến giữa hai phe đối thủ.

(1) Từ ngày 13 tháng 8, đã có ba chục người ở Đông-Đức bị bắn chết vì đã chạy trốn qua Tây-Đức

Vậy bản chất của sự bất đồng ý kiến ấy thế nào, chúng ta phải cố gắng phân tích để coi xem nếu họ cứ theo thế thức hiện giờ thì liệu họ có thể đạt tới chỗ thoả thuận với nhau không, và nếu không, thì họ sẽ phải tìm đường lối nào khác để dung hợp.

Một tấm phó phiếu phải trả

Trước hết hãy nói về phía người Đức vì người Đức lúc này là đầu mối chính của cuộc tranh chấp. Chẳng ai còn lạ gì, vị thủ lãnh của nước Đức hiện nay, chính ông Adenauer, là kẻ « đứng mũi chịu sào » cho cuộc tranh chấp mà chính ông cũng lại là kẻ e sợ người ta bỏ rơi ông nhất. Mọi e sợ của ông không phải không có lý do chính đáng. Trước đây ông đã tỏ vẻ hoài nghi về kế hoạch chiến lược bao vây, thiên hạ bảo là của Đô đốc Radford và ông cho đó chỉ là một âm mưu người ta đưa ra để che đậy một cuộc thoái triệt ngấm. Đến nay, sự hoài nghi của ông đã gần trở thành một xác tín, trước luận điệu của các báo chí đưa ra khi đề cập tới những tiếng có ý nghĩa rất mập mờ, như « *dégagement* », và nhất là khi ông nghe tin trong buổi hội đàm giữa ông Rusk và ông Gromyko, ông Rusk đã dùng đến những tiếng rất khả nghi: « an ninh Âu Châu ». Đó là chưa kể một nhà chuyên viên cao cấp rất có uy danh nọ của Mỹ đã thốt ra câu: « Trả phó phiếu, payer la note » để đi tới chỗ hòa hoãn với Liên Xô.

Người ở bên bờ sông Rhin đều hiểu những kẻ phải đứng ra trả phó phiếu ấy là ai rồi. Do đây, ông Willy Brandt tỏ vẻ lo âu chẳng kém gì ông Adenauer, nhất là sau một cuộc hội đàm với ông Stevenson bằng điện thoại. Hết mọi người — kể cả những người khá đông đảo chủ trương cần phải thoái-nhượng để vãn hồi một tình thế nguy ngập — chỉ còn có nước tính làm sao giảm trừ số tiền phó phiếu được chừng nào hay chừng này mà thôi.

Mọi lo âu của người Đức không phải là vô căn cứ và họ có thể tự hào là về phần họ, họ đã làm hết sức để tăng cường cùng cỡ thế lực của Tây Minh rồi. Thật ra, nếu không có những sự đoàn Đức thì « tấm mộc phòng thủ Đại-tây-Dương » của Tây Minh sẽ chẳng lấy gì làm chắc chắn cho lắm và chẳng phòng thủ được cái gì. Gần đây Tổ chức Minh ước Bắc Đại-tây-dương lại khẩn khoản yêu cầu họ tăng cường nỗ lực và họ là nước duy nhất chịu chấp nhận việc triển hạn quân dịch cho các binh chủng nước họ.

Có điều hơn thế nữa là khi chấp nhận cho nước mình sáp nhập vào hệ thống quân sự Tây Minh, theo lời yêu cầu khẩn thiết của Tổ chức này hồi năm 1954, Bác sĩ Adenauer đã phải liêu lĩnh làm một việc lựa chọn tồi ư nguy hiểm. Mạc-Tư-Khoa khi ấy đã cảnh cáo ông nếu ông quyết định sáp nhập nước Đức vào hệ thống quân sự Tây Minh thì sau này đừng hòng tính đến chuyện

thống nhất nước Đức với Liên-Xô nữa. Lúc này hình như người ta đã quên mất những nông nỗi gian lao của ông hồi bấy giờ.

Tách rời nước Đức ra khỏi Tây Minh

Do đây, đã có những người Đức không ngại ngùng lên tiếng nhắc nhủ Tây Minh phải coi chừng, không khéo lại sẽ đi tới một Munich thứ hai nữa :

« Các ông hãy coi chừng ! Các ông nuốt lời để mua chuộc hòa bình, đó chẳng những là một cách các ông vi phạm điều đạo lý xưa nay các ông vẫn lên tiếng cao rao để bẻ gãy đôi phương, đó còn là một cách tính toán sai lầm, mà hậu quả tai hại xảy ra về mặt chính trị sẽ không thể nào lường trước được. Các ông sẽ khiến cho hết mọi dân tộc vốn tin tưởng nơi các ông phải tự hỏi, liệu sự bảo vệ của các ông có còn kiên hiệu nữa không ? Một khi các ông chịu nhượng bộ người Nga thì người Thái, người Hồi, người Thổ liệu có còn tin tưởng nơi các ông và còn cho rằng các ông có thể giúp đỡ họ chống nạn ngoại xâm nữa chăng ? Hay họ sẽ tìm sự giải thoát trong con đường *trung-lập tích cực* nó đã thành công được ở khá nhiều nơi ? Và cả người Đức nữa, các ông tưởng rằng họ sẽ chịu đời đời gấn mình vào Tây Minh khi Tây Minh chẳng những đã tỏ ra bất lực trong việc

thống nhất nước Đức, lại còn tỏ ra bất tín trong việc cam kết bảo vệ an ninh cho họ nữa ru ? Các ông nên biết là mục tiêu chủ yếu của Kremlin không hẳn chỉ là tiêu trừ các mụn nhọt Bá-Linh mà còn là tách rời nước Đức ra khỏi Tây Minh. Các ông hoan hỉ vì thấy người Đức trung bình lúc này có chiều như đã « Mỹ hóa », theo nghĩa hạ cấp nhất. Nhưng các ông có nghĩ rằng cuộc thắng thế của đảng Tự Do trong kỳ tuyển cử tại nước Đức vừa rồi chính thật nằm trong nỗi chán ngán của quốc dân Đức, sau khi chứng kiến Bá-Linh bị cắt đứt ra làm hai mà không thấy Tây Minh có phản ứng gì gọi được là tích cực ; họ đang tự hỏi phải chăng con đường họ đã chọn thành lựa chọn từ lâu là con đường lầm lạc đưa họ tới những kết quả khốc hại nhất.

« Khi các ông nghe nói tại nước Đức đang nổi lên một phong trào Quốc-gia, các ông liền nghĩ ngay đến một phong trào Quốc xã mới, có thái độ hiểm khích đối với Liên-Xô. Các ông nhầm lẫn. Điều mà hiện nay các tay nắm giữ chủ trương mệnh danh là « Realpolitik » thường xuyên đưa ra là hiệu triệu quốc dân Đức hãy quay lưng từ bỏ hẳn những nước dân chủ Tây Âu đi. Hiện nay không phải là hiểm những người Đức đang sẵn sàng để tai nghe những lời đường mật từ Mạc-Tư-Khoa vẳng sang. Có khá nhiều nhà kinh doanh Đức đã ngấp nghé nhìn theo hướng đó. Và

BÁ-LINH SAU BA NĂM KHỦNG HOẢNG

hiển nhiên là đã có những nhà tư bản Đức nhập cảng dầu lửa Xô-Việt, họ cũng đang tính đường mở mang mậu dịch với Trung-Hoa Cộng-Sản.

Tây Minh vi bội những lời cam kết của họ chỉ tổ làm cho hàng ngũ những phần tử chống đối trở nên đông đảo thêm thôi ».

Những lời của người Đức vừa thốt ra trên không phải là những lời thốt ra với dụng tâm phác họa nên những nét đen tối về tình cảnh nước Đức hiện nay, nhằm mục đích hăm dọa hay cảnh cáo Tây Minh và bảo vệ nước Đức một cách quá vụ lợi. Giấc mơ của một chính khách Đức nổi danh, ông Kroll, muốn dung hòa ông Adenauer và ông Khrouchtchev, lúc này được nhiều người Đức coi là một giấc mơ khá đẹp. Bao

lâu ông Chúa Tể điện Kremlin còn giữ ông Ulbricht và chân tay của ông này tại chức vị lãnh đạo Cộng Hòa dân chủ Đức thì ít người Đức chịu tiền về phía ông mà giờ tay bắt thân mặt. Và cái dù nguyên tử bảo vệ của người Mỹ, người Đức còn thấy phải dùng để đỡ che. Tuy nhiên, nguy cơ không phải vì vậy mà giảm phần đáng ngại và không phải ngẫu nhiên mà ông Khrouchtchev thường vẫn hăm đe các địch thủ Tây Minh của ông rằng : không chừng ông sẽ tái diễn lại cái Minh Ước Đức-Xô năm 1939 một lần nữa cho họ biết tay. Như thế, đối với hiện tình nước Đức sau ba năm khủng hoảng kéo dài, Tây Minh nên tỏ thái độ nào ? Thiết tưởng, nêu lên câu hỏi, tức là trả lời rồi vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài liệu của nhật báo *Le Monde*)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

NÓI CHUYỆN VỚI CÁC BẠN THANH NIÊN

Nguyễn-Hiển-Lê

2

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

Nếu đã gắng sức mà chưa thấy thành công thì bạn nên nhớ những điều này :

Ở đời ai cũng đã có lần thất bại. Đức Thích-Ca đã thất bại nhiều năm rồi mới tìm thấy chân-lý ở dưới gốc Bồ-Đề. Đức Khổng-Tử đã thất bại trong suốt quãng đời bốn ba đi tìm một minh chúa để thực hành đạo của mình và chỉ thành công trong công việc trước tác về già. Một danh tướng như Nã-Phá-Luân cũng thua ở Ai-Cập, Nga, Leipzig và Waterloo. Văn hào bậc nhất của Nga, là Dostoievsky viết hàng chục tác phẩm cũng chỉ được bốn năm tác-phẩm là bán hết, còn thì tầm thường. Chịu thất bại nhiều nhất là các nhà phát minh, họ thí-nghiệm cả trăm lần mới được một lần thành công : Alexander Fleming tìm ra được chất pénicilline rồi

mà phải đợi hơn mười năm sau mới chế tạo được nó một cách rẻ tiền ; Bernard Palissy phải đốt tất cả đồ-dạc và ván nhà rồi mới phát minh được cách làm đồ gốm ; còn Albert Einstein bực kỳ tài cổ kim đã nói rằng trăm lần suy nghĩ thì có tới chín mươi lần sai.

Bạn mới ra đời, nếu có thất bại liên tiếp trong vài năm thì đừng nên lấy vậy làm buồn, chỉ nên coi là một cái phúc ; vì thất bại hồi trẻ, trong khi còn đủ sức để chiến đấu còn hơn là về già mới thất bại, như Nã-Phá-Luân, để rồi mang bệnh ung thư chết lần chết mòn ở đảo Sainte Hélène.

Và lại có thất bại rồi mới có kinh-nghiệm và nếu ta rút được một bài học trong mỗi lần thất bại để sửa đổi lại lối suy nghĩ, lối làm việc thì mỗi thất bại

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

sẽ giúp ta tiến lại gần sự thành công một chút.

Đọc tiểu sử hai anh em Wright (Wilbur và Orville) những người đã phát minh ra phi-cơ, bạn sẽ hiểu rõ điều ấy.

Mới đầu họ chế tạo một cái điều có hai tầng cánh điều-khiển bằng dây, năm 1900 đem thí-nghiệm ở Kitty Hawk, máy chỉ liệng được từ đỉnh đồi đến chân đồi.

Năm sau, họ chế tạo một máy liệng lớn hơn, cũng đem thí-nghiệm ở chỗ cũ, bay được chín thước rưỡi.

Tất nhiên họ chưa mãn nguyện, về nhà nghiên cứu lại, làm thử trên hai trăm kiểu máy bay nhỏ, rồi năm sau nữa lại thí nghiệm một lần nữa: máy cất cánh được một trăm tám chục thước, nhưng phải nhờ sức gió đưa đi. Như vậy chưa thể nói là thành công.

Lần này họ quyết tâm tự tạo lấy gió, nghĩa là lắp động cơ và cánh quạt vào máy liệng. Năm 1903, công việc hoàn thành, lại thí nghiệm: phi cơ chỉ cất cánh được có vài thước rồi giảm vận tốc, hạ cánh xuống chân đồi. Các người đi coi đều tỏ vẻ thất vọng, nhưng hai ông không nản chí, về nhà cải thiện lại, năm sau nữa phi cơ bay được năm phút. Tính ra trước sau hai ông đã bay thử cả ngàn lần trong mấy năm rồi mới thành công.

Hiện nay các nhà bác học phóng vệ tinh lên mặt trăng cũng phải thất bại cả trăm lần, mà tôi chắc rằng mỗi lần thất bại chỉ làm cho họ vững tâm thêm vì

nhờ thất bại mà họ rút thêm được kinh nghiệm.

Vì vậy tôi cho lời này của Henri Pigoffi, giám đốc hãng *Simca* là đúng: « Người ta không thể bảo rằng một sự thành công xảy ra đúng một lúc thuận tiện nào đó đủ để giảng được đời hoạt động của một người. Sự thực tôi nghĩ rằng đời tôi là kết quả của rất nhiều sự thất bại ». Biết thất bại một cách thông minh, đó là bí quyết để thành công.

* *

Làm một công việc cũng y như đi một con đường. Công việc càng quan trọng thì con đường càng dài. Tôi còn nhớ hồi mười tuổi, ba tôi đã mất, một người anh họ dắt tôi về thăm quê nội lần ấy là lần đầu. Cách đây bốn chục năm, chưa có xe đò trên đường Hà-nội Sơn Tây, chúng tôi phải đi xe kéo. Đường thì trải đá, xe lại bánh gỗ, lắc quá. Chúng tôi ngồi xe cả một ngày mới tới Sơn Tây; tá túc tại nhà một người bà con một đêm, sáng hôm sau lại ngồi xe kéo lóc cộc tiến lên Phủ Quảng cách tỉnh lỵ Sơn-Tây 11 cây số. Ngán ngồi xe quá rồi, chúng tôi đi bộ về nhà. Riêng tôi thấy mệt lắm, chỉ mong chóng tới nhà, luôn luôn hỏi anh tôi: « Đã sắp tới chưa? » Anh tôi chỉ đáp: « Bằng từ nhà tới chợ Đồng Xuân nghĩa là khoảng một cây số ». Từ Phủ Quảng, chúng tôi đi độ một cây số đến bờ đê Nhị Hà, ngồi nghỉ trong một cái quán canh, nhìn cảnh núi Tản uy nghi, xanh thắm ở trước mặt. Anh tôi chỉ những vạch trắng đều đặn ở lưng núi, bảo đó là những nhà nghỉ mát của người Pháp.

Rồi chúng tôi lại đi chừng một cây số nữa, tới đầm làng Tây Đằng, xuống rửa mặt ở bờ đầm và ngắm những bông sen. Một lúc sau chúng tôi lại đi, cũng độ một cây số nữa tới chợ Phú Xuyên, vào quán uống một bát trà với, ăn một cái bánh nhọm. Cứ như vậy, đi độ một cây số anh tôi lại kiếm một chỗ cho tôi nghỉ, giảng cho tôi về địa thế, di-tích trong miền — đây là đền một ông Nghè quê ở nơi khác, về già lại làng này dạy học; kia là đình một làng nọ thờ một bà làm tướng giúp hai bà Trưng đánh đuổi Tô-Định... — rút cục, trưa hôm đó chúng tôi tới nhà sau khi đi bộ sáu cây số, mà không thấy đường dài.

Đường càng dài thì càng nên chia ra nhiều chặng; và ai muốn làm nên sự nghiệp nên coi mỗi lần thất bại như một chặng đường phải qua. Nếu ta biết rút kinh nghiệm thì mỗi lần thất bại là một lần vượt được một chặng đường mà tới gần đích hơn một chút.

Tôi thường nhận được những bức thư của các bạn trẻ phản nản rằng tuổi đã lớn mà chưa làm nên được sự nghiệp gì cả. Mới tuần trước, một bạn hỏi tôi hai mươi lăm tuổi mà chưa thành công, có phải là trẻ không. Tôi không hiểu bạn ấy cho tiếng « thành-công » cái nghĩa gì? Nếu đậu Tú-tài mà là thành công thì hai mươi lăm tuổi chưa thành công, quả là trẻ, trẻ lắm. Nếu cho có nhà lầu và xe hơi là thành công thì vô số người hoặc nhờ tổ ấm hoặc nhờ buôn chợ đen một chuyến, tuổi đó cũng đã có thể thành công được rồi. Nhưng nếu hiểu thành công là gây được một sự nghiệp có ích cho quốc-gia xã-hội thì tuổi đó là sớm

quá. Những cây quý nhất là những cây lớn chậm. Cây so-đũa chỉ trồng một năm là cao bằng đầu người, nhưng cây sao phải mười năm mới cao được hai thước.

Tôi không trách các bạn trẻ mới ba chục tuổi đã phản nản là chưa làm nên được cái gì. Đó là tật chung của những người có nhiệt huyết. Hồi mới ở trường ra, tôi cũng đã có lần nghĩ rằng có muốn làm cái gì thì làm trước khi bốn mươi tuổi, chứ sau cái tuổi đó, sức suy rồi, còn hoạt động gì được nữa. A! thì ra đời người chỉ có bốn chục năm thôi ư? Đáng buồn nhỉ? Nhưng bây giờ đây, năm chục tuổi rồi, tôi mới hiểu rằng có làm được việc gì là từ hồi 40 tuổi trở đi, và càng lớn tuổi, càng có kinh-nghiệm, chúng ta mới càng có ích cho xã-hội. Hầu hết các chính khách ngoài năm chục tuổi mới được giao phó những trách-nhiệm quan-trọng.

Riêng về ngành nghệ-thuật, có những thiên tài thành công rất sớm; như Mozart, André Chénier, Vương-Bộ... dưới hai ba mươi tuổi đã sáng-tác được những nghệ-phẩm bất-hủ;...nhưng cũng có một số đông càng già tài càng cao; Victor Hugo gần sáu chục tuổi mới bắt đầu viết tập *La légende des siècles*, 80 tuổi mới xong; 60 tuổi mới hoàn-thành bộ *Les misérables*; Goethe 83 tuổi viết nốt cuốn *Faust* rồi thì mất; Sophocle hồi 89 tuổi viết *Edipe à Colone*, Titien hồi 98 tuổi mới vẽ xong bức *La bataille de Lépante*.

Khổng-Tử nói đại ý rằng: Một người mà 40 tuổi chưa làm được gì thì mới

đáng buồn. Có lẽ ta nên hiểu câu đó như vậy : bốn mươi tuổi mà tài năng đức hạnh chưa thấy phát thì đáng buồn ; chứ bốn mươi tuổi chưa thành công chưa nên buồn, vì có thể rằng bốn mươi một tuổi sẽ thành công.

*
* *

Chưa thành công và thành công rồi chỉ cách nhau có một bước : Somerset Maugham viết trong mười một năm mà không đủ sống, có hồi phải nhịn đói. Nhưng một hôm một ông bầu gánh hát nọ kiếm một kịch để diễn tạm, bèn lục tủ lấy ra kịch *Lady Frederick* của S. Maugham. Kịch đó đã nằm trong tủ từ mấy năm rồi, vì ông ta cho là chẳng hay-ho gì ; không ngờ đem diễn, nó được hoan nghênh lạ-lùng, khắp thành phố Luân-Đôn ai cũng nhắc tới. Thế là Somerset Maugham nổi danh ; các ông bầu hát ở Luân-Đôn tranh nhau xin kịch của ông, tiền tác-giả chảy vô như suối, khỏi phải nhịn đói nữa mà tha hồ đi du lịch châu Âu để kiếm đề tài sáng-tác.

Bob Ripley nói : « Một người có thể làm việc như mọi không ai biết đến luôn trong mười năm rồi nổi danh trong mười phút ». Đúng vậy. Chưa thành công và thành công chỉ cách nhau có năm mười phút . Luôn trong mười hai năm, từ 1928 đến 1940, Fleming kiếm ra được một thứ nấm có chất pénécilline, nhưng không sao chế tạo được pénécilline nguyên chất, nên chỉ một số bạn thân biết công trình của ông. Đột nhiên một ngày tháng 8 năm 1940, đọc tờ báo *The Lancet*, ông hay tin một nhóm bác sĩ ở Oxford đã chế tạo được thuốc pénécilline nguyên chất, ông

chạy lại xem thì ra những bác sĩ đó tưởng ông đã chết rồi, tiếp tục công việc của ông mà thành công. Từ đó danh của ông vang lên như sấm.

Magellan nuôi cái mộng đi vòng quanh thế giới từ hồi trẻ, đến năm 37 tuổi yết-kiến vua Charles Quint trình bày kế hoạch, được Charles Quint tin dùng, sai sửa-soạn cuộc hành trình trong hai năm rồi một ngày tháng chín năm 1519 ông chỉ huy năm chiếc tàu mạo hiểm ra khơi, vượt Đại Tây Dương, cuối năm đó tới vịnh Ba Tây và theo bờ biển Nam Mỹ tiến xuống phương Nam để tìm một con đường qua Ấn-Độ. Sau bốn lần mừng hụt ở vàm sông Rio de la Plata, vịnh San Matias, vịnh Bahia de los Patos, vịnh Bahia de los Tra-bajos, ông phải ngừng lại ở San Julian bốn tháng chờ qua mùa đông (1) và tới ngày 18-10-1520 lại tiếp tục cuộc mạo hiểm, ngày 21-10 thì gặp một cái vịnh nước đen thui, tức eo biển Magellan thông Đại Tây Dương với Thái Bình Dương. Thế là ông đã thành công sau mười mấy năm dự tính. Nhưng nếu chỉ mười, mười lăm phút trước khi tìm ra được eo biển Magellan, ông nghe theo lời các thủy thủ mà bỏ chương trình, quay ngược về Ba Tây rồi về châu Âu thì ông đã thất bại rồi.

Vậy bốn mươi tuổi hay năm mươi tuổi mà chưa thành công thì cũng đừng buồn, cứ tiếp-tục thực hiện ý chí của mình đi, có thể rằng sự thành công sẽ không xa đâu, chỉ cách bạn có vài tháng, vài ngày hoặc vài phút thôi đấy.

(1) Mùa đông ở Nam bán địa cầu vào mùa hè ở Bắc bán địa cầu

Sau cùng bạn nên nhớ có những sự thất bại được nhân loại ngưỡng mộ gấp ngàn lần những sự thành công vì những thất bại đó rất có ích cho nhân loại. Bạn thử nhớ lại đời Chúa Giêsu không vợ không con, không có lấy một căn nhà lá, nghèo khổ, lang thang, lại chết yếu, bị đóng đinh trên thánh giá hồi ba chục tuổi, đời người mà như vậy là hoàn toàn thất bại, phải không bạn? Vậy mà trong lịch sử nhân loại, có ai được sùng bái hơn Ngài có ai lưu được ảnh hưởng lâu bền hơn Ngài?

Philippe Semmelweis, một y sĩ Hung-Gia-Lợi ở thế-kỷ trước; cũng đã thất bại một cách đau đớn. Ông tìm ra được nguyên nhân chứng bệnh sốt sản hậu (fièvre puerpérale) nó làm cho sản phụ châu Âu thời đó chết như rạ, có phòng chết không còn sót một người, có giường người nào vô nằm cũng chết, chết đến nỗi sản phụ mà phải vô đường đường thì coi như là tận số rồi, quý xuống khóc lóc năn nỉ y sĩ cho được ra bờ sông bãi cỏ để đẻ. Nguyên do chỉ tại các y sĩ thời đó không biết rửa tay sạch sẽ trước khi khám bệnh, có khi mới mổ một thầy ma xong, tay còn bê bết máu mủ, chỉ nhúng vô một thùng nước dơ dáy, khoắng khoắng vài cái rồi đi thăm bệnh cho sản phụ, đỡ đẻ cho họ, thành thử họ bị lây mà chết. Ông chế ra được một thứ thuốc sát trùng, bắt các y sĩ phải rửa tay thật kỹ, khử độc bằng thuốc sát trùng rồi mới khám bệnh. Kết quả trông thấy: số người chết trong có hai tháng hạ từ 50, 60% xuống 2%. Nhưng bề trên của ông vì ngu xuẩn, vì ganh tị, vì cố hám vào địa vị, không ai chịu nghe ông cả, ông chiến đấu hơn

mười năm để truyền bá phương-pháp của ông khắp châu Âu, rút cục thất bại. Chưa xót quá vì thấy số sản phụ khắp nơi cứ chết oan, mỗi năm hàng ức hàng triệu người, ông hóa điên, lấy một lưỡi dao dính máu mủ của bệnh nhân, tự đâm vào tay mình để cho nhân loại thấy rõ nguyên nhân của bệnh, và ít ngày sau ông chết trong một nhà thương điên. Thời đó không ai biết ông, nhưng ngày nay y học phương Tây sắp ông vào bậc ân nhân của nhân loại, ngang hàng với Pasteur.

Bạn thử so-sánh những sự thất bại như vậy với những sự thành công của Hitler, Mussolini, sẽ thấy bên nào đáng trọng; một bên tuy thất bại mà gây được hạnh phúc cho nhân loại, nâng cao được tâm hồn của nhân loại; một bên thành công mà làm tiêu diệt hàng triệu người và làm cho hàng chục, hàng trăm triệu người khác hóa ra nô lệ.

*
* *

Chúng ta oán ghét ghê tởm Hitler, Mussolini nhưng chúng ta không thể khinh họ được. Vì ít nhất họ cũng có cái chí chiến đấu với Anh, Pháp, những nước đã hiếp đáp họ, để tạo cho dân tộc họ một địa-vị hùng cường. *Cái hạng người chỉ hiển thành công theo cái nghĩa có nhà lâu và xe hơi mới là đáng khinh nhất.* Bọn này không cho đời có một cái giá trị nào khác ngoài đồng tiền. Họ bảo họ chiến đấu để sống, nhưng sự thực họ chiến đấu không phải để có cơm ăn, áo mặc, mà để làm giàu hơn họ hàng, bạn bè, để vượt những kẻ trước kia ngang hàng với họ về phương diện tiền.

THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

tài. Mục đích của họ chỉ là kiếm tiền, kiếm càng nhiều càng tốt, kiếm bằng mọi phương tiện, rồi kiêu hãnh khoe của. Tinh thần ganh đua để thành công đó là một nguyên nhân gây khổ não, chiến tranh cho nhân loại, và theo Bertrand Russell, một triết gia Anh được giải Nobel, thì tinh thần đó bắt đầu nảy nở ở Mỹ, lan qua Âu Châu (1) và giới mại bản Mỹ hiện đang lần lần trở thành một giới mại bản quốc tế. Ở nước ta ngày nay hạng mại bản đó phát triển mạnh. Họ sống vội vã, không chịu nghỉ ngơi một lúc, suốt ngày lo chạy «Áp-phe» để kiếm thêm tiền gửi ngân hàng và tậu đồn-điền, không có thì giờ mà cũng không biết thưởng một cái thú cao nhã nào ở đời, coi khinh tất cả những giá trị về tinh thần. Một xã hội nhiều những kẻ như họ là một xã hội sa-đọa, lắm than.

Nếu bạn hiểu thành công như hạng mại bản đó thì tôi thành tâm cầu chúc cho bạn thất bại; vì thành công đã chẳng lợi gì cho quốc gia mà cũng chẳng lợi gì bản thân của bạn cả: bạn có được

hưởng cái vui nào đâu, ngoài cái hãnh diện là có nhiều tiền hơn người; mà chưa biết chừng con cái của bạn sẽ dễ sinh hư nữa đấy.

*
* *

Tóm lại, đã làm việc không ai không mong thành công, nhưng chúng ta đừng quên rằng:

— ở đời ai cũng phải trải qua nhiều lần thất bại,

— nếu ta biết rút kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại thì tức là ta tiến lại gần sự thành công hơn một chút,

— những cây quý nhất là những cây chậm lớn; tuổi càng cao kinh nghiệm càng nhiều thì sự nghiệp mới đáng kể,

— chưa thành công với thành công rồi chỉ cách nhau có một bước; có thể rằng mới hôm qua còn thất bại, mà hôm nay đã thành công,

— có những sự thất bại đáng ngưỡng mộ gấp ngàn lần những sự thành công; mà trong những sự thành công này, sự thành công của bọn mại bản là thấp nhất.

NGUYỄN - HIẾN - LÊ

Nghề nghiệp

Nhà phê bình văn học Emile Faguet khi bàn về nghề nghiệp trong cuốn: « De la profession » cho rằng:

— « Cléanthe và Spinoza là hai tối đại triết gia, song họ trở thành triết gia vào những buổi nhàn hạ, rảnh rang, nhất là vào những giờ giải trí; Cléanthe chuyên nghề xách nước, còn Spinoza chuyên nghề lau chùi ống kính thiên văn ».

(1) Xem cuốn *The conquest of Happiness* (Liveright Publishing Corp).

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18, BEN BACH DANG — SAIGON

V

2

Trần-Hương-Tiê

NIETZSCHE, ông tỏ

của Hiện-sinh vô-thần

II. — NIETZSCHE XÂY DỰNG TRIẾT NGƯỜI HÙNG



Trong bài trước, chúng tôi đã trình bày phần tiêu-cực của triết-học Nietzsche; chúng ta đã xem Nietzsche phê-bình những giá-trị tri-thức và luân-lý cổ-truyền như thế nào.

Hôm nay chúng ta xem phần tích-cực, phần xây-dựng của ông. Phần xây-dựng này đặt trên chỉ-hướng « đảo lại các giá-trị ». Khi người ta muốn tìm xem ông đã dựa trên tôn-chỉ nào để thực-hành sự đảo lộn đó, người ta không thể không thấy rằng Nietzsche đã lấy những giá-trị hiện-sinh làm nền-tảng và làm thước đo giá-trị các triết-thuyết: tất cả những học - thuyết nào không giúp con người phát-triển những khả-năng vô-tận của hiện-sinh, đều bị ông coi là triết duy-niệm và vô bổ. Tóm lại, đối với Nietzsche, hiện - sinh là giá - trị uyên-nguyên và là giá-trị duy-nhất làm nền-tảng cho các giá-trị khác; chẳng hạn tri-thức chỉ có giá-trị khi nó nhìn nhận những giá-trị hiện-sinh và giúp ta phát-huy những giá-trị hiện-sinh mà thôi; không hướng về hiện-sinh, tri-thức chỉ là một giá-trị hình-thức, nghĩa là một giá-trị chết.

NIETZSCHE ÔNG TỔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

Nhưng hiện-sinh của Nietzsche khác hiện-sinh của Kierkegaard nhiều quá : Kierkegaard nhìn-nhận sinh-hoạt tôn-giáo là hình-thức hiện-sinh cao-quý nhất và chính-thức nhất, trái lại Nietzsche gớm ghét tất cả mọi hình-thức tôn-giáo và coi tôn-giáo là hình-thức hiện-sinh nô-lệ. Do đây, Nietzsche chủ-trương : Thượng-Đế đã chết rồi ; phải giết Thượng-Đế thì con người Hùng tức con người Siêu-nhân mới có cơ xuất-hiện. Cho nên Hiện-sinh của Nietzsche là thứ hiện-sinh gắn liền với trái đất này ; hiện-sinh đó nhất định chỉ nhận « những thức ăn của trái đất » mà thôi. Cũng vì thế, chúng tôi coi Nietzsche như ông tổ của tất cả những gì là « tả » và vô thần trong Phong-trào Hiện-sinh. Hiện-sinh của Nietzsche cũng như Hiện-sinh của Sartre và của A. Gide, chỉ là hiện-sinh của đời này mà thôi, không có hướng lên Thượng-Đế và cũng không hướng về một đời sau nào hết.

Nietzsche đã ý-thức một cách bi-đát rằng : đời sống là giá-trị duy nhất ; tất cả những gì khác chỉ có giá-trị tùy theo chúng có thông-phần vào giá-trị căn-bản đó không. Tuy nhiên, tự nó đời sống không có giá-trị nào hết, vì giá-trị của đời sống là chính giá-trị mà ta, chủ-thể hiện-sinh, phải đặt cho nó. Sở dĩ tự trước đến nay, đời sống không có giá-trị chi, là vì nền luân-lý nô-lệ đã dạy con người sống trong thụ-động và tiêu-cực. Cái mà ông nghĩ mình có sứ-mệnh mang lại cho nhân loại là nếp sống hùng-cường của con người Siêu-nhân. Siêu-nhân và Ý-chí anh-hùng là hai phương-diện của cùng một thực-tại : con người hiện-sinh *siêu-phàm*. Nói đến Ý-chí anh hùng là nói đến cách người Siêu-nhân nhìn vũ-trụ,

còn nói đến người Siêu-nhân là nói đến hình-ảnh ghê-sợ mà người đó cống-hiến cho cái nhìn của ta. Chúng ta sẽ lần lượt bàn đến hai phương-diện đó.

A. — Ý-chí hùng-cường

Muốn nói một cách gọn ghẽ cho dễ nhớ, chúng ta có thể gọi Ý-chí hùng-cường của Nietzsche là chí cương-quyết *đặt mình làm trung-tâm và làm quan-điểm nhìn xã-hội*. Ý-chí hùng-cường là ý-chí thống-trị : không thống-trị bằng võ-lực hoặc bằng mưu-mô, nhưng bằng cách *đặt cho vạn-vật những giá-trị mới, những giá-trị hoàn toàn do tôi đặt ra*.

Chúng ta nhớ Nietzsche đã nói nhiều về hai loại luân-lý, luân-lý chủ-ông và luân-lý nô-lệ, và chính những luân-lý đó là dây trói buộc con người của mỗi loại người trong xã-hội. Khi ai chấp nhận một trong hai nền luân-lý đó, tức là tự buộc mình sống trong một hệ-thống luân-lý nhất-định. Trước con mắt Nietzsche, người thời nay sống theo bằng giá-trị nào ? Họ sống theo luân-lý nô-lệ do triết-học nhu-nhược của Socrate và tôn-giáo quàng vào cổ họ.

Nietzsche hay than-phẫn về tình-trạng sống vô-vị và vô-bổ của người thời nay. Ông thường gọi không-khí sinh-hoạt của thời-đại mới chúng ta là không-khí thiếu máu, không-khí bi-quan. Và ông đã dành hẳn một danh-từ ghê-sợ để gọi tình-trạng đó : *Hư-vô chủ-nghĩa*. Sở dĩ ông gọi thời-đại ta là thời-đại của Hư-vô chủ-nghĩa, vì, theo ông, thời-đại ta gồm toàn những bệnh-tật và mệt mỏi ; những người luôn luôn nói rằng : « Tất cả mọi sự đều giả-

trá và vô-ích ». (*Volonté de puissance*, t. II, p. 44). Rồi phân-tích trạng-thái đó, Nietzsche cho rằng căn-bệnh Hư-vô ở tại người ta quen tin-tưởng rằng mục-dịch cuộc đời ta không do ta đặt cho mình, nhưng do một quyền-bí h siêu-phàm (Ibid. p. 49). Như vậy con người coi đời mình như công-việc của người khác, y như kiểu những tên nô-lệ nghĩ rằng việc chúng làm không phải là ích lợi cho chúng, nhưng chỉ ích-lợi cho ông chủ mà thôi. Cho nên Nietzsche đã hét lên : « Thù-dịch của tôi là ai ? Đó là bọn người muốn bỏ bễ tất cả mọi sự và không muốn tự kiến-tạo lấy mình. Chúng là những kẻ nói rằng : « Tất cả mọi sự đều vô ích » và chúng không biết tạo lấy những giá-trị cho mình ». (Ibid. p. 113).

Muốn kiến-tạo một lớp người tự-do, biết tự-chủ và tự mình đặt lấy những giá-trị cho mình, Nietzsche đã nêu cao tôn-chỉ sau đây, một tôn chỉ mà người ta có thể đọc thấy nhiều lần trong các tác-phẩm của ông : « Hãy luôn luôn trở nên chính mình anh, hãy là chủ-ông và là nhà điêu-khắc để tạo nên chính mình anh ». (Ibid. p. 109 : « Deviens sans cesse celui que tu es, sois le maître et le sculpteur de toi-même ») Nói cách khác : Anh hãy dám là anh đi, đừng là con người mà người ta nghĩ về anh hoặc con người mà anh cho rằng người ta nghĩ anh phải trở nên thế. Deviens ce que tu es ! Anh hãy trở nên chính mình anh, anh hãy dám là anh đi ! Nhìn vào xã-hội quanh ta, có lẽ càng cần phải nhắc lại câu trên đây của Nietzsche, vì phần đông nhân-loại vẫn sống trong cảnh nô-lệ tinh-thần. Mà nô-lệ tinh-thần còn đáng khinh bỉ và đáng thương hại hơn

cảnh nô-lệ thân-thể nhiều phần. Theo Nietzsche, tất cả những ai nhắm mắt tuân theo những thể lệ và cách sống của xã-hội, đều là những người nô-lệ tinh-thần : bọn này sinh ra để phục vụ xã-hội, mang thân làm những viên gạch cho người Hùng xây dựng xã-hội ; nhưng nếu Người Hùng chưa xuất hiện, thì tất cả nhân-loại giống như một đàn cừu, một đoàn người nô-lệ. Tình-trạng này còn kéo dài, vì người ta chưa chân-nhận những giá-trị của tự-do :

« Luân-lý là gì nếu không phải là sự tuân-phục những lễ-thói, bất cứ lễ-thói đó hay dở thế nào ; sống theo luân-lý là sống theo tập-tục... Trái lại, người tự-do là người vô-luân, vì người tự-do muốn rằng trong tất cả mọi việc, nó chỉ chịu quyền của chính mình nó mà thôi, không chịu theo một tập-tục nào hết. (L'homme libre est immoral, puisque, en toutes choses, il veut ne dépendre que de lui-même et non d'un usage établi). (*Aurore*, aph. 9).

Nếu nhớ lại những tư-tưởng của Kierkegaard, về nền luân-lý duy-lý, chúng ta thấy rằng cũng như Kierkegaard, Nietzsche muốn con người hiện-sinh vượt lên trên cái thông - thường. Khác một điều : Kierkegaard còn nhận cho luân - lý có giá-trị của nó là giá-trị bậc hai ; trái lại Nietzsche luôn luôn cho rằng « Luân-lý là môi-trường sinh-hoạt của đoàn vật, vì luân-lý có chủ-dịch bảo-đảm hạnh-phúc chung của lũ người hèn » *Par delà le Bien et le Mal* aph. 44) Như vậy, trong khi Kierkegaard còn truy-nhận luân-lý là một giá-trị, thì Nietzsche vạch mặt luân-lý và bảo rằng nó là một cái chi tầm thường, không xứng với Người Hùng của ông.

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THÂN

Theo ý đó, ông đã ghi lại những cách-ngôn sau đây : « Những dấu-hiệu của tâm-hồn cao-thượng : không bao giờ hạ giá những hành-động của ta bằng cách coi đó là những việc mà ai cũng phải làm... Một người có chí-khí anh-hùng phải nhìn những người xung quanh mình như những phương-tiện để mình dùng, hoặc như những trở-lực mình phải tháo ».

(Ibid. aph. 272, 273).

Qua mấy dòng trên đây cũng đủ thấy con Người Hùng của Nietzsche là con người hoàn toàn tự-chủ, không lệ-thuộc vào những thói-tục do luân-lý cổ-truyền tạo nên để nô-lệ-hóa con người : con Người Hùng ý-thức sâu xa về tính-cách tự-chủ của mình, nó muốn dùng cuộc đời của nó để thể-hiện quyền tự-chủ vô-cùng quý-báu đó. Nếu nhớ phần phê-bình trên kia của Nietzsche, chúng ta dễ hiểu rằng sở dĩ bọn nô-lệ đã dùng luân-lý khuất-phục được những người thống-trị, là vì những người này đã chấp-nhận những giá-trị của nền luân-lý nô-lệ : chấp-nhận một nền luân-lý, là tự đặt mình làm nô-lệ cho một cách sống, một ý-thức-hệ. Nietzsche luôn luôn nhắc lại điều đó, và ông đã nói mạnh và nói cách đau đớn vì ông chứng-nghiệm rằng luân-lý Tây phương thời đó đang đi vào Hư-vô chủ-nghĩa, một thứ luân-lý tiêu-cực coi mọi sự là vô-ích, coi cuộc đời là xấu-xa và chỉ tìm cách trốn thực-tế để thả mình theo những mơ-mộng yếm-thế. Hư-vô chủ-nghĩa dạy người đời rằng : « Đời không đáng sống. Tất cả mọi sự đều vô-ích. Thôi, cứ sống cho qua ngày. Sống chờ đợi. Chờ chết ». Đó là hình-ảnh sống của người nô-lệ sống nơi lưu-đày, sống không ý-vị vì không có chủ-

đích và dự-phóng ; họ sống như thể sống giúp ai ; họ sống cho ông chủ của họ ; họ không tự-chủ : và đó là bí-quyết giải-nghĩa cuộc đời ảm-đạm của họ. Chính vì muốn lay tỉnh con người thời-đại, Nietzsche đã rao giảng lý-tưởng con người Hùng. Con người Hùng là con người tự-chủ, con người có Ý-chí hùng-cường. Đi sâu vào các tác-phẩm của Nietzsche, người ta thấy Ý-chí hùng-cường được biểu-lộ qua mấy nét đặc-sắc này :

a) *Ý-chí hùng-cường là ý-chí tự-quyết.* — Nietzsche coi đời sống xã-hội là mồ chôn của Người Hùng ; xã-hội là làn nước vô-tình, lúc nào cũng muốn chìm chết kẻ hiền-tài : người hiền-tài là một thách-đố và là một mũi giầy giẫm lên trên lũ đông, cho nên lũ đông vừa kính-phục vừa thâm-thù kẻ anh-hùng. Thấy mình bất lực, không làm được như vị anh-hùng, những kẻ tinh-khôn hơn trong bọn lê-dân sẽ lập ra một trật-tự mới với những giá-trị luân-lý mới để dạy người ta khinh chê những điều mà chúng không đạt được (cũng như con chồn nhảy mãi không với được chùm nho chín, thì nó bỏ đấy, vừa đi vừa bảo rằng chùm nho xanh đó không xứng miệng người phong-lưu). Cho nên người Hùng không nên quan-tâm đến những lời phê-bình và đánh giá của bọn người phàm-phu ; người tự-chủ không sinh ra để tái-bản cuộc đời theo những khuôn-mẫu người thông-thường, tức người « lương-thiện của bọn lê-dân ». Người tự-chủ phải tự tìm ra lối đi, và quyết-tâm dẫn-thân vào lối đi đầy nguy-hiểm và đầy vinh-quang đó :

« Người cao-thượng là người đã ý-thức và tin-tưởng đĩnh-ninh rằng mình

có quyền nhận-định, có quyền đặt ra những giá-trị mà không cần được ai chấp-nhận hết. Cái gì họ nghĩ là có hại, cái gì họ nghĩ là danh-dự, thì đó là danh-dự: người tự-chủ là kẻ sáng-tạo ra những giá-trị (créateur de valeurs). Đó là luân-lý của người tự-chủ, một luân-lý nêu cao vinh-dự của con người.

« Người Hùng không lấy làm vinh dự khi thấy người ta cũng nghĩ như mình; trái lại ông thấy mất thể-diện vì người khác cũng đồng ý với mình, vì như thế là mình chẳng hơn họ chi. Người Hùng phải nói: « Ý-kiến của tôi là ý-nghĩ của tôi; người khác không có quyền nghĩ như thế ». Phải giữ mình đừng chia sẻ những ý-nghĩ của quần-chúng. Điều Thiện thì quý; nhưng cái chi được phoir bày nơi quần chúng thì còn quý gì nữa. Cho nên, tất cả những gì quý-báu và cao-trọng không thể thấy nơi quần chúng, mà chỉ dành riêng cho những kẻ anh-hùng mà thôi. Của hiêm dành cho loại người hiêm ». (*Par delà le Bien et le Mal*, aph. 260, 42).

Tự-quyết. Người Hùng là người biết tự-quyết. Và điều tự-quyết căn-bản là phải tự tìm ra một lối nhìn mới. Bỏ cái nhìn của những người luân-lý bệnh-tật. Theo Nietzsche cũng như theo Schopenhauer, « vũ-trụ chỉ là cái nhìn của ta đối với vũ-trụ » và nhận một vũ-trụ-quan là nhận một cách sống nhất-định. Vậy Người Hùng phải bỏ cái nhìn cũ để tìm ra một cách nhìn mới: « Giá-trị của vũ-trụ ở tại cách ta nhìn và giải-nghĩa nó; tất cả các cách nhìn trước đây đều

nhằm giúp ta nâng cao giá-trị của hiện-sinh và gia-tăng ý-chí hùng-cường của ta. Tất cả những gì cao-quý trong con người đều bắt buộc ta hủy bỏ những cái nhìn hẹp hòi để đón nhận những kiểu nhìn khả-di mở những chân trời mới mẻ và vinh-quang hơn ». (*Volonté de puissance*, t. I, p. 250).

Tự-quyết, người tự-chủ thấy cần phải làm ngay công việc đầu-tiên là đổi lại thái-độ đối với đời sống: lấy nền luân-lý yêu đời thay thế cho nền luân-lý yếm-thế. Lời Zarathoustra:

« Khi Ta đến trong loài người, Ta thấy họ ngồi quanh một thiên-kiến lưu-cửu: tự lâu, họ vẫn tưởng họ biết cái chi là thiện và cái chi là ác cho con người. Cho nên họ cho những cuộc tranh-luận về nhân-đức là câu truyện cũ rích.

Ta đã lay tỉnh họ và bảo cho họ biết rằng: Chưa ai biết đâu là thiện và đâu là ác, trừ vị đã sáng-tạo nên chúng. Và Ta đã bảo họ phá đổ những giá-trị cũ-kỹ xưa... Ta đã thóa-mạ tất cả những giá-trị đó.

Nhất là ta đã dạy cho họ hiểu chân-lý mới này: Con người là một cái gì phải vượt qua (L'homme est quelque chose qui doit être dépassé). Anh em ơi, Ta đã phoir cho anh em quyền sáng-tạo: đối với Ta, anh em là những vị sáng-tạo. Không phải nguồn gốc của anh em có thể làm vinh-hạnh cho anh em, nhưng chỉ ý-chí hùng-cường và bước đi của anh em mới thực là giá-trị và vinh-dự cho anh em mà thôi. (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 276 — 287).

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

Zarathoustra muốn giác-ngộ con người, bảo cho nó biết giá-trị của nó chỉ là những giá-trị yếm-thể, ảo-tưởng, và như vậy con người vẫn chưa nhận ra giá-trị đích-thực của cuộc đời. Phải đọc những trang Nietzsche ca ngợi hiện - sinh với những đề - tài « Thân - xác » và « Trái Đất », người ta mới cảm thấy mức sống dồi-dào và lòng kính-chuộng hiện-sinh của Nietzsche. Thí dụ như câu sau đây : « Đời sống ời, một hôm Ta đã ngắm đôi mắt của người, và Ta thấy mình như sa xuống đáy vực sâu. . . Tự trong thâm-tâm Ta, Ta chỉ yêu đời sống ; nói thực ra, Ta chỉ yêu nó nhất khi Ta ghét nó nhất ». (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 149-150). Yêu đời sống là yêu những đam-mê mãnh-liệt, những dự-định lớn lao và những quyết-định nguy - hiểm. Sống của Người Hùng là sống mãnh-liệt và dào-dạt :

« Những bậc kỳ-tài trong thiên-hạ đều là những người hùng-cường : chính họ thúc đẩy nhân-loại tiến-triển bằng cách làm thức dậy những đam-mê vẫn ngủ yên tự xưa cho đến lúc đó. . .

« Cũng như những thời-kỳ oai-hùng, những bậc kỳ-tài là những chất nổ ghê-gớm, vì họ trữ chứa những nghị-lực mãnh-liệt. Đồng thời những bậc kỳ-tài đó trở thành những mối nguy-bại : họ tiêu hao tất cả nghị-lực và làm tê - liệt các kẻ ở chung - quanh và đi sau họ. Người kỳ-tài là một tận-cùng ». (*Crépuscule des idoles*, aph. 44).

Xem như thế, Nietzsche chủ - trương hiện-sinh, và hiện-sinh phong-phú đến đam-mê. Đúng như tâm - lý - học cho hay : không có đam-mê, không thể đạt tới

việc chi vĩ-dại. Sống đam-mê không phải là sống an-hưởng ; càng không phải là sống trong khuôn-khổ. Yêu sống không phải là sống, nhưng chỉ là nô-lệ cho sức sống. Yêu sống là biết dùng đời sống để thể-hiện một cái chi vĩ-dại. Tóm lại, yêu sống là dám sống cách anh-hùng, ngang-tàng và nguy-hiểm. Cho nên : « Các bạn hãy tin tôi : chỉ có một bí-quyết để thu-hoạch một mùa sống phong-phú nhất và giá-trị nhất, là sống cách nguy - hiểm ». (*Le gai savoir*, aph. 283). Bây giờ chúng ta mới hiểu câu trên kia của Nietzsche : Ta chỉ yêu cuộc sống khi ta ghét nó mà thôi.

b) Ý-chí hùng-cường là ý-chí độc-đáo. Dưới ngòi bút của Nietzsche, tất cả những gì có tính-cách đại-chúng đều tầm-thường và đáng khinh bỉ. Ông cho rằng quan-niệm « dân-chủ » là một phát-minh của bọn nhu-nhược để kìm hãm những Người Hùng : « Ngày nay, nhân - loại là một đàn vật, mỗi con vật đó đều có quyền lãnh lấy những chức-vụ và ban phát những danh - dự : sự bình - quyền này chẳng qua chỉ là một thứ bình-đẳng để chống lại tất cả những gì là họa-hiểm và độc - đáo, nghĩa là chống lại những người hùng và những tâm-hồn cao-thượng. Người Hùng phải hiểu rằng : ngày nay, muốn làm người cao - thượng thì phải dám tự-chủ, sống độc-đáo ; người hùng tự nhủ : « Người anh-hùng nhất là người dám sống cô-độc, tự-chủ, ý-chí mãnh-liệt ». Nhưng tôi xin hỏi : Ngày nay làm gì có hùng-cường và cao-thượng ? » (*Par delà le Bien et le Mal*, aph. 212).

Ý-chí hùng-cường là ý-chí con người suy-ngĩ và dám suy-ngĩ theo những

đường lối mới. Làm như thế, người anh-hùng sẽ cảm thấy cô-đơn. Cô-đơn vì số người hùng rất hiếm; nhưng ai không phải người hùng, nhất định sẽ lià xa và còn chê bai người hùng nữa. Nhưng, trung-thành với ý-chí hùng-cường, và đã biết trước rằng mình sẽ bị cô-đơn, người hùng-cường tự nay sẽ sáng suốt nhận-định rằng: sống như quần-chúng thì được quần-chúng truy-nhận và tất nhiên có bầu-bạn, nhưng sống như quần-chúng là trở nên hèn mạt như quần-chúng:

« Lần thứ nhất khi Ta đến trong loài người. Ta đã ngồi lê nơi các công-viên. Ta nói với mọi người, mà thực ra chẳng nói với người nào hết. Chiều tối, Ta là bạn bè của những phượng leo dây mùa rổi: khi đó Ta gần như một xác chết.

« Nhưng một buổi sáng kia. Ta lại trở lại trong loài người: một chân-lý mới đã đến với Ta. Ta học được rằng: « Công-viên và bọn lê dân ngoài công-lộ có liên hệ gì đến Ta? Hỡi những người cao-thượng, hãy nghe ta nói điều này: dân ngoài công-lộ không thể tin rằng có những người cao-thượng. Thành thử nếu các bạn muốn ăn nói ngoài công-viên, bọn phàm-dân sẽ háy mắt như có ý bảo các bạn rằng: « Chúng mình bình-đẳng ».

« Ta không muốn bình-đẳng với bọn phàm-dân. Nay những người cao-thượng, các bạn phải tránh xa những công-viên » (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 405).

Người Hùng không hề bạn với quần-chúng ào-ạt. Người Hùng không cần

đếm xỉa lời khen chê của quần-chúng: còn kiêng nể lời khen chê của dư-luận là còn đặt mình làm nô-lệ quần-chúng như vậy là hèn hơn bọn lê-dân tầm-thường. Theo Nietzsche thì quần-chúng tuy đông về số, nhưng không có ai là người hết; họ chỉ toàn là những cái bóng vật vờ, bảo ngược cũng gật, bảo xuôi cũng ừ. Vì thế Nietzsche đã viết: « Ở ngoài công-trường, ta nói với hết mọi người, mà kỳ thực không nói với người nào hết ». Nietzsche chủ-trương vượt lên trên quần-chúng, giẫm lên trên dư-luận và tất cả những gì quần-chúng tôn thờ: quần-chúng là bọn nô-lệ, là bọn người luôn luôn bị lợi dụng mà không biết; ai cũng tán-tỉnh quần chúng, ai cũng lấy quần-chúng làm quan tòa để xác-định những giá-trị: thực ra quần-chúng chỉ là những bồ-nhìn do tay những người lãnh-đạo xua đi như xua một đàn cừu. Quần-chúng chỉ là cái miệng để hoan hô và dả đảo: những tay lãnh đạo bảo hoan hô thì quần-chúng hoan hô, bảo dả đảo thì quần chúng lại dả đảo ngay. Quần chúng thực là một cái máy khổng-lồ và vô-hồn. Ai muốn sống như quần chúng, người đó sẽ hỏng mất cuộc hiện-sinh của mình. Sống như mọi người là sống tầm thường. Sống như mọi người là sống như cây cỏ, chưa biết xử-dụng tự-do và nhân-vị của mình.

Vậy phải dám tư-tưởng lấy, suy-nghĩ lấy, và phải biết hành-diện vì thấy mình cô-đơn trong nẻo tư-tưởng đó. Nietzsche thường coi cô-đơn là đức người quân-tử, cô-đơn tách ta ra khỏi chỗ tầm-thường của quần chúng: « Người quân-tử phải nắm chặt bốn nhân-đức: can-đảm, nhìn

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

sâu, thiện-cảm và cô-đơn. Ta coi cô-đơn là một nhân-đức đưa ta tới chỗ cao-thượng và làm cho ta thấy mình cần cao-khiết. Tất cả những thông-cảm với quần chúng đều có thể làm chúng ta trở nên tầm thường như quần chúng». (*Par delà le Bien et le Mal*, aph. 284).

Qua những dòng trên đây, chúng ta đã thấy hình ảnh Người Hùng của Nietzsche như thế nào rồi. Để tỏ rõ thêm những nét đó, chúng ta hãy đọc mấy trang sách nữa của Nietzsche dành riêng cho con Người Hùng cũng gọi là Siêu-nhân.

*
* *

B. — Con người Siêu-nhân.

Hình ảnh người Siêu-nhân hiện ra qua các tác-phẩm vừa nhiều vừa phức-tạp của Nietzsche: muốn thu gọn những ý-tưởng đó lại dưới vài đề-mục là muốn làm một câu truyện nực cười. Biết thế mà vẫn phải làm: chúng tôi đành phải làm thế để việc trình bày được sáng sủa và để bạn đọc có thể dễ nhớ mấy nét chính của con người Siêu-nhân.

a) Con người Siêu-nhân là con người luôn luôn vươn lên. — «Con người là một cái gì ta phải vượt qua»: câu này được lặp đi lặp lại rất nhiều lần dưới ngòi bút của Nietzsche. Con người là một nhịp bước, là một quá-trình đi lên, không phải là một an-hưởng hoặc một tận-cùng. Con người hiện-sinh phải biết xấu-hổ mỗi khi nhìn vào mình: dầu mình đã tiến đến đâu, mình vẫn phải bảo mình rằng như thế chưa ra gì hết, mình vẫn phải vượt lên mãi. Con người là một cái gì ta phải vượt qua.

Nhưng vượt qua thế nào? Nietzsche không cho vượt lên Siêu-việt do con đường tôn-giáo, nhưng chỉ muốn con người tự vượt mình mà thôi. Đó là một thứ viễn-việt, không phải là siêu-việt. Nói cách khác, Nietzsche không muốn con người thể-hiện một đời sống toàn-bảo ở trên trời, nhưng ở ngay dưới đất này. Và đó là ý chính của danh-từ Siêu-nhân: các tôn-giáo đặt cho con người những lý tưởng làm thần làm thánh trên trời, còn Nietzsche thì đặt cho con người cái lý-tưởng làm người Siêu-nhân. Có thể coi Siêu-nhân như vị thánh-hiền của những giá-trị trần-gian:

« Anh em phải luôn luôn trung-thành với trái đất, trung-thành với tất cả sức mãnh liệt của nhân-đức anh em. Tình yêu và tri-thức của anh em phải phụng-sự ý-nghĩa của trái đất. Tôi nài xin anh em điều đó.

« Hãy làm như tôi, hãy đem những nhân-đức lạc đường trở về với trái đất; phải, hãy đem nhân-đức trở về với thân-xác và cuộc sống để nhân-đức của anh em làm cho trái đất có ý-nghĩa, nghĩa nhân-bản.

Tự nay, nhân-đức và tinh-thần của anh em chỉ phụng-sự ý-nghĩa của trái đất mà thôi: nhờ đó, tất cả mọi sự sẽ có một giá-trị mới. Tôi cậy vào anh em, vì anh em phải là những vị sáng-tạo ». (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 104-105).

Nietzsche gọi những nhân-đức hướng về đời sau là những nhân-đức lạc đường; ông căm thù những nhân-đức như thế vì chúng làm con người khinh chê những giá-trị hiện-sinh. Đó là những

nhân-đức tiêu-cực của bọn yếm-thế : do những quan niệm sai-lầm như vậy về nhân-đức, bọn kia đã dìm chết con người dưới làn nước của Hư-vô chủ-nghĩa, coi hiện-sinh như vô giá-trị.

Nietzsche luôn luôn nói đến « ý-nghĩa của trái đất » tức ý-nghĩa cuộc hiện-sinh. Ông hô hào những phần-tử giác-ngộ phải giúp ông tái-lập nền luân-lý hiện-sinh và lý-tưởng sinh-hoạt như vũ-bão, lấy trần-gian này làm nơi phát-triển những nghị-lực và những dự-tính cao-cả nhất của nhân-vị con người. Trong một trang của cuốn sách hay nhất của ông, Nietzsche phán nài : « Trong những ngõ hẻm tối-tăm, bọn nhu-nhược và bệnh-tật dạy người đời rằng : « Khôn ngoan làm chi cho nhọc xác ! Thôi cứ sống yên hàn là hơn cả, sống nho nhỏ, đừng nuôi những hoài-bão lớn lao làm chi. » Trời ơi, tâm-trí chúng như một chiếc bao-tử ốm-yếu, cho nên chúng chỉ biết khuyên người ta chờ chết. Thực ra khôn ngoan và tri-thức là nguồn vui-sướng lớn nhất cho những ai có chí-khí như sư-tử. Anh em ơi, ý-chí sẽ giải-phóng chúng ta : chính ý-chí là sức sáng-tạo. Anh em phải học sáng-tạo đi ». (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 290-291).

Đối với Nietzsche, cuộc hiện-sinh này là giá-trị duy-nhất của đời người : hồng mắt cuộc đời, là hồng tất cả. Khốn nỗi không thiếu những kẻ chỉ cố tình dạy người đời coi rẻ hiện-sinh, bỏ bễ hiện-sinh để chạy theo những cái mà Nietzsche gọi là « những ảo ảnh của đời sau ». Nietzsche gọi những người này là bọn giả-hình và không tiếc lời thóa mạ họ : « Anh em ơi, đâu là mối nguy-hiểm ghê sợ nhất cho tương-

lai nhân-loại ? Thưa đó là những kẻ tự nghĩ mình tốt và được người khác công-nhận là công-chính. Bọn này tự hào mình đã biết đâu là thiện và đâu là ác. Chúng là bọn giả-hình. Nhưng sự thực là thế : chúng nhất định kiêu-căng và giả-hình. Và chúng ghét cay ghét độc những ai dám sáng tạo, bởi vì kẻ sáng tạo đã đập tan bằng giá-trị của chúng ». (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 300-301). Nietzsche cho rằng tất nhiên « những kẻ lương-thiện » của thế hệ theo Hư-vô chủ-nghĩa này phải phản-động, phải chống đối với những cái cách do người Siêu-nhân mang lại : đó là bản-năng tự-vệ. Ở đời, kẻ người ta không làm nên, thì người ta cũng không muốn cho ai làm nên hết. Sự làm nên của kẻ khác là một bát nước lạnh tạt vào mặt tôi : nhưng khi bát nước lạnh nọ tạt vào cả một truyền-thống, thì ta dễ hiểu sự phản ứng sẽ ghê gớm lắm.

Phản đối mặc, và lên án cũng nặc, người Siêu-nhân cứ đi con đường mình, cứ sáng-tạo, cứ dám nghĩ như chưa từng ai nghĩ. Mặc cho ai khuyến khích những giá-trị viễn vông, mặc cho ai sống để chờ chết, người Siêu-nhân nhất quyết phát-triển những giá-trị hiện-sinh : người Siêu-nhân ý thức một cách đau đớn rằng con người là một cái gì phải vượt qua, vượt qua và vượt lên mãi. Tất cả nghị-lực của người Siêu-nhân đổ dồn vào cuộc hiện-sinh, cần sao « làm cho cuộc hiện-sinh có một ý-nghĩa », và đó là ý-nghĩa của trái đất » mà Nietzsche luôn miệng nhắc đến.

b) Con người Siêu-nhân là con người đã tự-giác. — Hình như Nietzsche đón

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

chào thế-hệ người Siêu-nhân như một thế-hệ huy-hoàng của nhân-loại : người Siêu-nhân là người tự trong quần-chúng bước ra nhưng là người phải giẫm lên trên quần chúng. Theo nghĩa đen : Siêu-nhân là vượt lên đầu con người thường. Người Siêu-nhân là người biết mình không còn bị trói buộc bởi một hạn-chế nào nữa. Đó là con người đã tự-giác và đã được giải-thoát. Nói như Phật Thích-Ca thì người Siêu-nhân tự cầm đèn mà đi, người đó là ánh sáng soi lấy nẻo mình đi. Người Siêu-nhân không nhắm mắt tin theo những lời truyền dạy của luân-lý nữa, nhưng luôn luôn xét lại xem có hợp lý và có sức phát-triển hiện-sinh chăng. Khi người ta sống nhắm mắt theo luân-lý cổ-truyền, người ta không thấy cần phải suy-nghĩ chi, hễ thấy kẻ khác làm thì mình cũng làm ; nhưng một khi đã tự-giác, đã tự nhận trách-nhiệm làm ánh sáng soi lấy đường mình đi, người ta phải tỉnh-trí luôn, suy-nghĩ luôn, đo đắn luôn.

Đó là hình ảnh cao quý nhất của con người tự-giác và tự-chủ.

Người Siêu-nhân không thể là người liễu-linh. Chính những kẻ tầm-thường mới là kẻ liễu-linh, vì bọn này trao thân họ để sống nhắm mắt theo những thể-lệ chính chúng không hiểu chi. Bọn chúng sống như đần cừu. Sống cho qua cái đời, cho uống cuộc đời. Sống vô danh tiểu tốt. Sống như cây cỏ. Còn người Siêu-nhân là con người ý-thức, là con người hiện-sinh và là con người đã giác-ngộ ; nó giác-ngộ rằng không cảnh nô-lệ nào nhục-nhã bằng nô-lệ tinh-thần. Vậy mà cầm đầu tin theo những luật-lệ

mình chưa ý-thức được rằng thiện hay ác, tức là nô-lệ cho những quy-chế kia. Khi một nền luân-lý không nâng ta lên, thì nhất định nó sẽ đem ta xuống. Theo Nietzsche thì những nền luân-lý phản-hiện-sinh đều là những nền luân-lý bệnh-tật, nhu-nhược, trói buộc con người trong cảnh nô-lệ tinh-thần, không cho phép con người suy-nghĩ và sáng tác.

Nietzsche đã để lại những nét rất ngang tàng về đức tự-giác của người Siêu-nhân. Chẳng những người tự-giác phải dám phê-bình và nhận-xét kỹ-càng về nền luân-lý cổ-truyền, người Siêu-nhân còn phải tỏ ra hoàn toàn tự-chủ với chính ông thầy dạy của mình nữa.

Trước hết, nói về ông thầy, Nietzsche bảo chúng ta nên coi ông thầy là một « tai-hại cần-thiết » (un mal nécessaire). Chúng ta cần phải có thầy dạy bảo, nhưng ông thầy thường là một tai-hại, một trở ngại cho sự tiến-triển của người tự-do : ông thầy là một giá-trị ta thường không dám vượt qua. Chính đó là tai-hại : có người học đỗ đủ các thứ bằng cấp đại-học rồi, thế mà tinh-thần vẫn chưa trưởng thành, vì họ vẫn không dám có ý-nghĩ riêng, không dám nghĩ trái lại và nghĩ khác các ông thầy đã dạy mình : suốt đời, họ chỉ là những tên học trò « ngoan ngoãn », mặc dầu họ chêm-chệ ngồi ghế giáo-sư. Họ giống như loài tầm kỳ-quái mà một người bạn học của chúng tôi thường nói chửa rằng : tầm đó ăn dâu không nhả ra tơ nhưng lại nhả ra dâu ; họ học thế nào, họ lại dạy lại nguyên như thế. Đó là những con người chưa biết tránh cái hại của ông thầy ; đó là những người

cần nghe Nietzsche cảnh-tỉnh. Tuy Zarathoustra là vị thánh hiền đã mang lại cho ông một triết-lý táo bạo và giải-thoát, tuy triết-lý đó dạy ông khinh đời và khinh tất cả các tập-tục, nhưng sau này Zarathoustra đã thẳng thắn bảo ông phải tỏ mình độc-lập đối với chính cả Zarathoustra :

«Này chư đệ, ta đi đây. Các chư đệ cũng lên đường đi ! Ta muốn chư đệ lên đường một mình. Thực đây, Ta khuyên nhủ chư đệ điều sau hết này : Chư đệ phải xa Ta ra, *phải chống lại Ta*. Hơn nữa, chư đệ phải xấu hổ vì Ta ; biết đâu Ta đã chẳng là một chàng bịp bợm ?

«Con người đi tìm chân-lý cần phải biết yêu các thù-dịch của mình, và cũng phải biết ghét những bạn thân của mình nữa.

«Khi người nào muốn cả đời chỉ là học trò, thì người đó rất ít biết ơn ông thầy. Còn chư đệ, chư đệ còn do dự chỉ nữa mà không xé mũ-miện của Ta ra ? Ừ, chư đệ bảo là tôn kính Ta, nhưng sự tôn kính đó ăn thua gì ? *Hãy coi chừng đừng để thần-tượng dè chết nhá !* » (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 106).

Sử sanh không ngớt cảm-phục những lời trên đây của Nietzsche : dạy làm người là dạy phải vượt qua và vượt trên ông thầy. Ông thầy nào biết dạy môn sinh như thế thực đáng gọi là ông thầy cao cả, ông thầy dạy ta làm người, chứ không dạy ta làm học sinh suốt đời. Trong đoạn trên đây, hay nhất là hai câu «ai cả đời làm học trò sẽ ít biết ơn ông thầy», câu này có nghĩa là có làm thầy mới biết công ơn ông thầy, có

làm thầy mới biết những khó nhọc và những trách-nhiệm của ông thầy. Ấy là nói làm thầy thực, không nói làm thầy bán chữ như con vẹt. Làm con vẹt thì không cần suy-nghĩ truy-tầm, không cần lao tâm khổ tứ ; còn làm ông thầy cho xứng danh ông thầy thì cần suy-tư, nghĩ ngợi, tra tầm, và nhất là phải chịu trách nhiệm trước dư-luận về học-thuyết của mình. Một câu nữa cũng rất ý-vị là «Chư đệ bảo là tôn-kính Ta, nhưng xin coi chừng đừng để thần-tượng dè chết», nghĩa là đừng coi ông thầy như thần thánh, vì như thế là tôn kính không phải lối : kiểu tôn kính đó sẽ giết chết tinh-thần sáng tác của chư đệ

Sau cùng, khi nói về người Siêu-nhân, Nietzsche chỉ cho ta thấy đó là loại người đã hoàn toàn giải-thoát, đã hoàn toàn tự-chủ và tự-chủ trong tinh-thần sáng suốt và hiền ngang. Người ta có cảm-tưởng như nghe Nietzsche tuyên-phong người Siêu-nhân lên bậc thần thánh. Xin đọc hai đoạn văn sau đây :

«Hỡi những người Siêu-nhân, hãy làm như luồng gió mạnh thổi ngang sườn núi : gió kia bay nhảy nhẹ nhàng biết bao ! Làn nước sông và biển rung mình khi gió đi qua.

Ta ca ngợi những ai lấp cánh cho bọn lừa cái và vắt sữa của bọn sư-tử cái. Tinh-thần khảng khái đó hiện đến như một trận cuồng phong, làm rung chuyển cái xã-hội lê-dân . . .

«Hồn Ta ơi, Ta đã giải-thoát mi khỏi những xó xĩnh, khỏi những cát bụi và

NIETZSCHE ÔNG TÔ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

khỏi những màng nhện, khỏi cảnh nửa sáng nửa tối.

«Hồn Ta ơi, Ta đã cho mi có quyền nói «Không» như vũ bão, và nói «Ừ» như vẻ mặt của trời thanh rộng mở : Bây giờ mi an-định như ánh sáng, và mi đã bước qua tất cả những sóng gió của phủ-nhận.

«Hồn Ta ơi, Ta đã trả mi tất cả tự-do về cái đã được tạo-thành và cái chưa được tạo-thành. Có ai khoái-trá nhìn tương-lai như mi ?

«Hồn Ta ơi, Ta đã cắt đi khỏi mi tất cả những gì là vâng-phục, là quỳ gối, là nô-lệ. Tự nay mi sẽ có tên là «Hết khốn khổ» và «Hết định-mệnh».

«Hồn Ta ơi, Ta đã cho mi tất cả, cả những gì là quý hóa nhất của Ta : mi hãy hát lên, vì ca hát là hồng ân cuối cùng Ta tặng mi ». (*Ainsi parlait Zarathoustra* p. 419 et 315-318).

Qua mấy trang trên đây, chúng ta thấy người Siêu-nhân là con người đã thực sự vươn tới mức hiện-sinh tự-do và tự-chủ. Con người Siêu-nhân là con người sáng-suốt để luôn luôn ý-thức về bước đi của mình. Lý-tưởng do Nietzsche vạch ra thực là rõ ràng và dứt khoát.

*
* *

Sau khi trình bày triết-học của Nietzsche, chúng tôi thấy có bốn phận phải đưa ra vài nhận xét tổng quát. Đó là điều chúng tôi không cảm thấy cần khi bàn về triết-học của Kierkegaard. Là vì tư-tưởng của Nietzsche chứa đựng quá nhiều chất độc.

Trước hết chúng ta cần xét đến thái-độ chống tôn - giáo của ông. Hai Tôn-giáo hay bị ông gọi tên ra để thóa-mạ là Kitô-giáo và Phật-giáo mà ông gọi là điển-hình của luân-lý nô-lệ. Những lời ngạo-mạn của ông rải rác trong tất cả các tác-phẩm của ông, nhất là trong cuốn *Volonté de puissance* (Édit. Gallimard, t. I, p. 157, 159 ; t. II, p. 57, 125). Chúng ta nhớ : ông trách các tôn-giáo đã tạo ra những giá-trị nô-lệ, và sở dĩ các tôn-giáo làm thế vì không có khả-năng để đạt được những nhân-đức hùng-cường của người bạo-động. Thí dụ người nghèo muốn coi cảnh thanh bạch là cao-quý và đáng trọng hơn cảnh giàu sang, chỉ vì chính người đó đã nhọc xác đi kiếm của mà không được : thành thử họ thần-thánh-hóa cái cảnh mà họ đành chịu sau bao nhiêu vùng dậy vô ích. Cũng một lẽ, Nietzsche cho những nhân-đức như từ-bi, nhân-nhượng, khiêm - tốn chẳng qua chỉ là những thái-độ của kẻ nhu-nhược và bất lực nhưng lại tự kiêu, muốn kẻ khác coi trọng cái mà có lẽ không bao giờ người đời coi trọng được. Max Scheler đã dành một thiên khảo-cứu để nhận-định về những ý-nghĩ này của Nietzsche : đó là đề tài cuốn *L'homme du ressentiment* (Con người phẫn chí) Max Scheler đã vạch trần những sai lầm của Nietzsche : người phẫn-chí là con người tiêu-cực, oán-thù, sở dĩ đề cao đức-tính này là vì có ý đả-kích đức-tính kia tức đức - tính mà họ không thể đạt được. Nhìn vào Kitô-giáo (Max Scheler chỉ biện hộ cho Kitô-giáo), chúng ta thấy đạo đó xây trên những nhân-đức tiêu-cực, và trung-tâm của đạo đó là Bác-ái. Bác ái không những không oán - thù, không

mang mầm mống phản-chí, mà trái lại chỉ toàn chất âu-yếm và tha - thiết cầu mong sự lành cho tha-nhân, dầu tha nhân là thù-địch. Hơn nữa, như Max Scheler đã nhấn mạnh, những nhân-đức như từ-bi, nhân-nhượng và nói chung là phần *tu-đức* (ascèse) của đạo Kitô không có công-hiệu tàn-phá những sinh-lực trong con người, nhưng chỉ có chủ-đích tiêu-diệt những cỏ hoang hồng giúp cho cây tốt dễ bề phát-triển : « Trước khi bị nhiễm một ít yếu-tố của thời Hy-Lạp suy-đổi, khoa tu-đức của đạo Kitô không những không bóp chết những bản-năng hùng mạnh, mà còn vun tưới và xữ-dụng chúng bằng cách thấm nhuần chúng đầy linh-hồn và tâm tình. Đó là khoa tu-đức tích-cực, không tiêu-cực, khoa đó giúp phát-huy những đức-tính cao-đẹp nhất của nhân-vị con người » (Max Scheler. *L'homme du ressentiment* Gallimard, p. 97)

Rồi lý-tưởng con người Hùng, tức Siêu-nhân cũng đầy những chất độc pha trộn với chất bổ. Không ai quên được những tội ác ghê sợ của chế-độ Nazi mà vụ-án Eichmann còn đang nhắc nhở nhân-loại. Chính quyền Hitler đã sát hại từng bốn năm triệu người vô-tội đàn bà và trẻ em, chỉ vì những người này không phải là dòng máu Arya (bọn Nazi tự xưng là dòng giống Arya). Mặc dầu các tội của bọn Nazi không thể đổ cả cho Nietzsche, nhưng ai cũng biết rằng quân-đội quốc-xã Hitler trao tay nhau những trang sách Nietzsche ca tụng người Hùng, và khi quân Đồng-Minh đến giải giáp, họ đã lục được trong các trại lính Hitler vô số những tập sách

nhỏ gồm những tư-tưởng của Nietzsche về Ý-chí hùng-cường và con người Siêu-nhân. Trong sách của Nietzsche nhan nhản những câu như : « Người Hùng thì tàn bạo. Anh em ơi, hãy nêu cao tôn-chỉ này : Ta phải tàn bạo » (*Ainsi parlait Zarathoustra*, p. 304).

Tuy nhiên ảnh hưởng của Nietzsche đối với Tây phương ngày nay thực là lớn lao. Chúng tôi có ý nói ảnh hưởng tốt lành. Nếu không dám nghĩ như Emil Ludwig rằng Nietzsche là bộ óc vĩ-dại nhất mà nước Đức và có lẽ cả Âu-châu đã sản xuất ra từ Goethe đến nay, chúng ta cũng không thể chối cãi được sự rung-động ghê sợ mà ông đã lay tỉnh nhân-loại. Nietzsche đã xuất-hiện như một trận bão-táp kinh thiên động địa : những lời lẽ tuy ngạo mạn nhưng thông-thiết của ông đã xúc-tiến tư-tưởng nhân-loại như ít khi thấy trong lịch-sử. Đọc Nietzsche, chúng ta thấy như bị tát vào mặt, ta thấy thẹn vì thói ươn hèn của tư-tưởng ta ; ta thấy hổ thẹn vì thái độ nô-lệ và thụ-động của ta ; ta thấy ta chưa vươn tới mức làm người tự-do, nhưng vẫn chịu cảnh nô-lệ của thủ-tục và nô-lệ của dư-luận ; ta thấy xấu hổ vì triết-lý của ta thường chỉ là một mớ những ý đẹp nhưng vô hiệu-lực ; ta thấy ta như lũ trẻ con thánng ngày ngồi nhai đi nhai lại những lời của thánh hiền, coi đó là những bùa hộ mệnh và tưởng chừng như những kinh-văn kia có phép mầu để giải quyết cuộc nhân-sinh của ta ; mà ta không biết rằng ỷ lại như thế là sống thân nô-lệ. Tóm lại đọc Nietzsche là một

NIETZSCHE ÔNG TỒ CỦA HIỆN-SINH VÔ-THẦN

liều thuốc bổ cho những tâm hồn muốn vươn lên.

Kết luận : đối với một người đã trưởng thành và biết nhận xét, thì Nietzsche (nhất là cuốn *Ainsi parlait Zarathoustra*) là một tác-giả rất bổ ích. Chính những linh-mục có học-vấn và có trách-nhiệm hướng dẫn sinh-viên như Linh-mục Yves de Montcheuil S. J. cũng nhận định như thế : « Đối với một tín-đồ Kitô-giáo đã vững tâm không sợ bị lôi cuốn, chúng tôi có thể quyết rằng ít có chi bổ ích cho tinh-thần bằng sự suy-ngẫm những trang Nietzsche đã viết. Bổ ích vì những trang đó bắt ta suy-ngẫm và phản-ứng. Nietzsche răn chúng ta đừng theo chức cảm dỗ tai hại thường làm chúng ta muốn biện-hộ và thần-thánh-hóa những yếu hèn của chúng ta và những nhu nhược của chúng ta : chúng ta nấp sau những mặt nạ nhân-đức để yên thân trong cảnh nhu-nhuộc ». (Y. de Montcheuil, *Mélanges théologiques*, Aubier 1951, p. 182-183).

Nietzsche vừa bổ ích vừa dễ đọc. Sách của ông có thể đọc một trang rồi

để đầy cũng được. Như chúng tôi đã nói ngay khi bắt đầu trình bày về Nietzsche, tác phẩm của ông không viết thành chương thành quyển, nhưng chỉ là những câu cách ngôn lý-thú. Đọc Kierkegaard thực là khó hiểu và khó theo dõi; trái lại khi ta đọc Nietzsche ta không có cảm tưởng nghe một triết-gia thuyết pháp cho ta, nhưng là nghe một ông chú hay ông cậu trải đời kể chuyện và phê-bình việc đời cho ta nghe. Đọc Nietzsche không bao giờ thấy khó, không bao giờ thấy mệt hoặc chán, vì Nietzsche là câu hỏi sống động luôn luôn mở mắt ta ra kéo ta mê ngủ.

Với một ít ý-tư giữ gìn như chúng tôi vừa nhắc trên đây, bạn có thể đọc Nietzsche và bạn sẽ thấy ông là một thầy dạy tư-tưởng rất khó tính nhưng rất có tài và đã thành-công trong việc đào tạo cả một lớp triết-gia mới của ngày nay.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ sau : Husserl, ông tổ văn-chương triết lý hiện-tượng học.

Đàn bà

Trong văn chương, đề ít ai có thái độ bi quan về người đàn bà bằng J. K. Huysmans từng viết trong tập : « *En route* » :

— « Bất luận quay về ngả nào với người đàn bà, người ta cũng cảm thấy đau khổ, vì đàn bà là khí dụng tạo tác ra đau khổ mãnh liệt nhất mà Thượng Đế đã đem tới cho nhân loại ».

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghĩ

Điện thoại : 21.558-21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

Hoàn-cảnh sáng-tác và điều-kiện sống hiện-thời của văn-nghệ-sĩ

Vũ-Hạnh

(Trích bài nói chuyện của tác giả tại
Câu - lạc - Bộ Văn - Hóa do Hội
Bút - Việt tổ chức sáng 17-12-61)

NGUỜI văn-nghệ-sĩ tự xét có bốn-phận nói về thực-trạng của mình để được hưởng sự can-thiệp vừa có lợi-ích cho mình và cho xã-hội. Nếu không có sự cảm thông sâu-sắc đối với văn-nghệ, dễ đi đến những ngộ-nhận có thể gây nên di hại nặng-nề. Sự ngộ-nhận ấy có thể ở trên phương-diện sáng tác, chẳng hạn quên đi bản-chất độc-đáo của ngành văn-nghệ là sự cảm xúc chân thực, là sự thai-nghén công-phu mới tạo thành được công-trình có giá, nên muốn hái lấy kết quả một cách vội-vàng. Sự ngộ-nhận ấy có thể ở trên con người văn-nghệ, chẳng hạn chỉ thấy những văn-nghệ-sĩ như là con người trừu-tượng mà không

quan-niệm họ gồm nhiều loại hạng người có những thể-cách sinh-hoạt, xu-hướng sáng tác khác nhau. Sự ngộ-nhận ấy có thể tìm thấy trong nhiều phương diện khác nữa, nhưng thiết tưởng quan trọng hơn cả là vấn-đề hoàn cảnh sáng-tác và điều-kiện sống hiện thời của văn-nghệ-sĩ.

Một vấn-đề lớn lao như thế phải được nhiều sự đóng góp ý-kiến của đa số văn-nghệ-sĩ từng trải trong nghề. Kẻ viết bài này tự xét không có đầy-đủ tư-cách để mà nói lên cho rõ sự thực nhưng được khuyến-khích bởi những đàn anh, lại được gom góp ý-kiến trong cuộc phỏng vấn văn-nghệ do bạn Ngu-Í phụ

trách ở trong tạp-chí Bách-Khoa, nên mới cố gắng phân-tích văn-đề. Do đó, chỉ xin giới hạn trong những nét lớn và chỉ được phép quan-niệm văn-đề trong những nhà văn.

*
* *

Người ta khó lòng sửa đổi mùa màng nếu chỉ xét đến hoa màu mà không xét tìm hiểu chất đất cùng là thời tiết, thì đối với văn nghệ-sĩ nếu không thông cảm hoàn-cảnh sáng tác và điều kiện sống của họ, thực là khó lòng gây được những sự cải tiến ở trong tác phẩm. Sáng tác ở trong hoàn-cảnh thế nào? Và sinh sống ra sao trong khi sáng tác? đó thực là câu chuyện phức tạp, phong phú, đồng thời là một văn-đề then chốt quyết-định cho mọi cảm nghĩ của người cầm bút. Người ta thường có khuynh-hướng tô điểm hoàn-cảnh sáng tác của mình bằng những danh từ đẹp đẽ, chẳng hạn một thi-sĩ ngồi ở gác trọ ọp-ẹp của mình viết ra bài thơ có thể ghi vào dưới đây là «Gác Vọng-Nguyệt» và ngày và tháng, một văn-nhân nào viết xong tác-phẩm có thể ghi thêm là «trên bờ Lạc Thủy» ngày nọ, ngày kia, trong khi thực sự nhà văn ở cách dòng sông có đến mười cây số ngàn, hoặc lựa một tên tốt đẹp chẳng hạn là Hạnh-Hoa-thôn giữa lúc tác giả ở trong khu vườn trồng toàn những ổi và cau. Sự pha-phách ấy, phát sinh từ cái ý muốn làm cho thi-vị cuộc đời, (bởi vì cuộc đời của mình vốn là rất kém thi vị), đồng thời

cũng nói lên rằng tác giả vốn yêu, vốn quý tác phẩm của mình, muốn cho nó được, hay là ao-ước nó được sinh trưởng ở miền dài các phong lưu. Ai cũng thấy rõ, một khuynh hướng như vậy chẳng có gì là nguy-hiêm, nếu không nói là thật đáng cảm-động. Bởi vậy, không cần phải là nhà văn hay là nhà thơ, nhiều kẻ khi mua quyển sách, cho đến một quyển sổ tay bé tí, cũng cố ghi vào trên đây ngày tháng năm mua và kèm ít chữ «một chiều đông lạnh», «một mùa thu buồn» hoặc là «giữa lúc tâm - hồn hoang - liêu» hay «trong gác trọ tha hương», vân... vân... Cái không gian và cái thời-gian nhiều khi dồi trá ấy, xét về một mặt nào đó, cũng nói lên rằng hoàn cảnh sáng tác và điều kiện sống thực là hết sức quan-trọng.

Nhưng hoàn cảnh sáng tác và điều kiện sống có liên hệ với nhau ra sao? Hai văn-đề ấy thực sự là một văn-đề, đúng với cái câu «mình với ta tuy hai mà một», bởi vì chính điều-kiện sống quyết-định hoàn cảnh sáng tác và «sống thế nào, viết thế ấy» là một chân-lý hiển-nhiên.

Có thể nói rằng, dù là viết để sinh-nhai như bà Tùng Long từng tuyên bố «tôi viết là để nuôi con», hoặc viết để «tự thể hiện, để thấy mình không giống với kẻ khác» như bạn Lưu-Nghi đã dãi bày, tóm lại, dù là viết để làm gì, viết như thế nào, thì sự viết ấy cũng phải liên hệ nhất-định đến cái sự sống,

hàng ngày của chính bản-thân người
viết.

*
* *

Căn cứ vào sự kiện ấy, có thể chia các nhà văn ra làm hai hạng: *chuyên-nghiep* và *không chuyên-nghiep*. Sự chia phân này có thể được xem như là giả-tạo hay có ác-ý, tà-tâm. Gọi rằng giả-tạo là cái quan điểm của kẻ thoát ly sinh hoạt văn nghệ, không nhận-định được nhu-cầu thực tế của mỗi lớp người. Bào có ác-ý, tà-tâm là cái phán đoán thành kiến của kẻ cố tình từ chối sự thực. Dù vua Midas không muốn người ta biết đến đôi tai, thiên hạ vẫn cứ biết đến rất là đầy đủ. Ở đây, chia phân hoàn toàn không có dụng ý chia rẽ. Thường cần tách - bạch hai cái thái độ khác nhau: một là *chia phân vì mục đích chung*, đòi hỏi sắp loại phân minh để sự mổ xẻ vấn-đề sát đúng mới mong bỏ cứu thích đáng, hai là *hòa đồng vì quyền lợi riêng*, chỉ muốn đúc thành một khối để tránh những sự giải quyết khó khăn hoặc buộc những kẻ thiệt thòi phải chịu chung phần đóng góp như những kẻ được ưu-đãi. Ở dưới chế độ dân-chủ ngày nay, chúng ta muốn có cái nhìn khoa-học, hợp lý, dẫn dắt đến những giải đáp cụ-thể chứ không thích sự cao đàm khoát-luận để trốn trách-nhiệm. Do đó, phân chia chuyên-nghiep và không chuyên-nghiep trước hết là căn - cứ vào một thực-trạng, sau cùng là vì thực-trạng ấy mà mong mỏi sự bỏ-cứu căn - bản.

Những nhà văn *không chuyên nghiệp* ở trong xã-hội chúng ta thật là đông đảo, gồm đủ lớp người và ở mọi ngành. Từ ngành chuyên môn cao cấp đến ngành sinh-hoạt bình-thường, từ những đời sống sung túc rất mực đến những nghề - nghiệp bấp bênh luôn luôn hứa hẹn một sự thất-nghiep thiệt-thọ, đều có bóng dáng con người viết văn không phải chuyên-nghiep. Những nhà văn này tùy hứng, tùy nơi mà viết tác-phẩm của mình. Viết chỗ tưu-quán ca-lâu, viết trong công-sở, trên toa xe lửa tốc hành hay trên một khoang đồ đạc, hoặc giản dị hơn, là viết trong nhà, chẳng hạn như cô Minh Đức, thường « viết về đêm và ở trên giường ». Các nhà văn không chuyên-nghiep này biên tập cho các tuần-báo văn-nghệ, tạp-chí văn chương, văn-hóa, thỉnh-thoảng trao-duyên gửi phạn cho các tờ báo hàng ngày. Họ sáng tác bất thường — vì không phải là chuyên-nghiep — nhiều khi có mặt liên-tiếp trên một tờ báo rồi bỗng biệt tăm, biệt tích một thời-gian dài mới lại xuất đầu lộ-diện. Sự vắng mặt bất-thường ấy rất là tự nhiên vì họ còn bận sinh-kê, còn phải làm thêm sổ-sách để tính một « áp-phe » nào, còn phải nghiên cứu hồ-sơ để tranh cãi cho vụ kiện lỗi-thôi, còn phải chăm bài cho những học-sinh vào kỳ thi lục-cá-nguyệt, hoặc là vì nổi vợ nhà bụng mang dạ chửa đang kỳ mãn nguyệt khai hoa, hay cô bạn gái tự nhiên sinh chứng cảm mạo thương-hàn.

Tóm lại những nhà văn không chuyên-nghiep là những ngòi bút viết-văn nhưng chính-thức sống bằng nghề khác, dù là một nghề chưa có công-việc rõ rệt để làm.

Thật ra, sự phân loại nào cũng không tránh được tính-cách võ-đoan và chỉ có một giá-trị tương-đồng bởi vì phải dồn ép nhiều sự-việc chung vào một mẫu. Trong hạng *không chuyên-nghiep* văn bao gồm nhiều lớp người có những nhận-định khác nhau về sự sáng tác ở từng thứ bậc. Có kẻ chỉ xem sáng tác hoàn toàn là một giải thoát tinh thần và không chú trọng mấy may đến cái giá trị của những món tiền nhuận bút. Có kẻ nhìn thấy sáng-tác là một phương tiện bổ-túc kinh-tế gia-đình, vừa là một cách dãi bày ản ức, một cách giới thiệu bản-ngã. Có kẻ quan-niệm viết là để góp phần xây-dựng xã-hội, nói lên một đôi vắn-đề mà mình nhận thấy bất bình, xót xa, đáng phải lên tiếng để đòi một sự sửa đổi.

Nhưng dù đa dạng như vậy họ vẫn có thể sắp chung vào loại *không chuyên-nghiep* mà không giả-tạo, là vì họ có những điểm căn bản giống nhau. Trước hết ý-hướng chủ quan ở trong sáng-tác của họ rất mạnh. Phần đông đều cảm thấy rằng họ bị một sự kêu đòi, giục giã bên trong cần phải bộc-lộ ra ngoài tựa như một ngọn hỏa-sơn dồn ứ nơi ruột đến một mức độ cần phải phun lửa. Một tác giả trong cuộc phỏng vấn văn-nghe đã nói: « Viết là để thể

hiện bản ngã » và « tác-phẩm của nhà-văn nói lên sự hiện-diện của tác giả và phân biệt được tác-giả với người khác, ở mọi nơi và mọi lúc » và một tác giả khác tỏ bày: « Tôi viết vì không thể nào không làm thế được, do một sức mạnh từ trong xô đẩy ». Đây là chưa kể những người không cần phân-tích vì đâu họ viết, tại sao họ viết, bằng lòng so sánh một cách đơn giản mình với loài chim ca hát, loài ve kêu ran, loài dế nh-non. Do cái ý-hướng chủ quan, cụ thể là lấy cá nhân làm cứu-cánh ấy mà một nữ-sĩ đã viết: « Tôi viết khi có gì làm tôi cảm xúc, thấy cần phải viết, nghĩa là hoàn toàn tùy-hứng, theo tôi thì ở đời: ăn cũng phải tùy hứng, đi chơi cũng phải tùy hứng ». Nếu ta được quyền suy diễn ý của tác-giả thì viết văn cũng như đi chơi vậy thôi, chẳng có gì là chủ-định rõ-rệt.

Như thế đặc tính hướng nội ấy đã khiến cho sự sáng tác đòi hỏi *chân - thành* trong khi quan - niệm, đòi hỏi *tùy hứng* trong khi thể-hiện. Sự chân-thành ấy có một giá trị tuyệt đối đến nỗi phần-đồng các nhà văn *không chuyên-nghiep* xem như là một tính cách thiêng-liêng và dễ làm lẫn sự *chân-thực* của cảm nghĩ mình với những sự thực, tức là đem những giá trị chủ quan để làm giá - trị khách quan. (Ai cũng thấy rõ chúng ta có thể nói rất *thành-thực* về những sự-việc không thực chút nào, bởi vì cái nhìn của ta dễ bị lệch đi vì trình độ kém cỏi, vì quyền-lợi tư-ký, vì sức khỏe

chi-phối, vì ảnh-hưởng bên ngoài). Cái điều-kiện chân-thành — được xem như là yếu - tố tiên - thiên và là yếu-tố quyết-định — đã bắt buộc họ thái ngهن vắn đề dài lâu, có khi là những đề-tài ập-ủ từ thời thơ-ấu bây giờ gọi mỗi chân chốn mới được viết ra, có khi vắn đề bị quên bằng đi 5,6 năm trời mới sức nhớ đến, do một va chạm nào đó, hoặc sự nhắc nhở của bạn bè, hoặc sự gợi ý của ông chủ báo trả tiền nhuận-bút hậu-hĩ, hoặc cần có chứng-minh thư văn-ngệ đề mà trình diện với một người bạn tâm-tình. *Chân thành* đi đôi với *tùy - hứng* như bóng với hình, không phải luôn luôn là một thực tế cố-định ở trong nhà văn *không chuyên nghiệp*, bởi lẽ nhiều khi họ cũng phải viết gấp rút cho một nhu-cầu, theo một khuôn-khổ chỉ-định. Nhưng ở trong những trường-hợp ấy, họ cố ý-hướng đánh giá rất thấp sáng tác của mình — thâm tâm như có một sự phủ nhận đối với công trình mà họ sắp xếp vào loại phương-tiện làm ăn. Chính những lúc đó họ đã bắt gặp tâm-trạng của kẻ *chuyên nghiệp*.

Nói như thế, phải chăng là những nhà văn hạng này không có ý thức xã-hội? Nếu quan-niệm ý-thức xã-hội là cái tinh-thần trách-nhiệm nhậy động, trực-tiếp, thường xuyên, và tích cực đối với xã-hội thì phải nhận rằng cái ý - thức ấy nơi họ không được hoàn-toàn, hay nói đúng hơn, đa số chỉ có một cái ý-thức cảm tính mà thôi. Phải gọi như thế là vì cái phần nội tâm của họ chiếm

lấy khá nhiều chỗ ngồi trong sáng tác phẩm. Nếu cứ suy-diễn nhiều mặt thì những sáng tác của họ có thể lợi ích điểm này, điểm nọ cho một ông kia bà khác, hay một tầng lớp nào đó, nhưng mà thật tâm không phải đây là chủ-định. Một nữ tác-giả tỏ bày cảm tưởng như sau trong cuộc phỏng-vấn : « *Chỉ một ý-nghĩ viết cho thiên hạ đã làm cho tôi cảm thấy ngòi bút bị gò bó rồi* ». Và một bạn khác tâm sự : « *Tôi thích làm thơ để nói lên những tình cảm riêng tư nhất của mình* ». Cũng có một số bản-khoản về nhiều vắn-đề xã hội thực đầy nhưng họ chỉ thấy xã hội qua những phản-ứng chủ quan, nghĩa là « xét ta đề mà hiểu người » (làm như mọi người đều phải nhất định rập theo khuôn kiểu của ta) hoặc là nhìn người qua những trường hợp đặc biệt của ta. Cho nên không có gì lạ khi nhà văn nói đến xã-hội một cách tùy-hứng, bằng sự liên-tưởng xa-xôi, bằng một tương-quan gia-đình, bằng sự va chạm ngẫu-nhiên, bằng một cảm thức rất là đơn giản chứ không phải là phân biệt được những vắn-đề lớn lao, chính yếu với những vắn-đề bé nhỏ thứ yếu, vắn-đề quá sớm hoặc là quá muộn với những vắn-đề hợp thời, thiết thực, vắn-đề trường cửu với những vắn đề tạm thời, vắn đề đặc-biệt với những vắn - đề tiêu-biểu. Nếu phải đòi hỏi trên mức lý-tính ấy, nhà văn chúng ta vấp ngay vào cái *chân - thành* và cái *tùy - hứng*. Vậy thì xã hội có lỗi hay là tự họ có lỗi, nếu họ không

đủ thời gian xúc-cảm văn đề, không đủ phương-tiện theo sát thực-trạng và được thẳng thắn nói lên quan-điểm xây-dựng của mình ?

Nhiều người quan niệm ý-thức xã-hội một cách đơn-giản nên vội cho rằng mỗi một nhà văn *không chuyên-nghiep* đều có một nghề sinh sống và họ sẽ phản-ảnh lại ở trong văn chương những sự-kIỆN thực-tế của họ, tức là họ đã nói lên văn-đề xã-hội. Lập luận như vậy là không nghiên cứu nội-dung các sáng tác-phẩm và không lưu ý căn-bản văn-đề ý-thức xã-hội.

Vì không nghiên-cứu nội-dung các sáng tác-phẩm nên họ không xác-nhận được sự-kIỆN sau đây: *Hầu hết các sáng tác - phẩm đều có xu-hướng thoát ly sinh-hoạt.* Nếu họ có dịp đọc các đặc san của một đoàn thể nào đó, một tờ báo xuân của một học-đường công-lập lớn nhất Thủ - Đô, hoặc của một ngành có những sinh hoạt phong-phú như là Công-an Cảnh-sát chẳng hạn, thì họ có dịp thấy rằng đa số bài vở không nói đến sự sinh hoạt riêng biệt của mình. Điều ấy thật là giản dị: trong khi cho ra một tờ đặc san, không phải người ta huy động mọi người trong ngành đều viết mà chỉ giao cho một số nào đó có đủ khả năng hoặc đã từng có thói quen sáng tác. Những người này không nhất thiết đều phải mến yêu sinh hoạt của mình, không phải toàn là những người không thích mơ-mộng, không hẳn đều có nhận

thức rằng cái thực-tế của mình mới thực phong phú, linh-động. Thực ra, phần-đông đều có quan-niệm phổ biến là đã đóng góp ở trong xã-hội bằng cái con người chính trị, con người chuyên môn, con người làm ăn thường ngày đầy rối, và họ được quyền dành cái trụ sở văn-nghệ cho những nỗi niềm riêng-tư, thầm kín, cho những băn-khoăn, mơ-ước, và bao-nhiều điều bức-dộc chưa có chỗ thoát, bao nhiêu ràng buộc chưa được cởi mở, họ đem về đây, tìm thấy trong sự sáng tác một chỗ tháo-tung ản-ức. Vô-tình hay cố-ý, phạm-trù văn-nghệ được biến thành một thế-giới của kỷ-niệm, của tiềm-thức, một loại thuốc an-thần hay cõi cực-lạc thâu hẹp, một cái sân - thượng trên đỉnh thượng-tảng để hướng về những chân trời vô-định. Nhưng cũng nhờ thế họ có đủ sự thoải mái để mà trau dồi kỹ-thuật, tạo được những cách diễn-tả độc-đáo, đồng thời nói được khá nhiều khía cạnh sâu sắc ở vài phương diện ngưng - đọng của tâm-hồn con người, nhiều khi sự sâu sắc ấy đi đến chi-ly, tế-toái, có thể gọi là « chế được sợi tóc làm tơ ».

Do những lẽ đó mà họ luôn luôn đề cập đến sự *tự-do ở trong văn-nghệ*, bởi vì sau khi đã bị sinh-kê thức - phọc hằng ngày, họ muốn được hưởng một sự giải toả tâm-hồn, muốn có một mặt hồ trong để chàng Narcisse yên - tĩnh soi ngắm bóng mình. Trong sự đòi lập văn-nghệ lại với cuộc đời đôi khi

cũng có những tiếng bắt - bình, những lời hân học hay là mỉa-mai nhưng đậm hơn hết là sự chán nản, một thứ tình-cảm tự-ti lâu ngày biến thành mặc cảm tự-ti và khoác cái áo tự-tôn giả tạo bên ngoài. Bởi vì văn-nghệ chỉ để bổ-túc cho một phần sống thiếu thốn của con người họ, văn-nghệ có thể đi sau cuộc đời để dẫn về một lối tắt, hoặc là lọt giữa cuộc sống giam hãm như phòng thí-nghiệm, hay vượt lên cao chót vót như một ngọn tháp, một đỉnh lâu-đài

Như thế văn-nghệ thực sự với họ là thứ phụ thuộc, nên họ hết sức thiết tha như kiểu lắm ngài tỏ ra cứng chiều rất mực một bà vợ bé. Lắm người đã từng nói rằng : « Nếu tôi không được sáng tác thì tôi khổ lắm » hoặc là « tôi sẽ chết mất » nhưng xét những bản thông kê tốt-nhất ở trên thế-giới thì chưa có ai không được sáng tác mà chết bao giờ (họa chăng người ta phải chết vì đã sáng tác đó thôi!). Cho nên trước sức lấn át của những kêu đòi sinh-kê mỗi ngày mỗi nhiều do cái thực-trạng xã-hội gây nên, khả năng sáng tác của những cây bút *không phải chuyên nghiệp* càng ngày càng bị suy giảm rõ rệt. Hoặc là họ phải chuyển sang hàng ngũ chuyên nghiệp nếu có cơ-hội thuận-tiện, nhưng còn một số âm thầm nhìn cái lý tưởng văn-nghệ của mình mỗi ngày biến vào một ít trong cái thế giới mộng

tưởng, thế giới kỷ-niệm, với những tiếc rẻ, xót xa.

*
* *

Nhưng ngoài một số khá đông không phải chuyên nghiệp còn có một số khá nhiều sống hẳn với nghề, hoàn toàn dùng cái khả năng văn nghệ nuôi sống lấy mình. Những người *chuyên nghiệp* này hiện-tình ở trong xã hội chúng ta không thể thuận-túy sống bằng tuần báo hay các tạp-chí. Nếu họ sống bằng tuần báo, tạp-chí thì sự sáng tác của họ nhất định phải được kèm theo một nhiệm vụ khác, nhiệm vụ chữa bài, nhiệm vụ quản trị, nhiệm vụ gỡ rối tơ lòng cho những độc giả bốn phương để đủ phương tiện gỡ rối tơ ruột cho mình. Nếu chỉ nhờ vào có sự sáng tác mà sống thì điều nhất định là họ phải chịu độc thân suốt đời, hay là có vợ thì phải gởi tạm về quê, có con thì chia bớt cho ông bà trông nom săn sóc — hay gán gũ hơn là phải nương nhờ đồng lương của vợ và nếu lỡ có dịp nào phải nghỉ việc hẳn trong một thời hạn nào đó tạm gọi là dài thì rất có thể vợ nhà ôm cảm thuyên khác một cách xuôi gió thuận buồm.

Bởi vậy, kẻ sống chuyên nghiệp muốn được thông thả phải tìm miếng đất dụng võ nơi báo hằng ngày. Họ chiếm trang hai, trang ba tờ báo, mỗi người chọn lấy một khoảnh hoặc là ở trên, hoặc là ở

dưới, hoặc là chen nhau ở giữa và cò xây dựng, cũng cò vị-trí của mình cho được lâu dài bằng những truyện dài có thể kéo mãi cho đến vô cùng nếu không có lệnh chấm dứt của ông chủ báo. Cò nhiên trong lớp chuyên-nghiep này vẫn có nhiều lớp tác-giả khác nhau, mà cái cao đỉnh là sự ăn khách và được cảm tình, tin cậy của ông hay bà chủ báo. Những người viết truyện dài này nếu có đầy đủ các yếu tố đó có thể sống một cuộc đời sung-túc, êm ả, lên xe xuống ngựa. Nhưng cây bút ăn khách này không phải đồng đảo và tên tuổi họ chúng ta có thể nhớ được dễ-dàng không cần phải học thuộc lòng, cũng như số lượng của họ có thể đếm được trên đầu ngón tay. Bên cạnh họ, cò nhiên còn có những số tác giả đã được thực thụ chấp nhận vào nghề nhưng còn cò gắng một cách vất vả để chiếm ưu thế, loay hoay tìm những thủ-thuat mới mẻ để tự giới thiệu lấy mình và còn một số khác nữa là những tác giả chỉ có mỗi một truyện dài, cò gắng một cách tuyệt vọng để giữ lấy một chỗ ngồi có nhiều tranh-chấp.

Tính cách *chuyên-nghiep* của các nhà văn này thường thường đi đôi với các truyện dài, hay nói cách khác, cuộc đời của họ chính là thời gian của các truyện dài, bởi vì truyện dài đăng báo bảo đảm chừng nào đồng lương thường xuyên (đồng lương thường xuyên đó là lý tưởng kinh tế căn bản ở trong cuộc sống chúng ta). Sự làm việc của các tác giả viết

văn chuyên-nghiep xem ra thì thật dễ dãi — nhưng cũng không phải dễ-dàng. Hình như họ không bán khoán đi tìm bể sâu của văn-đề, không cần lo âu về cách biểu diễn kỹ thuật nhưng đây chỉ là xét trên quan điểm không chuyên nghiệp, chứ thực sự văn-đề của họ lại bị hạn chế trên một số tiêu chuẩn nào đấy để được ăn khách và kỹ thuật của họ thiên nhiều về sự bất ngờ, sự gay cấn, nói chung là phải cảm giữ hơi thở người đọc, và bấy nhiêu đó đòi hỏi khá nhiều lo âu, suy tính, kinh-nghiem, tìm tòi.

Tóm lại những người viết văn chuyên nghiệp đúng là những người sống chết vì nghề, những người có một quán chúng đồng-đảo theo dõi tác phẩm của mình, và đó là những cây bút thực sự sáng tác thường xuyên, liên-tục.

Vậy thì quan-niệm sáng tác của họ thế nào ?

Có lẽ đây là văn-đề ít làm cho họ phải bán-khoản như kiểu đa số kẻ không chuyên-nghiep. Họ chỉ bận-tâm nhiều nhất là viết thế nào cho thật ăn khách, cò-nhiên họ còn có thể bận-tâm về nhiều lý-do khác nữa, nhưng điều chính-yếu vẫn là ăn khách. Sự ăn khách ấy liên-hệ mật-thiết đến quyền-lợi vật-chất của họ, trước khi nói đến quyền lợi tinh-thần. Và muốn ăn khách, phải làm thế nào ? Phải đánh vào những chỗ yếu của tâm lý quán-chúng. Ai cũng dễ-dàng nhận thấy quán-chúng căn-bản rất tốt, quán-

chúng có một bản-chất hướng-thiện rất rõ, luôn luôn bảo-vệ cho sự trung-hiếu tiết-ngĩa, cho luật nhân-quả, cho lẽ công bình, nhưng vì thiếu sự nâng-cao thường xuyên về mặt lý-tính, thiếu sự xây-dựng ý-thức dân-chủ một cách tích-cực, cụ-thể, nên sự phản-ứng của họ trước nhiều vấn-đề vẫn không thoát được ảnh-hưởng của nhiều quan-niệm quá cũ, nói một cách khác là sự nhận-thức xã-hội của họ còn nhiều thành-kiến lỗi thời.

Người viết truyện dài, muốn được ăn khách, tất-nhiên phải bị lệ-thuộc vào những phản-ứng cảm-tính vào kiểu loại đó. Kể ra, cũng có một số tác-giả luôn luôn tìm cách nâng cao quan-điểm sang-tác của mình về mặt nội-dung, nhưng mà họ bị chặn đứng lập-tức bởi những yêu-cầu thực-tế trước mắt mà biểu-hiện cao nhất là cái quyền lực của ông chủ báo. Phấn-đông — chứ không phải là tất cả — các ông chủ này đều không thích sự phiêu-lưu, không muốn ra ngoài những cái khuôn-khổ quen thuộc vì sợ phải trả bằng một giá đắt những sự thí-nghiệm mới mẻ. Giữa một lá số tử-vi và một câu chuyện khoa-học thì cái lá-số tử-vi (có thể do sự bày đặt lêu-lão của một anh chàng lêu-linh nào đó) dễ được nạm vàng nguyên-chất, còn cái câu chuyện khoa-học (kết-quả tìm tòi của bao nhiêu nhà bác-học trứ-danh) dễ được ném vào sọt rác tối-tàn. Do đó, giữa sự hướng dẫn

quần-chúng và sự đi theo quần-chúng thì lẽ tất-nhiên họ chọn lấy sự đi theo, vì chạy theo sau dễ thấy túi tiền quần chúng hơn là đi trước chỉ thấy chân trời mênh-mông. Đa số các ông chủ báo không thích ngắm cảnh chân trời mênh-mông!

Trong những điều-kiện ấy, nhà văn chuyên-nghiep có tài-năng, có tâm-huyết phải bị hạn-chế rất nhiều trong sự sáng tác. Tờ báo căn bản là một công-cuộc kinh-doanh làm sao mà không chiều ý khách hàng? «Khách hàng luôn luôn có lý» đây chẳng phải là tiêu chuẩn khôn-ngoan đó sao? Cách đây không lâu, ông chủ của một tuần-báo đi đến «đặt hàng» một ký-giả nọ nổi tiếng về những truyện tình phóng đãng đã báo như sau: «Anh nhớ viết cho *trót-át* một chút. Nhưng anh hãy đi từ từ không thì bị kiểm-duyet mắt. Mình phải làm như cho hút thuốc phiện. Truyện đầu cho hút một điều, truyện sau hai điều, rồi ba điều, lâu ngày độc giả sẽ nghiện tờ báo của mình». So sánh với loại thuốc phiện, phải chăng ông chủ báo này đã có dụng tâm đề-cao văn-ngệ? Bởi vì, nghe đâu ở trên thị trường thâm lén hiện nay, thuốc-phiện giá đắt gấp trăm ngàn lần văn-ngệ!

Một tác giả khác — trong buổi gặp mặt nhiều bạn văn chương ở một nhà hàng khá lớn nằm giữa Đô-thành — đã phàn nàn rằng «những nhân-vật chính trong truyện của anh bắt đầu ngày mai phải mang mặt nạ

trong lúc đánh nhau, để cho có vẻ bí mật, vì ông chủ báo muốn thế ». Một nữ tác-giả, trong cuộc phỏng vấn của bạn Ngu-Í ở trong tạp-chí Bách-Khoa, đã tỏ thiệt rằng bà phải một lần sửa đổi đoạn kết của một tác-phẩm vì bà chủ báo có nói : «Tôi biết thím cho cặp này xa nhau. Nhưng mà tôi thương họ quá, thím à. Thím sắp xếp sao cho họ đừng bị chia lìa mà tội». Cờ nhiên, tác giả luôn luôn có một tinh-thần phục-thiện. Kể ra, họ đã thương nhau và để cho họ lầy nhau là điều chí-lý. Nhưng ở ngoài đời có biết bao nhiêu trường hợp rất là thương nhau mà vẫn không được ăn đời ở kiếp với nhau, thì làm thế nào ? Thì chiến đấu ư ? Như thế thật là nguy hiểm. Thì kêu nài ư ? Như thế khó nhọc biết là chừng nào ! Thì thu xếp ư ? Thật là vất vả, nhọc-nhân khôn xiết. Vậy phải làm sao ? Hãy đọc những quyển tiểu-thuyết có hậu, có thủy có chung, có đoạn tái-ngộ, đoàn-viên là đủ sướng rồi. Mới biết bà chủ báo nọ thật là có lòng nhân đạo, nếu chữ nhân-đạo có thể đồng nghĩa với chữ kinh-doanh sáng suốt, tài-tình !

Nhưng ngoài cá - tính của người chủ - báo thích các nhân - vật phải mang mặt nạ hoặc phải đánh nhau ở trên nóc toa xe lửa — không phải xe lửa đứng yên, mà chính là bắt tài xế phải xả cho hết tốc-lực — ngoài những khiêu thích giật gân như vậy thì những nhà văn chuyên-nghiep đôi khi còn bị lệ thuộc vào một hạng nữa, đó là *cái-thần văn-*

nghe, những kẻ phụ-trách trang trong, từ lâu đã được cảm - tình của ông hay bà chủ báo giao cho đảm-đương nhiều mục linh - tinh. Những cái thẩu này tất-nhiên ngoài sự chi-phối tinh - thần người viết, còn được hưởng thụ ở trên công-sức họ nữa.

Như vậy, những nhà văn chuyên-nghiep mặc dầu có tài hay có tâm-huyết khó lòng viết theo lý tưởng của mình, dù đây là cái lý-tưởng dân-chủ, xã hội rất là chân - chính cho sự xây-dựng quốc-gia hiện-tại. Nếu ngày xưa nhân-vật Ông Quán trong Lục-Vân-Tiên có đủ hai thứ tự do « *muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn* » thì họ được hưởng trọn vẹn chỉ nửa phần trước mà thôi !

Bây nhiêu sự-kiện đã nói lên sự khổ-tâm của họ, đây là chưa kể họ còn những nỗi khổ-tâm khác nữa. Đại phàm những kẻ cầm bút bao giờ cũng bị thôi - thúc bởi một ý-niệm ít nhiều cụ thể về lẽ sự-nghiep, đều muốn làm nên tác-phẩm có một giá trị tư-tưởng đi đôi với một giá-trị nghệ-thuật. Nhưng các nhà văn chuyên nghiệp loại này, vì theo nhu-cầu sự sống, không thể có đủ thì-giờ trau dồi kỹ-thuật cũng như không thể có đủ điều-kiện diễn-đạt nội-dung theo như quan-niệm của mình. Dầu muốn, dầu không, họ phải viết vội viết vàng, hay là tương đối vội-vàng, nhiều khi mình tự mâu thuẫn với mình một cách rõ rệt. Biết bao giai-thoại và các truyện dài đã chứng tỏ rằng người viết khó lòng có một

nhận-thức dứt khoát về những cảnh tình cũng như tâm trạng nhân vật ở trong tác-phẩm. Một tác giả nọ bị đau nửa chừng nhờ bạn viết giúp tác-phẩm và bạn nhân-tâm giết chết ngay nhân vật chính của mình. Tác giả phải tìm mọi cách khoa-học thần-thông để mà hồi-sinh nhân vật. Bởi vì cứu sống nhân vật tức là cứu sống tác-giả. Một nhà văn khác đi về thăm nhà bị lụt không thể gởi tiếp câu chuyện võ-hiệp đang hồi dở-dang, các vị anh hùng thì đang đánh nhau ở trên nóc nhà. Ông chủ báo phải nhờ người khác viết tiếp và người bạn này không dám phiếu lưu (vì vốn không phải thuộc loại võ hiệp) nên đành bắt những anh-hùng quần nhau ở trên mái ngói suốt một tuần lễ, đợi cho tác giả hết cơn lụt lội trở về mới đem họ xuống. Thế mới biết, làm những nhân vật ở trong truyện dài đăng báo nhiều khi thật là vất-vả, gian-nan không biết chừng nào !

Nhưng làm như thế có hại gì không? xét trên phạm vi quyền lợi tờ báo, chẳng có gì là hại cả. Các bậc anh hùng đánh một tuần lễ hay đánh suốt cả tháng trời ở trên nóc nhà cũng chẳng có gì nguy hiểm, nếu độc-giả thích, nghĩa là ăn khách. Kề ra như vậy, chỉ để nói rằng tác giả truyện dài phẩn-đồng — xin nói phẩn-đồng — dù là cò tài cũng khó thực-hiện cho được công-trình nghệ-thuật và đó là điều mà họ có thể xót-xa. Một nhà văn là một ông tạo hóa nhỏ nghĩa là có quyền tạo tác biết bao nhân vật, nhưng ông tạo hóa nhỏ không

phải là ông trời con với cái ý nghĩa hễ muốn làm gì thì làm, cho nên nhà văn dù là nhà văn thế nào, ở đâu, thời nào, một khi tạo ra nhân vật là phải vâng theo tất cả qui luật sinh lý, tâm lý, vật lý của nhân vật ấy. Nếu nhà văn không nắm vững các điều ấy, tự do khai sinh, khai tử, tự do cho họ cưới gả, ly dị tự do bắt họ giàu nghèo, bệnh hoạn thì nhân-vật hết cả sự sống, không sao nói chuyện trường tồn. Bởi vậy, những điều mà một người cầm bút khổ tâm hết sức là sự thêm bớt một nhân vật, sự giải quyết hợp lý một bổ-cục thì trong nhà văn chuyên nghiệp, xem ra không đáng mấy may thắc mắc. Trong cuộc phỏng vấn văn nghệ ở tạp chí Bách-Khoa một tác giả kể chuyện có lần vì tự ái nên đã đổi thay đoạn kết một truyện dài chỉ tại người bạn nào đó đã đoán được trước kết cuộc của nó. Thực là hết sức dễ dàng ! một chút tự ái của tác giả có thể đảo lộn cuộc đời của biết bao người. Như thế có thể nói rằng sự sống của nhân vật ở trong truyện dài là một cuộc sống phi thường nhiều khi bắt-chấp qui-luật và do lẽ đó có thể bắt chấp nghệ-thuật. Nỗi khổ-tâm ấy của những tác giả chuyên nghiệp đã khiến cho họ dễ sinh ra một mặc cảm ít nhiều bất lợi cho sự thông cảm giữa kẻ cầm bút với nhau. Mỗi mặc cảm ấy có thể tìm thấy dễ dàng trong sự giao tiếp hằng ngày, và rõ rệt hơn, trong đôi trường hợp đã được thành văn, chẳng hạn một tác giả chuyên viết truyện dài đăng báo

đã trả lời một cuộc phỏng vấn văn-ngệ thế này : « Tôi không phải là nhà văn, tôi viết là để nuôi con ». Và cách đây không bao lâu một tập truyện dài của một bạn văn khi cho xuất bản có kèm mấy chữ : « Truyện dài đăng báo » đã làm cho một nhà văn có uy-tín cũng sống chuyên-nghiệp tỏ ý bất bình rất là cụ thể.

Nhưng phải làm sao thoát khỏi bấy nhiêu sự-tình không làm vui vẻ cho bất cứ ai ý thức đúng-đắn giá trị của mình và muốn tỏ mối quan-tâm đối với văn-đề một cách thành-thực ? Rõ ràng nhà văn chuyên-nghiệp không muốn từ chối nghệ-thuật nhưng họ đành phải thoát-ly nghệ-thuật để tự phủ-nhận lấy mình, ngờ mình có lẽ không phải « nhà văn » tuy họ rất thích cái danh-từ đó. Bởi lẽ họ không thể sống bằng một truyện dài đăng ở tạp-chi hay một tuần-báo và chỉ có thể sống nhờ nhiều cái truyện dài — nếu không kèm theo việc khác — đăng ở nhật-báo mà thôi. Những truyện dài ấy khôn nỗi họ cũng không sao viết trọn một lần đề mà có dịp trau dồi kỹ-thuật, chấn chỉnh nội-dung, là vì họ bị lệ-thuộc vào nhiều yếu-tố căn-bản mà trong đoạn trên đã từng đề-cập. Thứ nhất là họ không sao có đủ đồng tiền để ngồi hoàn thành những câu truyện dài tràng giang đại hải như vậy. Thứ hai, sự làm sẵn ấy để đưa họ đến một sự phí công vô-ích bởi vì thị hiếu

độc-giả có thể đổi thay, chủ-trương tờ báo có thể thay đổi, và ông chủ báo hay bà chủ báo có thể bất chợt công trình soạn sẵn của họ trước khi bằng lòng tiêu thụ với một tinh-thần ban ơn, một thứ phách lòi nóng nặc hơi tiền có thể làm cho sôi gan ứa máu những người có chút tự-trọng.

Thứ ba, yếu-tố thời-gian ở đây thực là đáng nên chú ý. Chính sự suy-ngẫm dần-dà, hằng ngày, giúp cho tác-giả tìm ra khá nhiều tình-tiết mới lạ, có nhiều chuyện đời kỳ thú. Người viết bị sự thúc đẩy thanh-toán cấp-kỳ mới mong hoàn thành tác phẩm. Ở trong điều-kiện vật-chất và tinh-thần hiện nay của đa số người cầm bút, không có một sự thôi thúc tự-nguyện như thế không thể làm nên được nhiều tác-phẩm.

Sau cùng, một lẽ then chốt là loại truyện dài đăng báo nhất là nhật báo tự nó có một yêu cầu riêng biệt. Nó chỉ là món giải-trí trước hết và có nhiệm-vụ câu dẫn quán-chúng đi theo tờ báo. Do lẽ đó, nó phải dò-dẫm phản ứng quán-chúng hằng ngày, hằng tuần để mà tùy-nghị sửa đổi. Một nhà văn khá uy tín hiện nay chuyên viết truyện dài có dịp thổ lộ thế này : « Ông kể câu chuyện một cô gái, do những trường hợp đặc-biệt được bầu làm một hoa hậu và cô đại dột tưởng mình là kẻ đặc-biệt hơn người nên đi vào sự sa ngã thảm thương. Sau đó cô ta tìm cách làm lại cuộc đời.

Nhưng đoạn-kết đó đã bị độc giả gởi thơ khá nhiều phản đối. Độc-giả bảo rằng người con gái ấy quá xấu, quá tệ, « hư hỏng đứt đuôi đi rồi », cứu cấp làm gì mà vẽ nên trò giả-tạo, lời thôi, *cứ cho nó chết*, hãy để những sự hồi tâm cải tách cho những hạng nào còn đủ lương tri ». Một nữ-sĩ nọ đã cho ta thấy là bà vừa toan cho một đôi lứa xa nhau rất là bi thảm liền bị nhiều người can thiệp và cuối cùng tác giả phải tìm mọi cách cho họ lấy nhau rất là vui vẻ. Nếu tác giả không chịu vâng theo những ý muốn ấy, tác phẩm sẽ bị từ chối. Đồng thời với sự từ chối tác phẩm, nghề-nghiep văn chương để mà sinh sống của chính tác-giả xem như chấm dứt. Thực ra, xét trên phương diện nào đó thì sự can thiệp thường trực của những người đọc vào trong phương thức xây dựng truyện dài nhật báo cũng nói lên được tính chất dân chủ, xã-hội và thời sự của loại truyện này. Như thế, chớ lại một số cây bút chuyên-nghiep lợi dụng thị-hiệu thấp-kém của một hạng độc giả để mà kiếm tiền là điều cần thiết nhưng thực khó lòng phủ nhận tính chất riêng biệt của loại truyện dài đáng báo và những điều kiện căn bản đã cấu tạo nó.

* *

Như thế, *chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp*, không cùng hoàn-cảnh sáng tác như nhau bởi vì không cùng điều-kiện sinh sống như

nhau. Tuy vậy hai hạng người này có điểm gặp nhau ở trên ý hướng sáng-tác, bởi vì họ đều xử-dụng ngòi bút để *tự thỏa mãn trước hết*, dù là thỏa mãn về phần vật chất hay là về mặt tinh thần. Ngoài ra sáng tác của họ đều bị lệ-thuộc nặng-nề vào sinh-kê và bị sinh-kê đe-dọa mỗi ngày một thêm rõ rệt. Có thể nói rằng văn nghệ đã đổi lập với sinh kê thay vì hỗ-trợ, bồi dưỡng cho nhau để cùng song song phát triển không ngừng.

Nhưng chính vì những điểm gặp gỡ ấy, mà họ ở vào một cái tình trạng chia rẽ sâu xa. Quả tình không một kẻ nào ác-tâm lại muốn có sự phân biệt giữa những hạng người cầm bút, nhưng muốn hay không đó là việc khác mà có hay không lại là việc khác. Ở đây chúng ta không đề-cập đến những cảnh sinh-hoạt riêng rẽ của từng nhóm người liên thuộc đến những chủ-trương đường lối của từng tờ báo, nói lên nguyện-vọng, xu-hướng khác nhau của từng tầng lớp, của từng lứa tuổi, của từng trình độ. Ở đây, chỉ xét đến cái ý thức phân chia ranh giới giữa hạng chuyên-nghiep và không chuyên-nghiep và ranh giới ấy đã được vạch ra do những mặc cảm lẫn lộn giữa hai lớp người. Sự-trạng này biểu lộ trong sự giao-thiệp hàng ngày và trong khá nhiều trường hợp rất có ý thức. Người văn-nghệ sĩ *không phải chuyên-nghiep* thường không muốn nhìn sáng tác của những cây bút *chuyên-nghiep* như là công-trình

nghệ-thuật và ngược lại, người văn-nghệ-sĩ *chuyên-nghiep* xem những sáng tác của hạng không phải chuyên-nghiep như là những món đồ chơi tí mĩ ít có khách hàng. Mỗi bên cố tìm lấy một giá trị để mà nuôi dưỡng tâm lòng tự-ái của mình hầu tránh sự tự phủ-nận thâm thương. Nhưng mà sự phản ứng ấy thực là chua xót. Bởi vì giá trị nghệ-thuật mà kẻ không chuyên-nghiep bám víu vào đó như một bằng cấp tinh-thần vô giá, thực sự chỉ là những gì phù phiếm ở ngoài xương-tủy cuộc đời. Và đến quán chúng khách hàng đông đảo mà kẻ chuyên-nghiep tự hào cũng chỉ là sự bán mua thị-hiệu mà thôi.

Nếu người ta được nghe hay được đọc bài *Nhà văn và chữ viết* của giáo.sư Nguyễn-Văn-Trung trình bày tại viện Quốc gia Âm Nhạc do Hội Bút Việt tổ chức trong tháng mười một vừa qua (và được đăng tải ở trong Bách Khoa số 118) thì qua bao nhiêu suy diễn uyên bác người ta có cảm tưởng rằng những người chuyên-nghiep — viết theo thị hiệu quán chúng — không phải là nhà văn nữa. Đến cuộc phỏng vấn văn-nghệ do bạn Ngu Í phụ trách ở trong tạp chí Bách Khoa, người ta vẫn thấy cây bút chuyên-nghiep chiếm một tỉ-lệ rất nhỏ, và nhiều tác - giả chuyên - nghiệp có một số lượng độc - giả khá lớn không được nhắc đến, trong khi có những cây bút chuyên-nghiep chẳng có độc giả bao nhiêu lại được quán

tâm ! Sự phân cách ấy đã thành trạng thái hiển - nhiên, dĩ - nhiên, tự - nhiên đến nỗi nhiều nhà văn có uy-tín tuy sống chuyên-nghiep nhưng trong bản thân vẫn có ý-thức chia rẽ như thường. Bởi lẽ họ xem công-trình chuyên-nghiep là những phương - tiện sinh sống hơn là tác-phẩm nghệ-thuật.

Sự-kiện phân-cách, mà không một ai mong muốn, đã gây nên một trạng thái cực đoan ở trong văn-nghệ. Thực là dễ-dàng nhận thấy một thứ văn-nghệ quá thiên về sự đẽo gọt hình thức, không cần cốt truyện (đến mức có nhà văn nọ chủ trương một tờ tạp-chí văn-nghệ lấy sự « không cần cốt truyện » để mà « cõm mắng » người viết !) để đưa đến sự suy tưởng vô-vấn, hư không, làm như cuộc đời không có chuyện gì đáng nên nói nữa ! Ngược lại, một thứ văn-nghệ quá thiên về sự thêu dệt nội dung, chú trọng khai thác tình-tiết lâm ly, gay cấn, làm như cuộc đời thực là gian nan, rắc rối khôn lường !

Tất cả những sự-kiện ấy dẫn dắt đến bao hiện-tượng khác nữa ở trong hiện tình văn-nghệ, đòi hỏi một sự sửa đổi thật là lâu dài, căn-bản. Hiện-tượng lớn nhất là sự *thoát ly thực tế* bởi vì dù tìm lối thoát tinh-thần sau những thức phọc hằng ngày (như trong một số không chuyên-nghiep) hay làm thỏa mãn thị hiệu quán chúng (như trong một số chuyên-nghiep) thì chung qui cũng

phải từ chối phần lớn vấn đề trước mắt vì những vấn đề trước mắt nhất-định không phải là môn giải-trí.

Hơn nữa, làm cho trông rộng cuộc đời hay làm rắc rối cuộc đời thêm lên cũng là làm cho sai lạc về đời! Chính sự kiện ấy đã khiến nhiều nhà văn đề-cập đến vấn đề thời-đại-tính trong văn nghệ, đặt ra vấn đề mục đích của sáng tác, nhiệm vụ của văn-nghệ-sĩ v.v..., bởi vì nhiều người đã có thái độ hoài nghi rõ rệt đối với việc làm của kẻ cầm bút.

Chính sự thoát ly thực tế tạo sự cách bức với quần chúng. Người văn-nghệ-sĩ không chuyên nghiệp tự thấy tác phẩm của mình không nuôi sống mình rõ rệt, nên không gần bó với quần chúng một cách thiết tha. Nếu mà độc giả thích họ, cò nhiên là họ lấy làm sung sướng, nhưng nếu độc giả không thích, thì họ tỏ ra thái độ bất chấp, quan-niệm rằng mình cao siêu khó có tri âm, hoặc giả cho rằng độc giả hẹp hòi không sao thấy được giá trị của họ bây giờ. Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ ở Bách Khoa, một tác giả không chuyên nghiệp có nói: « Không nên quan tâm quá nhiều về việc có ít hay có nhiều người đọc tác phẩm của bạn ». Rõ ràng là một câu nói có thể làm cho nhà văn chuyên-nghiep khó chịu suốt một đời người! Tác-giả ấy còn bảo: « Sự khen chê của một thời ngắn ngủi không xác định được chân

giá-trị của tác-phẩm » thực đã xem nhẹ quần chúng trước mắt bao nhiêu và đã tính chuyện vượt cả thời gian và vượt không gian rồi vậy.

Nếu người viết văn không chuyên nghiệp đã tạo cho mình đủ thứ lý luận cần thiết để mà tùy nghi từ khước những sự gần bó đối với quần chúng độc giả đông đảo trước mắt thì người chuyên nghiệp phải nhằm thỏa mãn nhiều nhất đến phần cảm tính độc giả hơn là lý-tính, đến phần giải trí người đọc hơn là bắt họ suy nghĩ, đến sự vô vẻ, an-ủi hơn là đặt họ trước những bài toán lớn lao để mà giải quyết cuộc đời. Như thế, người văn-nghệ-sĩ chuyên-nghiep không sao mà gần với quần chúng được. Nói vậy, tức là xác-định lại một quan-niệm: Văn-đề gần gũi quần chúng. Ai cũng đều rõ đây không phải là văn đề hình thức, cũng không phải là văn-đề cảm-tính, bởi vì những tính cách ấy không có ích lợi gì cho quần chúng hết cả. Gần gũi quần chúng là nhận lãnh lấy trách nhiệm với họ để mà góp phần xây dựng thiết thực với họ, và như thế trong điều kiện chuyên nghiệp của chúng ta, ai cũng nhận thấy là rất khó khăn. Bởi vì ở trong con người quần chúng lớn lao ta chỉ được quyền nhìn thấy có cái thị hiếu của họ, đôi khi thị hiếu ấy đồng hóa với cái khiêu thích của ông hay bà chủ báo, nghĩa là ta khó gần được quần chúng theo cái ý nghĩa chính xác nhất của văn-đề.

Và một khi đã xa cách quần chúng cách này hay cách khác tất nhiên sáng tác của chúng ta cũng phải tụt thiếu đê-tai. Ai cũng biết rõ cuộc đời muôn mặt, thế mà các bạn đã từng sáng tác có thể chừng nào đồng ý được rằng lắm khi thật là bẽ tắc đê-tai ! Trong bức thư trả lời cuộc phỏng vấn Văn nghệ ở Bách-Khoa một nữ tác giả hiện ở ngoài nước đã cho chúng ta biết rằng : « Các Việt Kiều nhận xét rằng đọc sách báo ở quê nhà rất ít khi được gặp một sự gì mới lạ, toàn quanh quẩn trong những đê-tai đã cũ ». Nếu chúng ta thành thực tự kiểm điểm lại thì quả đê-tai chúng ta thật là phiền diện và cách giải quyết đê-tai cũng thật phiền diện. Nhiều chuyện tình kết cuộc giống nhau, nhiều tội lỗi hồi hận như nhau và nhiều cảnh nghèo giải quyết y nhau. Chúng ta dần dần làm cho sự kiện vào trong khuôn khổ ước lệ kiểu mới, cũng như nhiều cách giải quyết ở trên màn ảnh hiện nay khiến cho nhiều người đi xem chỉ cốt thưởng thức nghệ thuật diễn xuất hơn là chú trọng văn-đề, bởi vì hầu như ai cũng rõ rằng anh hùng lắm mệt nhưng sẽ đi đến thành công, tướng cướp hung dữ thế nào rồi cũng bị giết, anh chị giận hờn vung vẩy nhưng mà rốt cuộc yêu nhau và đưa con hoang bỏ nhà ra đi sẽ lại trở về với sự hồi hận ở dưới và sự đại xá ở trên.

Chính sự nghèo nàn đê-tai còn là kết quả của một hiện tượng khác

nữa trong văn-nghệ, đó là hiện-tượng « bao-sân », trong nhiều trường hợp vốn là hậu quả của sự chuyên nghiệp. Danh từ « bao sân » chỉ định sự kiện tự mình bao biện rất nhiều bài vở của một tờ báo để mà thâu nhất cho được nhiều tiền. Thực không lạ gì cảnh một tờ báo mà chỉ có vài ba người phụ trách bài vở và một tác giả có thể ký đến ba bốn biệt hiệu, hay nhiều hơn nữa. Cái lỗi lãnh thâu trong phạm vi báo chí, đặc san, đưa đến hiện tượng « bao sân » nếu không dẫn đến tình-trạng cai thâu ! Chúng ta hãy nghe một tác giả thổ lộ trong cuộc phỏng vấn văn nghệ ở Tạp chí Bách-Khoa : « Có lần anh L. Th. phụ trách tuần báo nợ thâu được một tờ nội-san của một hội-đoàn. Anh đến nủ lưng tôi. Đang lúc túng, lại gần ngày Tết, hai anh em ngồi ngoáy bút trong một buổi sáng là xong tờ báo. Anh lo phần sinh hoạt tổ-chức, tôi lo phần sáng tác. Tôi viết liên-tiếp bốn truyện ngắn từ 6 giờ sáng đến 1 giờ trưa, xong, lục mấy bài thơ sẵn có nhét vào đó năm bài và thêm một cái tùy bút vừa viết khi đêm định gởi cho một báo khác. Như vậy là trong tờ nội san tôi ký mười tên, lĩnh được năm nghìn. Trả hết nợ nần trước ngày xuân đến, tôi còn lại trong túi 100 đồng chẵn. Với 100 đồng còn lại, tôi làm được năm việc : mua một hộp bút chì màu cho đứa con năm tuổi, một liên trâu và một chục cau ngon cho mẹ,

một cái khăn tay cho vợ, một cuốn sách cho cô em gái và một bao thuốc lá cho tôi».

Và tác giả vui vẻ kết luận: «Xem như thế tôi tự thấy như trong tôi lúc nào cũng có văn để để nói, để viết».

Kể ra viết nhanh, viết nhiều như thế thật đáng phục tài song chúng ta tự hỏi ông bạn phong phú trên đây liệu có tiếp tục làm vậy được không, hay chỉ trong vài ba sô là cùng? Và nếu tiếp tục làm được mãi mãi như vậy thì ta muốn được biết rằng văn để tác giả viết ra sẽ như thế nào, có được sâu không (nói theo nhà văn không chuyên nghiệp), có ăn khách không (nói theo nhà văn chuyên nghiệp). Điều chính yếu không phải là có văn để hay không có văn để, bởi vì sống tức là phát hiện văn để thường trực và giải quyết văn để thường xuyên. Nhưng văn-để ấy được phát hiện thế nào? Và giải quyết ra sao? mới là bản khoán chính yếu. Giá trị cuộc sống là ở khả năng phát hiện văn để sát hợp và khả năng giải quyết văn để hữu-hiệu, vậy thì chúng ta có thể có nhiều văn-để mà không sao hết nghèo nàn, phiền diện nếu thiếu cái nhìn tổng quan để mà phát hiện văn-để toàn diện và thiếu trình độ sâu sắc để mà giải quyết văn-để thích đáng. Sự kiện «bao sôn» đã góp một phần làm cho đề tài văn-nghệ nghèo nàn bởi lẽ để hiểu là khi phải viết

một lúc nhiều truyện, người ta — dù là tài năng tốt bụng — cũng không làm sao suy-nghĩ cho chín vắn-để, lựa chọn cho đúng chi-tiết. Nhưng gặp trường hợp nhà văn ký mười biệt hiệu vừa rồi chúng ta có thể làm khác được không? E rằng chúng ta cũng mong ký mười biệt hiệu như vậy, hay là mười lăm biệt hiệu đó thôi.

Hiện-tượng «bao-sôn» mà mục đích chính là vắn-để thù-lao và nguyên-nhân chính là sự bao thấu và bệnh công-tác hình thức, đã liên hệ đến hiện tượng «xào nấu», tức là đem những bài vở đã cũ «mạ» đi chút đỉnh — hoặc là sửa đổi đầu để, tên tuổi nhân vật, biệt hiệu tác-giả, — rồi đăng trở lại, vì không làm sao sáng-tác cho kịp hoặc không muốn phải nhọc lòng vô ích vì món thù lao ít ỏi. Một điều đáng kể là sự xào nấu lẽ ra phải nên tuyển-lựa trong số tác-phẩm xuất sắc thì trái lại chỉ được kén chọn ở những tác phẩm tầm thường để tránh gọi sự chú-ý. Sự xào nấu vừa làm cho tác giả nghèo đi về mặt sáng tác, tuy có thêm được ít nhiều tài chánh, vừa làm cho cái bộ mặt sinh hoạt văn-nghệ dễ hóa nghèo nàn vì sự lẫn lộn tái hiện của những công trình không mấy độc-đáo. Đồng thời sự xào nấu còn đi đôi với các hiện tượng khác nữa, như sự phỏng dịch, phỏng tác bừa bãi, thiếu hẳn tinh thần trách-nhiệm. Chỉ một chữ «phỏng» chữ «phóng» người ta đã chận đứng được bao nhiêu kiểm tra, phê-phán, tránh được bao nhiêu khó nhọc, tìm tòi!

Nếu liên hệ xa hơn, người ta có thể kể thêm hiện tượng «cát cứ» theo kiểu tinh-thần sứ quân, mà từ Cách-Mạng Quốc-Gia trước đây đã từng đề-cập liên tiếp trong nhiều kỳ báo. Sự cát cứ này tuy có biểu-thị được sự phân-hóa của nhiều xu hướng văn-nghệ trong nhiều tầng lớp khác nhau nhưng đồng-thời ở một mức độ nào nó đã giam - giữ văn - nghệ trong những quyền lợi tinh thần hẹp-hòi và những mặc-cảm phức tạp. Tuy bề sâu của sự cát-cứ là một vấn-đề thú thê làm ăn nhưng những tác-động tinh-thần của nó thực là đáng kể. Thái độ cát-cứ cắt đứt mọi sự trao đổi, cảm-thông, có thể dẫn đến những sự đồ-kỵ, xuyên-tạc và một tác phong bè-phái, chủ quan trong sự phê bình...

Tóm lại, trong sự phân-tích sơ-lược, khái quát, thực là khó lòng đi sâu hơn nữa về các hiện-tượng cũng như khó lòng mà hệ thống hóa các hiện - tượng ấy một cách đầy đủ.

Tuy nhiên, xuyên qua bao nhiêu sự kiện trình bày, người ta có thể tìm thấy hai cái kết quả sau đây: một là tình trạng chậm-tiến của ngành văn - nghệ, hai là rất nhiều khát vọng chính đáng cần được nói lên của văn-nghệ-sĩ.

Tình trạng chậm - tiến biểu hiện ở trên nhiều mặt, về mặt phẩm chất cũng như về mặt số lượng. Văn-đề lựa chọn đề - tài, văn đề trau dồi kỹ-thuật còn hiển chúng ta biết bao trường hợp thảo luận. Văn-đề phát triển chênh lệch trong các bộ-môn, văn-đề khai thác tài năng đang độ hứa hẹn, có thể đòi hỏi rất nhiều công-phu suy ngẫm để

tìm giải pháp thiết-thực. Nói chung, đó là tình trạng không thể hoàn toàn bất động để chờ đợi những thần-kỳ.

Và chính trong tình trạng ấy mà người cầm bút — chuyên-nghiệp hay không chuyên-nghiệp — đều thiết tha mong có sự can thiệp, một sự can thiệp để cho tự-do văn-nghệ càng được phát-triển, để cao. — Trong những khát vọng phức tạp ấy, người viết ước sao được giữ vai trò chủ-động trong sự sáng - tác, được có phương-tiện trong khi ăn hành, khỏi phải làm lợi cho một tầng lớp trung-gian — đúng hơn là lớp gian thương— vừa thừa hưởng trên công trình náo-túy của văn-nghệ sĩ, vừa khoét sâu vào túi tiền quần-chúng tiêu-thụ. Và còn những tác-phẩm chưa được hoàn thành, những tác-phẩm hoàn-thành chưa được phổ-biến, bao nhiêu kinh-nghiệm chưa được kết-tinh, biết mấy quan niệm chưa được xây dựng, người làm văn-nghệ mong mỗi sẽ được nâng đỡ, khuyến-kích một cách hiệu-lực.

Như thế, thực là khó lòng chậm-dứt ở đây mà không cảm thấy nhiều nỗi băn-khoăn. Có người sẽ nghĩ kẻ viết bài này không đủ tư-cách — hay là thâm-quyển — để đề-cập đến văn-đề. Thiết tưởng, ở đây không phải là việc tranh-giành xôi thịt hay sự xâm-phạm quyền-hành. Chỉ ngại tinh thần trách nhiệm thiếu sót, thái-độ quan-sát thiên-lệch khiến sự trình bày không được trọn-vẹn mà thôi. Nhưng vốn nghĩ rằng, nói không trọn-vẹn là một tội-lỗi, mà không chịu nói những điều bản-thân thấy cần phải nói để góp phần nào vào lợi-ích chung, lại là tội lỗi còn nặng-nề hơn gấp bội.

VŨ - HẠNH

BÁCH KHOA CXX



Công thự của vua Victor Emmanuel II

NHẬT KÝ của MINH-ĐỨC

ĐI LA-MÃ

(xem tiếp B. K. từ số 119)

20-9-61 Sáng nay anh T. H. thấy tôi không định đi đâu nên hy sinh buổi sáng để đưa tôi đi chơi. Nhưng anh ấy vừa đi vừa phàn nàn vì phải đi qua những nơi mà xưa kia anh ấy đã cùng người đẹp từng đi đến, có thể non hẹn bề gì không biết, chỉ biết rằng anh ấy mặt cứ buồn xiu ra. Tôi nhất định sẽ tìm cách công tác hộ anh ấy. Đền Autel de la patrie hay là công thự của vua Victor Emmanuel II (người đã có rất nhiều công trong việc xây dựng nước Ý) Hôm qua đi cùng anh Hải, có ngang đây nhưng vì đóng cửa nên không vào được, hôm nay tôi muốn lên trên xem. Có hai cô gái Ý cùng đi họ nhìn tôi mỉm cười, tôi cười giả

lại và bắt luôn cơ hội giới thiệu cho anh T. H. (báo hại cho anh ấy tổn tiền). Công thự này rất to hai bên có hồ nước chảy, không biết phải tả thế nào, tiện nhất chỉ có cách là mua một tấm ảnh gián kèm vào nhật ký. Trờ lại Colisée vì hôm qua không trèo lên được, tôi rất sung sướng khi leo lên đến tầng cao nhất để nhìn xuống đấu trường và tưởng mình là một lực sĩ đang đấu sức với nhiều mãnh thú. Tôi nhặt một mẫu gạch long ở trong tường mang về để cho chóng đến ngày tận thế, may mà tất cả những du khách khác không có cái ý nghĩ điên cuồng ấy nếu không thì còn gì là La-mã, còn gì là Colisée.

Trưa nay về nhà lại được ăn phở, vẫn là công trình của anh Lý. Quên khai nột, hôm qua anh T.H. mang về một anh bạn Ý học kiến trúc, giá có Tâm Quý ở đây chắc cô ấy sẽ thất vọng ghê lắm, T.Q. vẫn kêu là con giai Ý rất đẹp.

Các anh sinh viên ở đây rất quý nhau, ham thể thao, trong nhà có đủ các thứ tạ để tập cho to người chắc tại đi cạnh các cô gái Ý to lớn cảm thấy tui thân chẳng? Dấu sao đây cũng là một điểm rất đáng mừng, vì họ không ham nháy, ham têu như những thanh niên ở vào tuổi ấy lúc được sống xa nhà. Chỉ có một điểm mà tôi phải phê bình là cả 6 anh chẳng anh nào sắm lấy một chiếc áo quàng, nên khi có ai bấm chuông các anh bắt họ chờ hăng mấy phút để mặc áo, nếu không thì cứ bộ quần áo ngủ ra mở cửa. Kê ra ở quê nhà thì sự mặc quần áo ngủ (pyjama) ra đường là sự thường nhưng bên này là một điểm rất lạ.

Tối nay các anh định ăn phở nữa nhưng mãi ngồi nói chuyện để nói phở cháy mùi xương với thịt khét bay khắp nhà, thú thật tôi ngồi thấy mùi ấy từ lâu mà không biết là mùi gì. Ăn xong anh T.H. về đón đi chơi, anh ấy mang đến giới thiệu một người bạn cùng học lớp đạo diễn xứ Brésil, ông nầy tính nết giống hệt T.H. trong câu chuyện tôi chia ra được ba phần, một phần rưỡi nói chuyện người đẹp, một phần nói chuyện học và chỗ ở (họ đang tìm nhà) nửa phần kia nói chuyện xe hơi. Cả hai cùng đang đi

tìm những đôi mắt xanh để an ủi cho tâm lòng vàng.

21-9-61. Gặp anh Linh một sinh viên âm nhạc, ngày thơ không khác mấy anh kia và cũng đầy rẫy tương lai

Sáng nay anh Chính đưa đi xem Basilic Santa Mario Maggiore, nhà thờ nầy là một trong số năm cái nhà thờ tộc trưởng (patriarchal church, ở La-mã, dựng lên từ năm 352, và có sửa chữa lại vào quăng thế kỷ thứ 12 và thứ 16. Nhà thờ kiểu mẫu của lối kiến trúc cổ điển nhất, người ta còn gọi là Santa Maria ad Nives vì tuyết đã rơi đúng vào trong linh vực ấy, tục truyền rằng năm 352 Đức bà Maria hiện về trong giấc mộng của đức Giáo hoàng Liberius và của một con chiên rất sùng đạo Johannes, bảo rằng phải dựng một ngôi nhà thờ đúng vào nơi có tuyết rơi sáng hôm ấy (mùng 5 tháng 8) tuyết đã rơi ngay vào ngọn đồi và vạch đúng giới hạn. Đây là một sự lạ, vì mùa ấy là mùa nóng bức vô cùng.

Xem xong bên trong ra ngoài thấy những bậc đá hoa mát mẻ, ngồi đây nhìn xuống được các nẻo đường, thế là tôi với anh Chính cùng ngồi lại nói chuyện mãi đến 12 giờ, lâu lắm tôi mới gặp một buổi sáng mát và lành như thế, người và xe cộ vẫn qua lại nhưng du khách vẫn ngồi thảnh thơi có vài người đến bán ảnh và bản đồ, anh Chính phải vội đưa ra một tràng tiếng Ý để cho người ta biết chúng tôi không phải là du khách. Anh Chính kể rằng ngày mới



Vòi nước Trévi

sang chỉ biết nói độc có hai tiếng « dolce-vita », may mà anh ấy không đưa ra, nếu không chắc là có những sự hiểu lầm vui biết mấy. Anh Chính mới vào quăng 20 học về hóa học nổi tiếng chăm chỉ, vào kỳ thi hình như bỏ cả ăn cả ngủ, không mơ người đẹp mắt xanh tóc vàng vì đã có người đẹp mắt đen đang chờ ở nhà. Trưa nay đến đại học xá ăn cơm với anh Chính, giá 300 liras nhưng ăn đầy đủ hơn ở Pháp, mở đầu bằng một đĩa mì mà những đứa như tôi chỉ cần ăn phân nửa là đủ no.

Không có lần nào ra đường mà không bị có người lẽo đẽo đi theo, may không có làm gì về chính trị nếu không chắc sẽ giết mình lo sợ.

Chiều nay cùng anh T. H. đến nhà anh Ph. Tg. ăn cơm. Anh Tg. đứng tuổi nên trông đạo mạo hơn.

Tôi cùng anh Tg. và anh H. nói chuyện quá khứ nhắc đến tên những vùng quê hẻo lánh mà tôi đã từng lang thang qua. Nhà anh Tg. có một cái sân thượng rất rộng rãi ở đây tha hồ nhìn trăng với sao.

22-9-61 Sáng nay anh Tg. đưa đi chơi một vài nơi quanh thành phố về nhà anh Chí mang ảnh người đẹp mắt xanh ra khoe, cãi nhau với các anh ấy về vấn đề xấu và đẹp, định nghĩa của anh

Chí : « người không xấu nghĩa là người mình ra đường với họ mà không thấy ngượng » thế nghĩa là người mà mình được hân hạnh đi bên cạnh tức là người đẹp. Các anh ấy cứ nhất định bênh vực cái thuyết vợ trông được của họ. Lần này là lần thứ mấy trăm tôi cãi nhau với mọi người, tôi chủ trương thà vợ xấu mà có tâm hồn, thông minh, hơn là vợ đẹp mà ngu và rỗng tuếch. Chẳng bao giờ ai chịu nghe tôi, ngay cả ông em quý hóa ở nhà. Giận quá mất.

23-9-61 Đi chơi với anh Lý, con người hát hay và nấu bếp giỏi đến ngồi ở Villa Borghese, chụp ảnh và ăn kem. Từ thuở bé chưa bao giờ ăn kem nhiều như mấy hôm ở Ý có lẽ vì trời nóng mà đi bộ nhiều. Anh Lý lại cũng là một trong những chàng trai chưa trắng bụi phong trần như các anh kia, anh ấy kể chuyện

những ngày mới sang chỉ có năm dài đợi thư nhà, sáng nào cũng tranh nhau xuống lấy thư. Anh nào có thư thì phải đọc to cho mọi người khác cùng nghe cho đỡ tức nếu không thì bị dọa đòn. Tâm trạng chung của tất cả kẻ mới xa nhà. Những kẻ được ở nhà, được cái sung sướng mỗi chiều ra ngồi ở phòng trà nghe nhạc, được đi ăn phở lúc nào muốn ăn, những kẻ ấy có nghĩ đến mà thương hại cho những con người lang thang và ngày ngày chỉ mong giờ phát thư. Như tất cả những kẻ mới lìa xứ anh Lý rất cúi kính mỗi khi ai đọc tên Việt-Nam không đúng.

Chiều nay bị các bà láng giềng mời sang xem điện-thị, cũng chỉ là một sự vào vườn thú bất khí mà thôi, họ mời cốt để xem cho kỹ cái thứ của lạ, nếu họ ở Paris thì họ sẽ không bao giờ mời tôi như thế. Đàn bà Việt Nam ở Paris cũng nhiều như lá vàng mùa thu (nói theo câu thơ của Prévert thì «on les ramasse à la pelle») Các bà phân nản rằng điện thị làm cho cả Đức Giáo hoàng xem nên kiểm duyệt kỹ lắm, luân thường đạo lý trên tất cả nghệ thuật.

Chiều nay nghe anh Tường ngâm thơ, con người xứ Huế trông lù đù, giọng nói nặng bằng mấy cái còi đá thề mà có giọng ngâm thơ dạt dào tình cảm, lần đầu tiên tôi mới nghe một người Huế ngâm thơ.

Tôi nay anh Tg. giới thiệu cô Liu và bà mẹ cô ấy, về nhà cô Liu ăn cơm và anh Tg. lại nấu món gà với

năm muồn thườn của anh ấy. Ăn cơm xong nói chuyện một lúc anh Tg. và T.H. ra về cô Liu tâm sự với tôi mãi đến gần hai giờ sáng.

24 - 6 - 61 Sáng giậy sớm vì ớn quá, nhà hướng ra cả ngoài đường xe chạy cứ ầm lên chả trách mà cô Liu kêu mệt. Đi giữ vé tàu hỏa để về, làm đuôi gần nửa giờ. Lầy xong vé thì đến giờ đi ăn cơm Bà mẹ cô Liu thuộc loại nhà giàu nên ít khi ăn cơm nhà, nghĩa là kéo nhau ra hiệu ăn. Ngồi ăn ngoài đường, tha hồ cho khách nhìn, có những người từ thuở bé chưa được thấy người phụ-nữ Á-đông.

Chiều ra ngoại ô nhìn ánh trăng chớm đỏ, đây là trăng trung thu chẳng, đêm nay sẽ không được nhìn trăng ? tại hại của sự ở dưới một mái nhà giàu, cửa đóng then cài trăng gió cũng không được ra vào tự do. Tại sao nhìn những đám ruộng đất ở ngoài đồng tôi cứ nghĩ vớ vẩn rằng đất này không phải đất của mình, tại sao độ ở sa mạc tôi lại không có những ý nghĩ ấy. Đêm nay ở quê nhà có bao nhiêu người đang nhìn trăng, trong số ấy thế nào cũng có người quen biết tôi họ có nhìn trăng họ tôi chẳng ? họ có ăn bánh mà nghĩ đến tôi chẳng ?

Đi mua áo mưa, ở Ý mua cũng phải mặc cả giồng như ở Việt-Nam. Ngồi uống cà-phê nhìn thiên hạ với cô Liu một lúc rồi lại đi ăn ở tiệm ăn hôm qua. Có phải Bà mẹ cô Liu là người mẹ thương con nhất ở đời, hay là

tất cả các bà mẹ đều giống nhau, hẳn thế.

Đi xem tranh ở Marino nhưng còn sớm, phòng triển lãm mãi năm giờ mới mở cửa. Mỗi năm ở vùng này có ngày hội trảy nho (fête des vendanges) các họa sĩ đến vẽ và trưng bày ngay đây. Tôi thích lời vẽ của Massarin xem một cuộc triển lãm như thế này mới thấy có người tài ít và có người tài nhiều. Có cả tranh của họa sĩ Ph. Tăng người Việt nhà ta.

Tôi, về nhà định nấu cơm cho cả nhà ăn mà chẳng có gì cả làm sao nấu thành cơm Việt được nhĩ : « phi mắm, ruộc bát thành « mít ».

26-9-61 Còn có vài hôm nữa thì về, định lên xem Vatican một lần nữa nhưng lười vả lại còn Cịnh trở lại nên không tiếc lắm. Anh H. định bắt tôi về với các anh ấy nhưng lười vác va-li. Nhà các anh ấy có lắm muối nó đốt tôi đầy cả chân chỉ vì mình không hiểu tiếng Ý, giá ở Pháp hay Việt Nam thì đâu có bị đốt đầy cả thế.

Tối nay anh T.H. đến để tiễn chân, anh ấy bảo hôm qua các anh kia chờ tôi nhưng vì nhầm ngày tôi cứ tưởng trung thu là hôm kia. T. H. nhất định không chịu ra về bảo để ở phá tôi cho bao giờ tôi phải tức, nào là bật đèn, nào đòi đọc nhật ký, nhưng cuối cùng mười một giờ đêm anh ấy phải chịu về vậy. Tôi nghiệp mấy hôm nay anh ấy bị tôi ghét nhưng chắc tôi cũng bị anh ấy ghét lắm, thật ra

anh ấy chỉ phải tội hơi gần chứ cũng không đến nỗi dễ ghét, có lẽ vì sự đi chung một chuyến xe trong mấy ngày liền nên gần nhau.

28-9-61 Từ già thành phố La-mã trong ngày mai, trước khi lên đường phải đi xem vài cái vôi nước vì La mã nổi tiếng là xứ của vôi nước. Ngoài những vôi nước như Fontana del tritone nổi tiếng là đặc biệt, vôi nước Tartarughe nổi tiếng là xinh, vôi nước Piazza Navona và cuối cùng là vôi nước Trevi vôi này lớn nhất và được người đến xem nhiều nhất. Xây từ 1735 do lệnh của đức Giáo hoàng Clément XII. Có tục lệ rằng người nào trước khi từ già La-mã mà đến vút tiền xuống hồ nước (cò nhiên là không phải tiền giấy) thì thế nào cũng có ngày trở lại vì định mệnh muốn thế. Qua làn nước xanh trong có rất nhiều tên những đôi bọ khác lên bờ và ở giữa lòng hồ lóng lánh những đồng lire, thật là một tục lệ rất nên bắt chước vì hồ lúc nào cũng sạch sẽ, người lo việc dọn dẹp cái hồ ấy tha hồ mà vui lòng. Có anh chàng Ý thấy tôi ngồi một mình nên mạnh dạn đến làm quen. Mấy hôm nay đi ra đường lúc nào cũng có người hộ tống, hôm nay đi một mình tôi muốn để thử xem anh chàng nói những gì.

— Cô là người Nhật Bản (rất lễ phép)

— Việt Nam

— Con gái Việt đẹp quá.

— (Im lặng)

— Thật đây tôi nói cái gì tôi nghĩ
 — Con giai Ý nổi tiếng là hay tán.
 — Không phải, vì họ quen được nhìn những gì đẹp mắt, và lúc gặp một cái gì đẹp mắt thì họ phải kêu lên.

— Tôi ra đường không lúc nào là không bị người theo, bằng xe hai bánh, bằng xe bốn bánh, bằng lêo đêo đi bộ, nhưng rồi tất cả đều phải bỏ cuộc vì tôi và các bạn đi rẽ sang lối khác, hoặc vào hiệu ăn.

— Tôi mà đã muốn theo ai thì tôi theo bằng được.

— Nói dặc chứ nếu người ta có chồng và đi với chồng, ông có dám đến không ?

— Nếu hôm nay cô đi với chồng cô thì tôi sẽ đến nói với chồng cô rằng : « ông có người vợ xinh lắm » Chồng cô làm gì được.

Anh chàng bực tức lúc thấy tôi từ giã ra về, tưởng rằng nói chuyện được tức là sẽ nhận lời đi uống cà phê.

29-9-61 Lên tàu, T. H. đưa lên chỗ ngồi thì chạy ngay vì đói và còn bận đi làm. Lâu lắm không đi tàu hỏa, hôm nay mới thấy lại những giây núi chập chùng dọc theo đường sắt. Đồng hành có một cô gái người Anh và một ông kỹ sư người Ý, đúng ra thì đồng hành chỉ có một ông già người Anh, cái mặt lừ đừ như giậu hờn ai, chán quá nên tôi tìm cách đổi. Chỉ vì khát nước mà trên tàu chỉ bán toàn nước có gaz

nên không uống được. Nước ở phòng rửa mặt cũng là thứ nước không phải để uống, đi ngang thấy bên lảng giếng có chai nước tôi vào hỏi xin, họ vui vẻ cho ngay. Cô Hilary Maunsell người Anh lại còn rộng rãi mở bình thủy pha cho tôi một cốc nước chanh nước đá, thật là hạnh phúc, đang khát đến cháy cả cổ. Tôi vẫn giữ cái thói « con ve sấu kêu ve ve » nghĩa là không biết lo xa tí nào. Cô Hilary xinh chứ không ba-giết như nhiều cô gái Anh khác (người Pháp vẫn gọi các cô gái Anh bằng bánh mì baguette vì họ gầy và dài lẻo khoèo).

Ông bạn đồng hành Aldo Compagnone người Ý, sau vài câu chuyện ông ta tự xưng mình thuộc về của lạ, vì là dân Ý mà không tán tỉnh. Ông ấy bảo : « Cô cứ tin rằng tôi sẽ không làm cho cô bực mình ». Và ông ấy còn bảo lúc nãy bước vào toa tàu thấy mấy cô gái làm ông ấy sợ quá nay mà họ đi cả. Muốn đổi chỗ (vì thuê giường ngủ từ trước) tôi phải nhờ cả ông Aldo lẫn cô Hilary đi sang mang va-li hộ, sự có mặt của cô Hilary chứng tỏ cho ông bạn đồng hành ở toa của tôi biết rằng tôi đổi chỗ không phải vì cái nhan sắc của ông Aldo hay vì cái tính hay tán của đàn ông xứ Ý. Sợ ông ấy nghi oan cho tất cả đàn bà A đông chẳng, nói ra ai cũng cười, bảo sao mà lo xa thế.

Nhân nói đến mấy cánh đồng Ngô ở Ý, ông Aldo kể chuyện ở

vùng Calabria miền nam nước Ý một hôm ông ta đi xe ngang qua đây và xe khát nước ông ta vào gõ cửa một nhà gần đây hỏi xin. Chủ nhà im lặng đưa cho một bình nước, xong rồi ông ta hỏi mua cái ăn, chủ nhà vẫn im lặng dẫn ông ta vào trong một gian phòng có độ 20 người đàn ông đang ngồi quanh một cái bàn, ông ta tìm cách gọi chuyện nhưng mọi người chỉ ngược mắt nhìn chứ chẳng ai mở miệng. Một lát sau chủ nhà mang ra một đĩa xúp ngô, ăn xong ông Aldo muốn giả tiền nhưng chủ nhà không lấy. Ra phòng ngoài liếc mắt sang gian bên ông ta thấy một cái xác đàn bà đang nằm trên bàn và chung quanh có quãng độ hai chục người đàn bà đang ngồi im lặng như thế. Sợ quá ông ta chạy ra xe thật nhanh, đến một làng bên cạnh hỏi thăm họ bảo tục lệ của làng ấy như thế, khi có người chết thì bạn bè bà con đến ngồi 24 tiếng đồng hồ không ăn không nói, nếu là đàn ông thì đàn ông canh xác, nếu là đàn bà thì đàn bà canh xác.

Ông Aldo còn kể chuyện ở Toscana trong các làng nhỏ còn có tục cứ nhà ai sinh con thì để ra ngoài

một cái giải lụa, con gái màu xanh, con gái màu hồng, và tất cả mọi người qua đường trông thấy đều vội vã mua quà đem đến cho. Có khi cái đuôi người mang quà đến dài ra tận ngoài đường xa, làm ngăn trở lối đi. Tục lệ này các xứ khác nên bắt chước theo. Tàu vẫn chạy qua rất nhiều hầm vì xứ Ý có lắm núi. Đêm qua đến 11 giờ mà toa chúng tôi cứ bị vào hỏi thăm luôn, người ta mang gỏi, rồi mang chần, một lúc lại thấy mang thêm cho gỏi, thêm chần; thừa không biết để làm gì.

Cái gì hiếm vẫn quý hơn và tàu đến Paris... Các bạn ra đón, nghe tôi khen mãi Rome, có một ông lên tiếng: « Theo ý tôi thì đến Angkor-wat còn đẹp hơn vì nó là 1 công trình của người và thiên nhiên hợp tác. Người Á-đông mà cô không thấy chiết tự chữ Ngụy nó ra thế nào hay sao ».

Cả bọn chúng tôi lác mắt đợi ông ta thông thả giảng: « Nó là chữ vi đứng bên bộ nhân ».

MINH - ĐỨC.

Paris 15-10-61.

ĐÃ XUẤT BẢN:

TRIẾT-HỌC GIÁO-KHOA

Tập I — LUẬN LÝ HỌC

— LỮ - HỒ —

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135. Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A O F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

NGỘ NHẬN

(*LE MALENTENDU*)

ALBERT CAMUS

BÙI-GIÁNG dịch

(xin xem B. K. từ số 117)

LỚP III

XEN I

Bà Mẹ, Martha và người đẩy tó. Người đẩy tó quét dọn. Martha ở sau quầy hàng, kéo mái tóc ra sau.

Martha

Mẹ thấy chưa, buổi bình minh kia đã đến.

Bà Mẹ

Phải. Ngày mai, ta sẽ thấy rằng ra tay như vậy là tốt. Nhưng bây giờ, ta chỉ cảm thấy mệt mỏi thôi.

Martha

Từ bao năm, hôm nay con mới thở được một hơi dài. Con tưởng như nghe sóng trùng khơi vỗ mạnh. Lòng con vui mừng, con sắp la to lên vì sung sướng quá.

Bà Mẹ

Tốt lắm, tốt lắm, con ạ. Nhưng giờ đây ta cảm thấy mình già cỗi quá, không còn sức lực để chia sẻ vui sướng cùng con. Mong rằng ngày mai sẽ khá hơn.

Martha

Phải, mọi sự hoàn hảo. Nhưng mẹ khoan vội phản nản, để yên cho con tha hồ

vui sướng. Con thấy lòng tươi trẻ lại như ngày xưa. Máu trong người lại rộn lên, lòng sôi như cháy bỏng. Con muốn bay bổng lên trời. Ô ! mẹ hãy nói rằng...

Nàng dừng lại.

Bà mẹ

Gì thế con ? Ta không nhìn ra gương mặt con được nữa.

Martha

Này mẹ... (*Nàng dừng lại rồi sôi nổi nói*). Con còn đẹp hay không ?

Bà mẹ

Con đẹp lắm. Sáng nay con đẹp lắm. Tội ác cũng đẹp lắm mà.

Martha

Có nghĩa gì tội ác ! Con hồi sinh. Con sống trở lại lần thứ hai, con sắp tìm tới miền đất con mộng tưởng.

Bà mẹ

Tốt lắm. Ta rất vui lòng thấy rằng đời con sắp xán lạn. Con sắp hưởng hạnh phúc. Con khởi sự cuộc đời.

Người đầy tớ già hiện ra trên đầu thang, xuống bên Martha, đưa cái giấy thông hành cho nàng, rồi bước ra không nói một tiếng nào. Martha mở xem, không phản ứng.

Bà mẹ

Gì thế ?

Martha, giọng bình tĩnh.

Giấy thông hành của gã. Mẹ hãy xem.

Bà mẹ

Con cũng biết rằng mắt ta kém lắm.

Martha

Mẹ hãy đọc ! Mẹ sẽ biết tên của gã.

Bà mẹ cầm giấy thông hành, đến ngồi trước bàn, mở ra đọc. Bà nhìn rất lâu trang giấy trước mặt.

Bà mẹ, giọng mơ hồ.

Ta cũng đã biết rằng có ngày sự tình rồi sẽ xoay ra thế đó, và rồi phải nhắm mắt mà ra tay.

Martha, nàng đến đứng bên quày hàng.

Mẹ !

Bà mẹ, vẫn một giọng.

Đủ rồi, con ạ. Ta sống cũng đã nhiều rồi. Ta đã sống nhiều hơn đứa con trai. Ta đã không nhìn ra được nó. Ta đã giết nó. Thì bây giờ ta có thể theo nó xuống dưới đáy sông hiện giờ rêu rong đã phủ đầy khuôn mặt nó.

Martha

Mẹ ! mẹ không thể bỏ con ở lại một mình.

Bà mẹ

Con đã giúp ta nhiều, con ạ. Bây giờ phải vĩnh biệt con, lòng ta buồn lắm. Ta phải nhìn nhận rằng con là đứa con gái có hiếu, nếu lời nói đó còn có một ý nghĩa gì. . . Nhưng bây giờ ta đã mỏi, và quả tim già từ lâu những tưởng hững hờ với mọi sự, bất ngờ lại vừa biết đau thương. Làm cách nào hàn gắn, sắp xếp cho xong. Ta không còn năng lực của tuổi trẻ. Và nói cho cùng, khi một người mẹ không còn có thể nhận ra đứa con của chính mình, thì ấy là nhiệm vụ của mình ở trần gian đã chấm dứt.

Martha

Không. Chưa ! Chưa ! Nếu còn phải xây dựng hạnh phúc cho đứa con gái ! Con không biết mẹ muốn nói gì. Con không hiểu những lời kia được nữa. Mẹ từng đã dạy con hãy coi khinh hết mọi sự, mẹ há quên sao ?

Bà Mẹ, vẫn giọng thờ ơ.

Phải rồi, nhưng ta vừa chợt hiểu rằng mình nhầm. Ta vừa hiểu rằng trên trái đất hỗn độn này, vẫn còn có những điều xác thực để tin yêu. (Chua chát). Ngày nay ta thấy rằng tình mẫu tử là một điều xác thực. Tình của người mẹ với đứa con trai không phải là sự hao huyền.

Martha

Thế còn đối với đứa con gái thì sao ?

Bà Mẹ

Giờ đây ta không có định làm phiền lòng con, nhưng quả thật là có khác. Tình

thương con gái không mạnh bằng. Làm sao ta có thể sống không tình yêu đứa con trai?

Martha tức tối.

Tốt thật? Quý hóa làm sao! cái mối tình suốt hai mươi năm nằm trong quên lãng.

Bà Mẹ

Phải! Mối tình suốt hai mươi năm lặng lẽ, vẫn còn sống lại như nguyên. Thế cũng quý lắm rồi. Vì ta không thể sống thiếu tình thương ấy.

Bà đứng lên.

Martha

Mẹ có thể nào bình tĩnh nói thế và không nghĩ một chút nào tới đứa con gái hay sao?

Bà Mẹ

Không. Ta chẳng còn biết suy nghĩ gì nữa cả. Đây là một sự trừng phạt, con ạ, ta nghĩ rằng đến một giờ nào đó tất cả những kẻ sát nhân như ta sẽ khô cỗi, trống rỗng tâm hồn, không còn ước mong gì được nữa với tương lai. Chính vì thế mà chúng sẽ bị loại bỏ. Chúng sống cũng chẳng ích gì.

Martha

Con khinh bỉ cái lối nói đó. Cái giọng điệu đó con không muốn nghe. Tội ác là cái gì! Trừng phạt là cái gì!

Bà mẹ

Buột mồm nói thế, lời đến giữa môi. Ta chẳng suy nghĩ gì hết. Ta mất tự do rồi. Đây là khởi đầu địa ngục!

Martha

Nàng đến bên bà mẹ, và sôi nổi.

Trước đây mẹ không nói thế bao giờ. Trong mấy năm, mẹ đã đứng bên con, mẹ đã cương quyết nắm cặp giò bọn chúng mà lờ đi. Mẹ không hề nói tới tự do, mẹ không hề nghĩ tới địa ngục. Vì lẽ gì bây giờ lại khác? Chỉ một đứa con trai mà thay đổi đến thế sao?

Bà mẹ

Phải. Thằng con chết oan đã thay đổi hết. Ta rất đau lòng.

Martha định nói.

Ta biết, con ạ, lời nói kia chẳng có nghĩa gì. Kẻ giết người còn nói gì tới đau khổ nữa. Nhưng đây không phải là mối đau khổ thực sự của tình mẫu tử. Chỉ là mối đau xót của kẻ sống trở lại với tình yêu. Cả sự đau xót này cũng vô nghĩa nốt, ta biết vậy. (*Đổi giọng*). Nhưng cả cuộc đời ở trần gian này cũng vô nghĩa, từ cuộc sinh hóa đến điều tàn, tất cả đều hỗn độn điều mang.

Bà cương quyết tiến về phía cửa, nhưng Martha nhanh chân đứng ra cản lối.

Martha

Không, mẹ ạ, mẹ không được phép bỏ con. Mẹ nên nhớ rằng suốt bao năm, con đã ở bên mẹ trong khi đứa con trai của mẹ đã bỏ mẹ mà đi, suốt một đời mẹ gọi con thừa, trong khi đứa con trai trước sau không có một lời đáp. Cái đó phải được đền bù. Mẹ nên cân nhắc lại.

Bà Mẹ, dịu dàng.

Con nói rất phải. Nhưng đứa con trai kia đã chết oan! Ta đã giết nó!

Martha hơi quay đầu, như nhìn tấm cửa.

Martha

Sau một lúc im lặng, nói với giọng sôi nổi càng lúc càng tăng.

Anh ta đã hưởng thụ hết mọi thứ ở trần gian. Còn đòi hỏi gì hơn? Anh đã lìa xứ mà đi tìm tới chân trời rộng, nhìn ngó bề khơi, vẫy vùng hồ hải, ngang dọc tự do. Còn con? Suốt đời ru rú, lam lũ trong xó nhà, tấm tối, tủn mủn, như con giun con giế ru rú ở trong hang. Mỗi miếng con chưa hề biết hương vị cái hôn. Chưa có thằng con trai nào đặt môi nó lên má con. Chưa có gã đàn ông nào đưa bàn tay vuốt da thịt con, mở mắt nhìn tấm thân con lúc không xiêm áo. Mẹ ạ, con thề có trời đất chứng tri. Mọi sự thiếu hụt phải được đền bù. Con trai của mẹ chết hay chẳng chết, con không cần biết. Mẹ không thể viện cớ gì mà trở tránh không trả nợ cho con. Con phải nhận đủ thù lao. Mẹ nên nhớ rằng đối với kẻ lìa đời, cái chết không còn nghĩa gì cả. Mẹ con ta rồi sẽ quên đi. Anh ta chết rồi, là vào cõi yên nghỉ. Không còn ray rứt, không khác khoải chờ mong. Còn con, giờ đây mẹ toan cướp của của con.

Anh ta đã đi rồi, lẽ nào còn cướp giật mang đi mỗi tình mẫu tử, mẹ nhất định bỏ con hay sao? Mẹ nhất định theo anh ta mà nhảy xuống đáy nước hay sao?

Hai người im lặng nhìn nhau. Martha cúi mặt. Nói rất nhỏ.

Con sẽ chẳng đòi hỏi gì lắm đâu. Mẹ ạ, có những lời con chẳng bao giờ biết thốt nhưng con tưởng rằng sống trở lại cuộc sống thường ngày cũng không đến nỗi tệ lắm đâu.

Bà mẹ tiến lại gần.

Bà mẹ

Trước đây, con đã nhận ra nó ư?

Martha, đột ngột ngáng đầu.

Không. Con không nhận ra. Từ nhỏ con có biết mặt mũi anh ta ra sao đâu. Có giữ kỷ niệm nào đâu. Sự đã xảy ra là thế tất phải xảy ra. Đúng như mẹ nói, cõi đời này phi lý lắm. Nhưng mẹ hỏi con câu đó là phải. Bởi vì cho dầu con nhận ra anh ta, con cũng xin thú thật rằng mọi sự cũng vẫn đi tới kết cục như vậy.

Bà mẹ

Ta muốn rằng con nói vậy là con làm. Nhưng kẻ giết người đã man bao nhiêu đi nữa cũng còn có những giờ hồi tâm, những phút nghĩ lại mà buông tay.

Martha

Có chứ. Con cũng vậy. Nhưng không phải vì một thằng anh xa lạ hững hờ mà con chịu buông tay hay cúi mặt.

Bà Mẹ

Thế là vì ai?

Martha cúi mặt.

Martha

Vì mẹ.

Im lặng.

Bà mẹ, chậm rãi.

Muộn mắt rồi, con ạ. Ta không thể làm gì cho con được nữa. (Bà quay nhìn con gái.) Con khóc đó sao? Không, ta sẽ không nói rõ. Con có nhớ cái thuở ta bế con trong lòng và hôn không?

Martha

Không, mẹ ạ.

Bà mẹ

Con nói phải. Thuở ấy lâu rồi, và ta không còn đưa tay bế con nữa. Nhưng ta vẫn yêu con. (Bà đưa tay gạt nhẹ Martha sang bên, Martha nhường lối dần dần). Điều đó bây giờ ta biết rõ, lòng ta ngậm ngùi; ta hồi sinh, ta sống trở lại chính trong giờ ta không thể chịu đựng cuộc sống được nữa.

Lối đi được nhường hẳn.

Martha, ôm mặt.

Nhưng ngoài sự đau đớn của đứa con gái, còn cái gì mạnh hơn để lôi cuốn mẹ?

Bà mẹ

Sự mỗi mòn, con ạ, và lòng mong muốn được yên nghỉ...

Bà bước ra, Martha không cản.

XEN II

Martha chạy về phía cửa, đóng rầm lại, nép thân vào. Và là hết dư dãi.

Martha

Không. Không thể nào như vậy được. Mẹ ta bỏ ta. Ta sống ở quê hương cũng không khác gì nơi đất trịch lưu dầy. Ở thẳm anh chó má. Ta thù người! Một đời ta mong đợi cái giờ sống dằng rào rạt. Chỉ vì mi mà sự việc sắp đặt phải dở dang. Giờ phút buy hoàng kia sẽ không bao giờ đến nữa. Ta sẽ chết, mòn xương héo máu ở đây. Rã rời thân thể ở đây. Trước mặt, sau lưng, tả hữu chỉ thấy lúc nhúc cái lũ người lơ lảo, những quốc gia, biên thù, những sông núi, những quan ải chênh vênh che dấu trùng dương của một đời ta miên man kêu gọi. Ta chết ngọt. (Thấp giọng.) Nhiều kẻ may mắn hơn ta! Có những nơi chốn dù xa cách trùng khơi, nhưng đôi lần gió về có mang hương vị triều dâng, rong bể. Mang chuyện sóng cát mờ màng, vang dội tiếng hải âu, ráng mây chân trời vô hạn. Nhưng nơi này tũn nhục âm u, gió đại không về. Không bao giờ ta đạt đích nữa. Cho dầu có nằm sắp xuống sát đất, ghé tai vào

gắng nghe nhịp động xa khơi, vẫn vô ích. Ôi bến bờ vĩnh phúc xa vắng chốn nào. Ta chết khô chết héo, chết âm thầm trong ngục tối ngàn thu. Ta thù oán thẳng anh. Nó về đây xáo trộn tất cả. Nó đã sướng một đời chưa đủ hay sao. Nó còn nở về đây để giết ta nữa! Trời đất ngăn rào, phương lạc hướng mờ, đói ăn trái mận đắng, khát không có nước suối trong, ta biết uống gì nếu không giết người để uống máu. Mẹ ta phũ phàng bỏ ta mà đi như thể đó. Ta đổi cả đời ta, mà không giữ được chút tình thương!

Thì thôi bà cứ chết. Bỏ bề cửa ngõ cứ đóng kín mít cho ngọt hơi! Ta nằm một mình ta nguyên rủa. Ta chết đi, không ngẩng mặt ngó trời. Ở chốn xa xôi kia, con người ta có lối thoát ly, chạy tìm phương hướng, cọ sát thân mình vào da thịt của nhau, chia sớt cho nhau máu xương của hai miền thân thể, tha hồ ngập thân vào sóng vỗ. Nơi xa kia, thánh thần quỷ ma không bén mảng tới. Nhưng nơi này, bốn bề bùng bít, con

mắt ngó nhìn đâu, chỉ còn biết ngẩng lên trời van vãn. Ô ! Ô ! Ta thù ghét cái cõi đời lầy lắt chổn này. Con người phải bỏ thân về với Chúa Trời. Chịu đau hàng lơ lảo. Nhưng ta nhất định không chịu hàng. Ta đã đau khổ chịu đựng bất công oan nghiệt. Đến chết ta cũng ghi mãi.

Ta nghiêng rằng. Trời gầm ta không núng. Đầu gối quyết chẳng chịu quỳ. Trần ai không «đềch chổ», người thân kẻ thích chối bỏ ta, một mình ta gánh mang cái khối tội lỗi, thì lia đời đi biệt, ta không chịu hòa giải bao giờ ! Không !

Có tiếng gõ cửa

XEN III

Martha

Ai đó ?

Maria

Một lữ khách.

Martha

Ở đây không đón khách trọ nữa.

Maria

Tôi đến tìm chồng tôi ở đây.

Nàng bước vào.

Martha, nhìn nàng.

Chồng cô là ai ?

Maria

Chồng tôi đến đây hôm qua, và đáng lẽ sáng nay quay về đằng kia tìm tôi. Thế mà chờ mãi không thấy. Tôi ngạc nhiên.

Martha

Ông ta có nói rằng vợ ông ta hiện ở nước ngoài.

Maria

Anh ấy nói thế là có lý do riêng. Nhưng bây giờ tôi phải gặp mặt chồng tôi.

Martha, vẫn chăm chú ngó nàng.

Điều ấy hơi khó. Chồng cô không còn ở đây nữa.

Maria

Cô nói gì vậy ? Chồng tôi muốn phòng ở đây kia mà.

Martha

Ông ta muốn phòng. Nhưng đêm khuya ông ta lặng lẽ bỏ đi.

Maria

Tôi không thể tin được điều ấy. Anh ấy phải ở đây. Tôi rõ hết mọi căn do buộc giữ anh ấy ở lại. Nhưng giọng nói của cô tôi nghe lạ lạ. Tôi không an tâm. Cô muốn nói gì, xin nói rõ.

Martha

Tôi không có gì để nói với cô cả. Tôi lặp lại: chồng cô không còn ở đây.

Maria

Anh ấy không thể bỏ đi như vậy mà không báo tôi hay. Tôi không hiểu ý cô. Anh ấy rời nhà này một cách vĩnh viễn, hay anh ấy có nói sẽ trở lại lúc nào ?

Martha

Rời vĩnh viễn,

Maria

Cô nghe rõ cho này. Từ hôm qua về đây, ở xứ lạ này, tôi không an lòng một phút nào cả. Chồng tôi lại trọ ở đây, để tôi đằng kia chờ mong khác khoải. Tôi không còn một chút bình tĩnh nào nữa, tôi đến đây để hỏi chồng tôi, nếu cô không nói rõ, thì tôi quyết không đi. Tôi phải gặp chồng tôi ở đây, hoặc cô phải chỉ cho tôi biết anh ấy hiện ở chỗ nào để tôi tìm tới.

Martha

Đó là chuyện của cô, không dính dấp gì với tôi cả.

Maria

Cô lầm. Đó là chuyện của cô. Chồng tôi chưa muốn nói, nhưng tôi phải nói. Chồng tôi có thể trách tôi, nhưng tôi không thể làm thinh. Tôi đã mệt mỏi quá rồi, vì cái trò phức tạp này. Cô nghe rõ cho nhé, người khách đến trọ sáng hôm qua là người anh ruột của cô đó, người anh đã là gia đình từ mười mấy năm.

Martha

Điều đó không phải là một tin mới lạ gì.

Maria, nói dóc.

Cô nói gì vậy? Sự gì đã xảy ra? Vì sao anh cô không còn ở đây nữa? Cô không nhận ra anh cô sao? Cô và mẹ cô không mừng rỡ gặp lại anh ấy sao?

Martha

Chồng cô không còn ở đây vì chồng cô đã chết.

Maria rùng mình, im lìm giây lát, chăm chăm nhìn Martha. Rồi nàng nhúc nhích toan tới gần, mỉm cười.

Maria

Cô đùa, phải không? Anh Jan vẫn thường cho tôi biết rằng thuở nhỏ tính cô nghịch lắm. Ua bày trò chọc cho người ta hoảng chơi. Thôi đừng đùa nữa. Cô và tôi là chị em rồi mà...

Martha

Chị chớ tiến gần. Chị đứng yên đó. Giữa chị và tôi không có tình nghĩa gì hết. (Ngừng một lát) Chồng chị đã chết đêm vừa qua, tôi nói thật cho chị biết vậy. Không đùa. Chị nên đi khỏi chỗ này là hơn.

Maria

Cô điên rồi. Quả cô điên cuồng rồi. Tôi không thể tin cô được. Chồng tôi hiện ở đâu? Nếu thật chồng tôi đã chết, thì cô hãy chỉ cho tôi nhìn cái xác của chồng tôi. Cô nói dối. Cô điên khùng.

Martha

Không thể chỉ cho chị nhìn thấy cái xác anh ta được. Chỗ anh ta hiện nằm, không ai có thể nhìn ra.

Maria toan bước tới.

Chị chớ bước tới. Đứng im đó. Chớ chạm vào tôi... Chồng chị hiện nằm ở dưới đáy sông. Mẹ con tôi đêm tối đã khiêng anh ta xuống đó, sau khi cho anh ta uống thuốc ngủ. Anh ta không đau đớn gì, chỉ phải chết thôi, và chính mẹ con tôi đã giết chồng của chị.

Maria, nàng lùi lại.

Không. Không thể thể được... chính là tôi điên dại rồi nên nghe bậy... những tiếng kỳ dị xưa nay chưa có trên cõi đời. Tôi biết trước rằng ở đây đất nước

NGỘ NHẬN

chẳng lành, nhưng tôi chưa thể diễn được. Tôi không hiểu cô muốn nói gì. Tôi không thể hiểu cô...

Martha

Nhiệm vụ tôi không phải là trình bày giải thích cho cô tin. Tôi chỉ nói ra sự thật. Một sự thật hiển nhiên. Không đường chối cãi.

Maria, gần như mê man

Nhưng tại sao, tại sao cô làm điều đó?

Martha,

Nhân danh cái gì chị hỏi tôi như vậy?

Maria, hét lớn.

Nhân danh tình yêu của tôi!

Martha

Tình yêu? Tiếng đồ có nghĩa gì?

Maria

Nó mang tất cả ý nghĩa những gì đương vò xé cắn rứt tôi, niềm cuồng loạn sắp giục bàn tay tôi mở ra nắm lấy cổ của cô bóp cho cô chết. Tôi chưa làm thế vì trong đáy lòng còn có chút bán tín bán nghi, chưa rõ sự thật thế nào. Nếu không thì chắc cô đã rõ cái tiếng ấy có nghĩa gì dưới bàn tay chín móng xé nát khuôn mặt của cô.

Martha

Quả thật chị nói theo cái giọng gì tôi không hiểu một chút. Tôi hoàn toàn không hiểu ý nghĩa những tiếng tình yêu, hạnh phúc, đau khổ. Đau khổ là cái gì?

Maria, cố gắng sức.

Này, cô nghe nhé, đừng đùa nữa. Cô đùa phải không? Chồng tôi vẫn thường

nói rằng ngày cô còn nhỏ cô hay nghịch lạ thường lắm. Giờ đừng phỉnh phờ nhau kỳ dị như thế nữa. Cô nói đi, nói rõ đi, sự thật thế nào? tôi muốn biết rõ.

Martha

Này giờ tôi đã nói rõ, khó mà rõ hơn. Chúng tôi đã giết chồng của chị trong đêm vừa qua, để lấy tiền bạc, cũng như chúng tôi đã thường giết vài khách trọ trước anh ta.

Maria

Thế ra mẹ và em của anh ấy là những kẻ sát nhân?

Martha

Phải.

Maria, vẫn hết sức cố gắng.

Thế thì lúc bây giờ cô đã biết đó là người anh của cô chưa?

Martha

Nếu chị muốn rõ, thì quả có điều rủi ro ngộ nhận. Và nếu chị có hiểu biết đời nhiều ít, thì chị không lấy thế làm ngạc nhiên chút nào.

Maria, quay lại phía bàn, thu tay đập lên ngực, nói giọng âm ỉ nghẹn ngào.

Trời ơi! Tôi đã biết. Tôi đã linh cảm rằng cái lối dọ dẫm đóng trò của anh ấy sẽ đưa tới chỗ chết. Và anh ấy và tôi sẽ bị trừng phạt. Ô, tai họa vây khắp bầu trời. (Nàng dừng lại bên bàn, tiếp tục nói mà không nhìn Martha.) Anh ấy chỉ muốn trở về để mẹ và em nhìn lại, anh muốn trở về ngó lại gian nhà thuở nhỏ, đem lại hạnh phúc cho các người, nhưng anh ấy xúc động bàng hoàng, không tìm ra được lời thích hợp. Và trong

chú anh dọ dẫm tìm lời, thì các người đã vội giết chết anh. (*Nàng gục khóc*). Và các người, các người là hai kẻ điên cuồng, mù quáng, các người không nhận ra cái đứa con kỳ diệu đó trở về... Phải, anh ấy là một người kỳ diệu, các người không hiểu cái trái tim kiêu hãnh, cái linh hồn kiêu dũng rất khó tính kia! các người đã giết anh ấy. Các người đã phản bội những gì, các người đã phản bội những gì, các người có biết không? Đáng lẽ anh ấy là cái vinh dự lớn cho các người, cũng như anh ấy là cái inh dự lớn của đời tôi. Thế mà các người đã trở thành thù địch. Cô đã giết anh ấy, cô còn đứng đó mà nói năng bình tĩnh, lạnh lùng. Đáng lẽ việc đã rui ro như vậy thì cô phải đau đớn điên dại lên, lao đầu chạy ra đường, và kêu rú lên như con vật!

Martha

Chị đừng nên xét đoán gì hết, chị chưa hiểu hết mọi sự đâu. Giờ này đây, mẹ tôi đã chết theo đứa con trai. Làn nước đục đương khởi đầu gặm mòn xương da hai kẻ ấy. Người ta sẽ tìm thấy xác họ, sẽ vớt lên và chôn họ chung trong một miếng đất. Nhưng tôi vẫn không thấy điều đó có can hệ gì mà phải rên rỉ kêu la. Tôi có một quan niệm rất khác về trái tim của con người và, nói cho rồi, những giọt nước mắt của chị làm tôi ghê tởm.

Maria, quay lại, vẻ mặt căm thù.

Đó là những giọt nước mắt khóc cho nỗi đời, hạnh phúc tan đi. Như vậy là may cho cô lắm. Còn hơn cái nỗi đau xót khô khan sắp đến, và sẽ giục tôi bóp cổ cô chết không gớm tay.

Martha

Cái đó chẳng có gì làm tôi xúc động. Thật vậy, chả có gì. Tôi cũng vậy, tôi cũng đã từng thấy nhiều, từng nghe cũng đã lắm, tôi đã định tới phiên mình cũng chết quách cho xong đi. Nhưng tôi không muốn chết hòa chung với họ. Theo bầy lũ họ để làm gì? Tôi phó mặc họ cùng đi với nhau, cùng nhau tìm lại yêu thương cũ, vỗ về nhau an ủi vu vơ. Cả chị và tôi đều không còn dự phần gì trong đó. Họ đã ngán thu phản bội chúng ta rồi. May quá, tôi còn một căn phòng riêng, để một mình đi vào mà chết.

Maria.

A! Cô có thể chết, thế giới có thể đổ nhào, mọi sự cứ mà vùi lấp hết, tôi đã mất kẻ tôi yêu. Bây giờ tôi phải sống trong sự cô độc hãi hùng, chịu đọa đày trong bao nhiêu kỷ niệm.

Martha bước tới đứng phía sau, nghiêng đầu bên vai Maria mà nói:

Martha.

Đừng phóng đại gì hết. Chị đã mất chồng của chị. Tôi đã mất mẹ của tôi. Chúng ta không nợ nần gì nhau cả. Nhưng chị, chị mất anh ấy chỉ một lần thôi, sau bao năm sống chung hạnh phúc, anh ấy không hề từ bỏ chị bao giờ. Còn tôi, tôi đã bị mẹ tôi từ bỏ. Bây giờ mẹ tôi đã chết, tôi mất mẹ đến hai lần (1).

(1) Ý Camus muốn nói gì, thật là rõ lắm vậy. Nguyên văn mới thật thiết bởi bởi, ngập tràn tâm tình thế kỷ.. Martha tuyệt vọng? Tại sao? Bạn có nhớ tới thái độ của Robespierre của Saint Just trước cái chết? quay nhìn trở lại bao nhiêu đồ vật mình đã gây nên ..

Maria.

Anh ấy mang tài sản của mình về, muốn đem hạnh phúc lại cho các người. Ở trong căn phòng, anh một mình chỉ miên man nghĩ đến chừng đó, trong khi ấy thì các người soạn sửa giết anh.

Martha, thỉnh linh tuyệt vọng (1).

Đối với chồng của chị, tôi cũng trắng nợ, bởi vì tôi đã biết niềm khổ não của anh ta. Tôi cũng tưởng như anh ta rằng mình có nhà cửa. Có quê hương. Tôi đã nghĩ rằng tội ác là gia đình của chúng tôi, và chính nó đã liên kết mẹ tôi và tôi lại đời đời. Trong thế giới hỗn mang, tôi còn có thể quay nhìn ai, bước nhিপ với ai, tâm phúc tương cõ với ai, nếu không là với kẻ cùng tôi đưa tay giết người cùng trong một lúc? Nhưng tôi đã lầm (1). Cả tội ác cũng là cô đơn, cho dầu ta có đoàn kết hàng ngàn lại để giết người, ta vẫn cứ cô đơn. Và bây giờ tôi chết một mình là phải lắm, sau khi đã sống một mình và sát nhân một mình. (1)

Maria đầm đìa nước mắt quay lại.

Martha, lùi lại phía sau, cổ lấy giọng tàn ác.

Chị không được chạm tới tôi, tôi đã bảo. Máu tôi sôi lên sùng sục, khi nghĩ rằng một bàn tay người có thể truyền chút hơi ấm cho tôi trước khi tôi chết; khi nghĩ rằng bất cứ cái gì tương tự như cái thứ yêu thương gớm ghiếc của con người còn có thể theo đuổi mình... trong cái con dạ... là tôi muốn điên lên.

Hai người đối diện nhau, đứng sát lại.

Maria

Cô đừng ngại gì hết. Tôi sẽ để yên cô chết như ý cô. Tôi mù rồi, tôi không

nhìn thấy cô nữa! Cả cô, và mẹ cô, rồi cũng chỉ là những gương mặt bơ thờ thoáng hiện, gặp một lúc rồi chôn vùi mất đi trong một tấn tường âm u đàng dặc. Với cô tôi chẳng còn oán thù, chẳng còn thương cảm, Tôi không còn có thể yêu ai, chẳng còn có thể ghét ai. Hết! Hết!

*(Thỉnh linh nàng lấy hai tay che mặt).*Ồ thật thế, tôi không có thì giờ để đau khổ, không có thì giờ để giận hờn đứng lên phản đối. Tôi quá nhỏ nhoi, mà tai họa quá lớn.

Martha, đã quay đi, tiến về phía cửa, lại trở về phía Maria.

Martha

Nhưng chưa thật là lớn đâu, bởi vì nó còn để cho chị đủ nước mắt mà trào ra. Nên trước khi cùng chị vĩnh biệt, tôi thấy rằng mình còn chút việc phải làm. Tôi phải làm cho chị tuyệt vô hy vọng mới cam.

Maria khùng khiếp nhìn Martha.

Ồ! Tôi van cô, cô đi đi, để yên tôi một chút!

Maria

Thì tôi để chị yên, đối với tôi như thế cũng khỏe, tôi không chịu đựng nổi tình yêu và nước mắt của chị. Nhưng tôi không thể chết đi được, nếu cõa để chị tưởng lầm rằng chị có lý, rằng tình yêu có nghĩa, rằng mọi sự không hào huyền, rằng đây là một sự rủi ro đáng tiếc. Không, chính bây giờ mới là lúc chúng ta nằm trong trật tự. Chị hãy gắng tin cho như vậy.

Maria

Trật tự gì? *Quel ordre.*

(1) Xem lại chú thích ở trang trước.

Martha

Cái trật tự sắp xếp cuộc đời trong đó không một kẻ nào được kẻ khác nhận nhìn ra. *Celui où personne n'est jamais reconnu* (1).

Maria, mắt trố.

Tôi bất cần, tôi không nghe cô nói. Tôi tội giập nát. Chỉ còn biết có hình ảnh của kẻ bị cô giết mà thôi.

Martha, tan khóc.

Chị im ngay ! Tôi không muốn nghe nói đến kẻ ấy nữa. Tôi thù ghét y. Đối với chị, gã chẳng còn nghĩa lý gì cả. Gã đã bước vào cái gian nhà cay đắng, nơi đây ả đời đời. Thằng ngốc ! hắn hiện có cái mà hắn muốn, hắn đã tìm ra cái người của hắn tìm. Ô, tất cả chúng ta giờ đây đều ở trong trật tự. Chị hãy hiểu rằng đối với hắn, đối với chị, đối với tôi, không bao giờ có quê hương, không bao giờ có bình lặng, dù trong cuộc đời, dù trong cõi chết. *(Cười khinh bỉ)*. Phải không ? Ta không thể gọi là tổ quốc, gọi là quê hương, cái giải đất bờ thờ dày đặc, tăm tối kia, nơi ta sẽ đi vào đem máu xương mình ra nuôi sống những thú vật mù quáng. Phải không ?

Maria

Trời ôi ! Tôi không thể, tôi không thể chịu đựng nổi giọng nói đó. Chàng cũng vậy, nếu còn sống ắt chàng cũng không chịu nổi. Chàng đã lên đường tìm về một quê hương khác. Một quê hương khác...

Martha, vờ ra đến cửa, thỉnh thoảng quay lại.

(1) Bạn đọc hãy để ý. Và tự hỏi vì sao mà cái với Sartre một hồi, Camus đã im lìm mãi mãi.

Cái sự điên cuồng kia đã lĩnh nhận món thù lao. Chị rồi cũng sẽ nhận phần chị *(vẫn cười khinh bỉ)*. Chúng ta bị cướp bóc, nói cho chị biết thế. Có nghĩa gì ? Cái tiếng gào thét kia ? Thất thanh của thể phách ? Hốt hoảng của tâm thần ? Kêu cứu gì ? Vọng về đâu ? Về trời ? Về bể ? Về bờ bến yêu thương ? Một trò cười ! Vô nghĩa tuốt. Chồng của chị bây giờ đã rõ lời đáp, cái gian nhà gồm ghềnh trong đó chúng ta sẽ đi vào nằm sát ở bên nhau. *(Giọng cảm thù)*. Chị cũng sẽ biết nó, và lúc bấy giờ nếu còn có thể, thì chị sẽ vui thú hồi tưởng lại cái ngày xưa chị ngỡ mình phải sống trong cảnh vò xé tù đày. Hãy hiểu rằng cái đau khổ của chị không bao giờ sẽ lớn bằng những nỗi bất công con người phải chịu đựng. Và cuối cùng, hãy nghe một lời khuyên nhé ! Tôi có bốn phần cho chị một lời khuyên, phải không ? bởi gì tôi đã giết chồng của chị !

Này chị hãy cầu nguyện Thượng Đế của chị đi, để Người biến thân chị thành đá đi. Đó là hạnh phúc Người giữ cho mình, đó là hạnh phúc thật sự. Duy nhất. Hãy bắt chước thế, nhắm mắt, bịt tai, không thấy, không nghe. Biến mau đi cho thành đá, lúc chị còn có đủ thì giờ. Còn nếu mà chị cảm thấy mình quá hèn nhát, không đủ sức đi vào trong sự bình lặng âm thầm kia, thì xin hãy theo tôi bước vào trong gian nhà chung đương đón đợi Vĩnh biệt nhé ! Mọi sự đều êm xuôi, dễ dãi. Thấy chưa ? Chị hãy chọn lựa đi. Một là cái hạnh phúc đần độn của sỏi đá, hai là cái giường nhảy nhụa ngoài kia chúng tôi đương chờ.

Nàng bước ra, và Maria thảng thốt nghe này giờ, loạng choạng té xỉu, đưa tay tới trước.

Maria, kêu thảng thốt.

Trời ôi ! tôi không thể sống trên sa mạc này ! Trời ôi ! Trời ôi ! Tôi sẽ nói chuyện với Người, tôi sẽ tìm ra lời để nói ! (Nàng quỳ xuống). Vâng, con sẽ hoàn toàn tin cậy

nơi Người. Giao phó sinh mạng cho người. Người hãy thương hại con, quay nhìn con một chút ! Hãy nghe con, đưa bàn tay cho con nắm. Hãy rủ lòng thương hại, hỡi Thượng Đế ! Xin hãy thương hại những kẻ yêu nhau giữa đời phải đành chia biệt.

Cửa mở và người đầy tớ già hiện ra.

XEN IV

Người đầy tớ già, giọng rõ rệt và rầu rĩ.

Cô gọi tôi ?

Maria, quay lại.

Ô ! tôi không biết ! Nhưng xin ông

giúp tôi, tôi cần có người giúp đỡ. Ông thương hại giúp, ông giúp đỡ tôi !

Người đầy tớ già, vẫn giọng cũ.

Không !

HẠ MÀN

Ác-tà và thiện-lương

Trong cuốn « *Ainsi va toute chair* » Samuel Butler tỏ ý không muốn có phân biệt quá đáng giữa ác tà và thiện-lương :

« Người đời thường có thói tách bạch dứt khoát giữa ác-tà với thiện-lương, làm như hai điều không cổ ăn nhập gì với nhau hết, thực ra không phải như vậy. Không có điều thiện-lương nào mà không vương vấn một chút ác-tà, và cũng không có mấy điều ác-tà — nếu chẳng phải là không có điều ác-tà nào — không có nhất điểm thiện-lương. Ác tà với thiện-lương cũng như sự sinh với sự tử, hay tinh-thần với vật-chất : là những điểm không thể có, nếu không có sự hiện diện của điều tương phản, đối nghịch lại ».

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Những linh hồn trẻ

SAO - TRÊN - RỪNG

huyền diệu quá những đời trắng mới lớn
dáng liễu mềm gót ngọc bước đường êm
mái buồn thu đem rủ nhạt bên thềm
đường khuya lạnh những hồn sương cảm ấm
là lượt bước xuân vạn mùa xuân thắm
con mắt thuyền đưa dịu nắng xanh mai
những lầu cao nghe thoáng động linh hài
đời sách vở thơm hồn lên vách trắng
ai rét lạnh giữa đêm trường thanh vắng
giọt dương cầm thánh thót chờ sâu đi
nghĩ gì đây sao mắt chớp nhanh mi
đời xanh lá tiếng chim vàng thoáng vọng
lâm tiên nữ những chiều thu biển mộng
thả sợi buồn lên cát mịn thành thơ
tuổi các em tuổi tình của nguồn mơ
trùng dương lạnh thế kỷ dài tắm tôi
các em đó mặt trời xuân sáng chói
thượng đế đành úp mặt trước sâu đau
còn các em trong ánh mắt nhiệm mầu
tơ trắng chiếu và muôn sao lấp lánh
các em tạm bước lên ngôi thần thánh
nghĩ gì đây những mắt thăm ngàn khơi
còn trắng sao thì ý nghĩ xa xôi
đời xanh lá khi linh hồn đang trẻ

S. T. R.

(những bài tình đầu)

Chiều chúa nhật

QUÁCH - GIAO

Mây hoàng-hôn bẽn lẽn
Chiều cuối thu mênh mông...

Hồn trôi về tuổi đại
Buổi chiều hoa và trái
Trôi mền mắt thơ ngây
Lời hát đượm mê say
Nao nao hồn trong sách
Buổi chiều xa vở sách
Đi thả nhạc bên đời
Ngắm cánh én chơi vơi
Đưa vông trời xanh thắm

Tiếng cu gù đồng vọng
Ráng đỏ rụng xa xôi
Mây trắng lững lờ trôi
Cánh cò vương chầm chậm...

Trang sách học ướt đầm
Chiều chúa nhật mưa thu...

Q. G.

BA NGÀY SAU LỄ GIÁNG SINH

William Saroyan
NGUYỄN dịch

THẰNG bé Donald Efaw mới sáu tuổi đầu cộng ba tháng lễ, đứng ở góc đường 37 và Đệ Tam đại-lộ. Cách đó chừng một tiếng, Harry, ông bố cái kính của nó, dặn nó đứng chờ ở đó một phút để ông ta vào hiệu mua vài thứ cho con Alice đang ốm liệt giường, ho và khóc cả ngày. Con Alice mới lên ba và nó làm cho cả nhà phải thức trắng đêm. Harry, ông bố cái-kính của Donald không chịu được, chửi tươi lên Má nó. Tên Má nó là Mabelle. « Hồi còn con gái tên tôi là Mabelle Louisa Atkins Fernandez », đã có lần thằng bé nghe thấy mẹ nó nói thế với người tới sửa cửa sổ nhà bếp. « Nhà tôi có mang chút máu da-đỏ về đảng họ ngoại, còn tôi thì lại lai da-đỏ về đảng họ nội. Họ Fernandez nghe có vẻ Tây-Ban-Nha hay Mễ Tây Cơ hơn là Da Đỏ, nhưng ông cụ thân-sinh ra tôi cũng vẫn là lai da-đỏ. Ấy vậy mà chúng tôi không sống cùng

với họ như mọi người có máu da-đỏ khác đâu ông ạ. Chúng tôi toàn sống ở thành thị ».

Thằng bé mặc quần yếm và một cái áo ca-rô bố nó mặc đã chật. Kể ra giá cái áo mà không đến nỗi lụng thụng quá như thế thì có thể dùng làm áo mặc ngoài cho nó được. Tay áo có cắt đi cho vừa với thằng bé thật, nhưng chỉ có thế. Túi áo nằm quá tầm tay, thành thử thằng bé cứ phải xoa tay vào nhau cho ấm. Đã mười một giờ trưa rồi.

Bố Donald đã vào hiệu rồi, chắc là chỉ một chốc một nhát nữa là bố nó ra và cả hai bố con sẽ đi về nhà rồi Má sẽ cho con Alice uống chút ít sữa và thuốc, rồi con bé sẽ hết ho, thôi khóc và Ba Má nó hết cãi lộn.

Chỗ đó là nhà hàng Haggerty's. Nhà hàng có một cửa vào ở góc biên này và một cửa nữa ở góc đường bên. Harry



Efaw đã dùng
ngõ ra ở Đường
37 năm phút sau
khi vào nhà hàng.
Chẳng phải là hần
quên thằng bé ở
ngoài đường, hần
chỉ muốn rút khỏi
thằng bé trong
chốc lát cho được
rảnh cái thân, hần
muốn rút bỏ cả
lũ đi cho rảnh.
Hần chỉ nhận một
ly whisky nhỏ khá
bộn tiền và chỉ có
thể thôi. Giá là
25 cents, một ly
rượu Whisky nhỏ
như thế kể thật
là quá đắt. Hần
tợp một hơi cạn

chén rồi bấp tắp ra đi, tính vài phút nữa sẽ
quay lại đón thằng bé và mua thực phẩm
thuốc men rồi về nhà lo chữa chạy
bệnh tình cho con bé, nhưng chẳng hiểu
vì lẽ gì hần đi luôn một mạch.

Cuối cùng Donald bước vào nhà
hàng và thấy chẳng có vẻ gì giống như
những cửa hiệu nó đã thấy. Người đàn
ông mặc áo trắng nhìn nó và bảo « Mày
không được vào đây. Về nhà đi ».

« Bố cháu đâu ? »

« Có bố thằng bé này ở trong tiệm
không đấy ? » người đàn ông gọi vọng
vào, và mọi người ở trong tiệm, bấy
người đàn ông, quay đầu lại nhìn thằng
bé Donald. Họ chỉ nhìn thoáng rồi lại
quay lại nhậu nhẹt, trò chuyện.

« Bố mày không có ở đây đâu »
người đàn ông bảo vậy, « bố mày tên
là gì vậy. »

« Harry », Donald đáp. « Harry Efaw ».

« Tao không biết một ai tên là Harry
Efan cả. Thôi, về nhà đi ».

« Bố cháu bảo cháu đợi ở bên ngoài
một phút ».

« Phải, tao biết rồi. Thiếu gì người
vào đây nhậu một ly rồi lại đi. Tao
chắc bố mày cũng thế. Nếu bố mày
bảo mày đợi ở bên ngoài, thì mày
phải vâng lời. Mày không thể ở lại
trong này được ».

« Bên ngoài lạnh lắm ».

« Tao biết là bên ngoài lạnh rồi »,
người bán rượu nói. « Nhưng mày
không thể ở lại trong này được. Đợi
ở ngoài kia như bố mày đã dặn, không
có thì về nhà ».

« Làm sao mà về », thằng bé nói.

« Mày có biết địa-chỉ không ? »

Thằng bé ngẩn người không hiểu câu
hỏi, thành thử người bán rượu cố xoay
ra hỏi theo một lối khác.

« Mày có biết số nhà và tên đường
không ? »

« Không. Chúng tôi đi bộ. Chúng tôi
đi mua thuốc cho Alice »

« Phải, tao biết rồi, người bán rượu
nói một cách kiên nhẫn.

« Tao cũng còn biết là ở bên ngoài
lạnh nữa, nhưng dù thế nào đi nữa, mày
cũng nên bước ra khỏi đây đi. Tao không
có thể để con nít vào đây được ».

BA NGÀY SAU LỄ GIÁNG SINH

Một cụ già ồm ồm tuổi trạc lục tuần say bi-tỉ bước ra khỏi bàn, tiến đến phía người bán rượu.

« Tôi rất sung sướng được dẫn thằng bé này về nhà, nếu nó biết đường ».

« Ngồi xuống đi », người bán rượu nói.
« Thằng bé không biết đường đâu ».

« Biết đâu đấy », ông cụ nói: « Tôi cũng có một lũ cháu chứ có phải không đâu, mà đường xá nào có lạ gì với một thằng bé cơ chứ. Tôi rất sẵn lòng đưa nó về nhà cho mẹ nó ».

« Tôi biết rồi », người bán rượu nói:
« Nhưng ngồi xuống đi đã ».

« Để ông đưa cháu về nhà cháu nhá », ông cụ nói:

« Ngồi xuống » người bán rượu nói gần như hét, làm ông cụ quay lại sững sờ.

« Thế anh định cho tôi là cái hạng người nào, nào? » ông cụ nói dịu dàng. « Thằng bé vừa sợ, vừa rét và cần mẹ nó ».

« Cụ có làm ơn ngồi xuống không nào? » người bán rượu nói: « Tôi biết rõ mọi chuyện về thằng bé. Mà cụ thì cũng chẳng phải là người có thể đưa nó về nhà với mẹ nó ».

« Phải có người đưa nó về nhà với mẹ nó », ông cụ nói nhỏ nhẹ rồi phát ợ lên. Ông ta mặc cái thứ quần áo cũ kỹ và rúm ró mà người bán rượu biết ngay là do viện tế-bần cấp phát. Ông ta có lẽ còn có chừng ba bốn chục cents nữa để nhậu la-de, chắc đó là tiền ông ta ngửa tay xin được.

« Hôm nay là ngày thứ ba sau lễ Giáng Sinh », ông già lại nói, « Nào đã xa xôi

gi ngày lễ Giáng Sinh mà chúng ta cam lòng làm ngơ không dẫn một thằng nhỏ về nhà ».

« Có gì thể hả? một khách nhậu khác từ chỗ ngồi hồi vọng lại.

« Có gì đâu », người rượu đáp. « Bỏ thằng bé này bảo nó đợi ở bên ngoài thôi m ». Người bán rượu quay lại với thằng Donald Efaw. « Nếu mày không biết lối về nhà, thì chỉ việc ra đợi ở ngoài kia như bỏ mày dận, lát nữa bỏ mày quay lại sẽ đưa mày về nhà. Nào đi đi, ra khỏi đây ».

Thằng bé bỏ đi và lại ra đứng đợi ở chỗ mà nó đã đứng hơn một tiếng đồng hồ. Ông già đi theo thằng nhỏ. Người bán rượu băng qua gian phòng túm được vai ông già ở chỗ cửa lửng xoay người ông ta lại và điệu ông ta về chỗ ngồi.

« Ngồi xuống đây đi cụ », hắn nói ngọt
« Lo lắng cho thằng bé đâu phải chuyện của cụ. Cụ nên lo cho cụ. Tôi không để chuyện gì xảy ra cho nó đâu mà sợ »

« Thế anh định cho tôi là cái hạng người nào chứ? » ông già lại nói.

Bác hàng rượu người Ái-Nhĩ-Lan lùn thấp, nặng nề, tuổi sắp xỉ ngũ tuần, ra đứng ở chỗ cửa lửng nhìn ngược nhìn xuôi, quay vào nói. « Vừa rồi cụ đã soi gương xem cụ ra thế nào chưa? Cụ mà có nắm tay thằng bé dắt đi được đến cái góc đường đằng kia thì tôi cứ chớ kể.

« Sao lại không nào? » ông già hỏi vặn.

« Vì cụ trông chẳng ra vẻ cha mà cũng chẳng có lẽ ông hay bạn bè hay một thứ gì tạo rợ của thằng bé hết ».

« Tôi cũng có con có cháu mà », ông già nói yếu ớt.

« Tôi biết rồi », người bán rượu nói. « Nhưng cũng cứ ngồi yên đã nào. Có người được quyền thương mền trẻ, có người không, thế thôi ».

Hắn mang một chai la-de đến bàn ông già và đặt nó bên chiếc ly đã cạn.

« Tôi đãi cụ chai này », hắn nói. « Đôi lúc tôi cũng được phép tử tế với những người già cả như cụ, và cụ cũng được quyền tử tế với những người bán rượu như tôi một đôi khi, nhưng cụ không được quyền tử-tế với một thằng bé mà bố nó chắc là chỉ đang quinquin ở đâu đây. Cụ hãy ngồi cho yên mà uống la-de đi ».

« Tôi không thèm cái thứ la-de bẩn thỉu của anh » ông già nói. « Anh không thể giam-hãm tôi trong cái quán rượu bẩn thỉu của anh được ».

« Cứ ngồi yên đấy đã, chờ cho tới khi bố thằng bé trở lại dắt nó về nhà thì cụ có muốn đi cũng chẳng có ai giữ ».

« Tôi muốn đi ngay bây giờ », ông cụ nói. « Có đến ông giờ cũng không

bất tôi phải nghe chửi được. Nếu tôi cho anh biết qua loa tôi là cái thằng nào thôi, tôi chắc là anh đã chẳng dám ăn nói như thế với tôi ».

« Được rồi », người bán rượu nói. Hắn muốn tránh chuyện bé xé ra to, hắn không muốn cãi lộn, và hắn cảm thấy có thể phỉnh làm ông già khoái chí quên cả cái ý-nguyên muốn giúp đỡ thằng bé. « Cụ mà cho tôi biết qua cụ là người thế nào thì chắc là tôi đã chẳng dám ăn nói như thế với cụ ».

« Tôi dám nói chắc là anh không dám thế », ông già nói.

Người bán rượu hỏi dạ khi thấy ông cụ rót la-de vào ly. Hắn lặng nhìn ông già uống hết một phần ba ly, rồi ông già nói, « Lão là Algayler, đấy thấy chưa ».

Ông ta lại uống chút la-de nữa và người bán rượu chờ ông ta nói tiếp. Hắn hiện đứng ở cuối quầy rượu, nên có thể dễ mắt trông đến thằng bé ở ngoài đường. Thằng bé đang xoa tay, nhưng chẳng sao. Nó là một thằng bé đã dày dạn đủ điều bởi thời buổi khó

Binh-sĩ và Quân-Vương

Thomas Moore, trong tập *Rimes faites sur les grandes routes*, có ý kiến sau đây về quan hệ « nghiệp-dĩ » giữa đám binh sĩ và các bậc quân vương :

« Binh sĩ vốn là những tay bảo vệ các bậc quân vương đắc lực nhất, song vô phúc cho vị quân vương nào quá tin tưởng vào bạn thân hữu xích-y ấy. Bởi vì cơ thể ngày kia họ đỡ chúng suy luận và khi các ông đại-tá suy luận thì ta thừa biết họ đi tới chỗ nào rồi : kẻ suy luận, dù bạn hồng-y, xích-y hay lam-y đi nữa, đều ở trên con đường dốc của sự phản loạn (ít là chín phần mười) ».

khăn, đứng đường đợi bố nó thế này chẳng phải khổ sở gì lắm đối với nó.

« Algayler », ông già lại nói, và tiếp tục nói nhỏ nhẹ. Người bán rượu không còn nghe rõ ông ta nói gì, nhưng không hề gì vì hẳn biết rằng từ đây ông cụ không còn đọc chừng nữa. Ông ta đã trở lại với cái con người của ông ta trong hoàn cảnh cũ.

Một bà độ chừng một tuần nay thường đến quán rượu vào khoảng giữa trưa, đặt chó bước vào và lên tiếng « Có một thằng bé đứng ngoài trời lạnh ngay phía trước. Con ai đấy hả ? »

Người đàn bà nhìn quanh đám khách, hàm răng giả đánh vào nhau lập cập, con chó quẩn quanh chân chủ, làm quen hơi ấm của căn phòng. « Nó không sao đâu », người bán rượu nói. « Bố nó đi mua bán lật vạt. Hẳn ta sẽ trở lại ngay bây giờ đấy mà ».

« À, hẳn ta cũng nên trở lại ngay », người đàn bà nói. « Tôi không chịu nổi cái chuyện bố bỏ con đứng đường đứng chợ như thế ». « Algayler », ông già quay lại nói thật lớn.

« Nói gì với ta thế, hồ lão bợm nhậu kia ? » người đàn bà nói. Con chó xỏ về phía ông già, kéo căng dây xích, sủa một chập. « Nào có gì đâu », người bán rượu nói một cách lễ-phép. « Cụ ấy chỉ xưng tên đấy thôi ạ ».

« Ờ, may cho ông ấy là không có nói gì khác », người đàn bà nói, hàm răng giả lại đánh lập cập.

Con chó đã hơi dụi xuống một chút, nhưng vẫn phải chạy quanh vì sự ấm

áp của căn phòng. Nó mặc cái áo mà bà chủ nó thường cột vào thân nó những buổi lạnh trời, nhưng cái áo ấy chẳng giúp gì cho chân nó cả, mà lại chính chân nó mới là nơi cảm thấy lạnh nhiều nhất.

Người bán rượu rót la-de vào ly cho người đàn bà và bà ta đứng uống bên quầy rượu. Cuối cùng, bà ta ngồi lên cái ghế cao cho thoải-mái, và con chó thôi chạy nhảy, lơ lảo nhìn quanh.

Người bán rượu đem cho Algayler một chai la-de không tiền nữa và chẳng cần nói một lời, chẳng cần liếc đến một cái, họ đều đồng-ý rằng họ có thể thỏa thuận trên căn-bản ấy.

Một người đàn ông tuổi trạc ba mươi lăm, mặt điểm một bộ ria sữa kỹ trông có vẻ quen quen, từ ngã đường 37 bước vào kêu một ly bourbon, sau khi đã rót rượu, người bán rượu nói rất nhỏ với khách để không ai nghe lọt « Chứ có phải cháu nhỏ đứng ở ngoài kia không ạ ? ».

Người đàn ông đã nâng chiếc ly nhỏ lên môi, nhìn vào ly rượu, nhưng nghe câu hỏi, ông ta rời mắt khỏi ly rượu và người bán rượu, tộp nhanh hụm rượu rồi chẳng nói chẳng rằng bước ra mặt cửa tiền nhìn thằng bé. Cuối cùng ông ta quay trở lại với người bán rượu và lắc đầu. Ông ta kêu một ly nữa, uống rồi trở ra, bước ngang qua đứa bé, không mấy may chú ý đến nó.

Sau khi đã nhậu hết chai la-de không tiền thứ hai, Algayler bắt đầu ngủ gà ngủ gật trên ghế, và người đàn bà chủ con chó khoang bắt đầu kể đôi điều liên hệ đến con chó của bà ta cho người bán rượu nghe.

« Tôi nuôi con chó Tippy từ hồi tằm bé đến giờ », bà ta nói, « lúc nào chúng tôi cũng ở bên nhau. Từng giờ từng phút ».

Một gã chưa tới ba mươi áo quần khá bảnh bao bước vào tiệm khoảng mười hai giờ mười lăm, kêu một ly Johnny Walker Black Label lạnh pha nước, nhưng lại đổi gấp lại thứ Red Label, sau khi nhận xong hắn hỏi: « Máy vô tuyến truyền hình đâu? ».

« Chúng tôi không có ạ »

« Không có máy vô tuyến truyền hình? » người đàn ông nói giọng vui vẻ. « Thế thì đây là cái thứ tiệm rượu gì cơ chứ? Thật tôi chưa thấy tiệm rượu nào ở Nữ-ước mà lại không có vô tuyến truyền hình. Thế thì ở đây thiên hạ xem cái gì nào? »

« Chúng tôi chỉ có mỗi cái máy hát thôi ạ »

« Thôi cũng được », người đàn ông nói: « Nếu nhà bác chỉ có thể thôi thì cũng chẳng thể đòi hơn được. Bác thích nghe đĩa nào nhỉ? »

« Tùy ông »

Người đàn ông xem kỹ tên những đĩa hát ở trong máy rồi nói:

« Jingle Bells do Benny Goodman chơi nhá? »

« Xin ông cứ tùy tiện », người bán rượu nói.

« O.K. », người đàn ông nói, tay bỏ một đồng bạc cắc vào khe « Thì Jingle Bells ».

Người đàn ông ngồi xuống bên quầy thì máy bắt đầu chạy và người bán rượu lại pha cho gã ta một ly Red Label lạnh nữa.

Nhạc bắt đầu trỗi lên, sau khi nghe một lát người đàn ông nói: « Đâu có phải Jingle Bells, đĩa gì ấy chứ ».

« Ông nhầm nhầm nút rồi ».

« Thôi », người đàn ông nói vui vẻ « không sao. Không sao hết. Nó cũng chẳng đến nỗi dở ».

Thằng bé lại vào nhưng máy hát mở quá ồn khiến người bán rượu không làm sao bảo nó ra được trừ phi hét lớn tiếng, thành thử hắn ta phải tới dắt nó ra ngoài đường.

« Bố tôi đâu? » thằng Donald Esaw hỏi.

« Bố mày về ngay bây giờ đấy. Cứ đứng đợi ở ngoài này ».

Thằng bé cứ đứng đợi như thế cho đến hai giờ rưỡi thì tuyết bắt đầu rơi. Người bán rượu chọn lúc thuận-tiện ra ngoài đường lôi thằng bé vào. Hắn ta xuống bếp lục thức ăn cho thằng bé. Nó ngồi trên một cái hộp khuất sau quầy rượu, thức ăn để trên mặt một cái hộp khác.

Sau khi ăn, thằng bé díp cả mắt lại, người bán rượu dọn một chỗ để ngả vài vỏ thùng la-de, lấy chiếc áo mặc ngoài lột làm chiếu và lấy ba cái yếm lá-đáp trong túi đựng đồ đem giặt ra và cái áo mặc đi dạo đắp cho đứa bé. Từ lúc đem đứa bé vào hai người chưa nói với nhau một câu nào, bây giờ nằm thiu thiu ngủ, nét mặt thằng bé như trộn lẫn khóc, cười.

Những khách nhậu sáng đã về, kể cả Algayler và người đàn bà răng giả có

con chó khoang, và sự buồn bán lại một lần nữa đổi thay trong khi thằng bé ngủ.

Hồi năm giờ mười lăm thì thằng bé ngồi dậy. Một lát sau nó nhận ra người bán rượu, nhưng nó cũng vẫn chẳng nói năng gì cả. Nó ngồi thu lu như thể nó đang ở trên giường nhà nó, và rồi sau khi mở mắt thần thờ chừng mười phút, nó bước xuống.

Bảy giờ bên ngoài trời đã tối rồi và tuyết đổ như trong các cơn giông bão. Thằng bé ngấm tuyết một hồi rồi quay lại, ngửng nhìn người bán rượu.

« Bỏ tôi có về không bác ? » nó hỏi.

« Không, không thấy bỏ mày về. Chắc ông ta không nhớ đã bỏ mày ở đâu ».

« Bỏ tôi bỏ tôi ở ngay đây mà » thằng bé nói chắc nịch như thể đó là chuyện không có lý gì quên được. « Ngay ở phía trước này ».

« Tao biết ».

Người coi hàng buổi tối mặc áo trắng từ trong bếp bước ra, nhận thấy thằng bé.

« Đứa nào thế, John ? Con của bác đây hả ? »

« Ừ » người bán rượu trả lời như vậy vì không muốn kể lể cho người kia biết chuyện gì đã xảy ra.

« Nó đào cái áo này ở đâu ra thế ? ».

Thằng bé rúm người lại, nhìn xuống sàn.

« Áo cũ của tôi đây », người bán rượu nói. « Dĩ nhiên là nó có áo riêng

của nó, nhưng nó lại thích mặc cái áo này cơ ».

Thằng bé vụt ngẩng lên nhìn người bán rượu, kinh ngạc.

« Ấy, trẻ con bao giờ cũng vậy bác John ạ », người bán hàng đêm nói. « Bao giờ cũng muốn làm ra dáng người lớn ».

« Đúng vậy ».

Hắn ta cởi chiếc áo trắng mặc chiếc áo đi dạo và khoác áo ngoài vào, và nắm lấy tay đứa bé.

« Chào bác », hắn ta nói, người bán hàng đêm trả lời và nhìn hắn dắt đứa trẻ bước ra đường.

Hai người đi trong yên-lặng qua suốt ba khu phố rồi bước vào một tiệm drug store và đến ngoài bên quầy

« Xúc-cù-là hay va-ni ? »

« Cháu không biết ».

« Một xúc-cù-là, một va-ni lạnh kem sô-đa ».

Khi đồ uống đã đặt trên quầy người bán rượu cúi húi quầy món va-ni. Thằng bé ăn cốc kia, rồi cả hai lại bước ra dưới trời mưa tuyết.

« Bây giờ em thử nhớ lại xem em ở đường nào. Liệu em có nhớ ra không ? ».

« Cháu không biết là đường nào ».

Người bán rượu đứng trong mưa tuyết, cố nghĩ xem phải làm sao, nhưng khó khăn quá, không đi đến đâu cả :

« Thôi được », cuối cùng hắn nói », đêm nay em đến nhà ta ngủ với lũ nhỏ

BA NGÀY SAU LỄ GIÁNG SINH

vậy nhé ? Ta có hai trai, một gái nhỏ. Chúng ta sẽ thu xếp chỗ ngủ cho em, ngày mai ba em sẽ lại đón em về ».

« Có chắc bố cháu lại không ? »

« Nhất định là có chứ ».

Họ đi trong màn mưa tuyết im lìm rồi người bán rượu nghe thấy thằng bé khóc rấm rứt. Hấn không muốn dỗ thằng bé vì hấn biết chẳng có gì an ủi được nó. Mặc dầu vậy thằng bé cố chế ngự, nó chỉ khóc aho nhỏ, chân vẫn bước theo người bạn. Nó đã nghe nói về những người lạ, nó đã nghe nói về những kẻ thù, và nó đâm ra tin tưởng rằng hai loại người đó đều là một, nhưng đây là một người nó chưa hề gặp bao giờ mà lại không phải là người lạ mà cũng chẳng phải là kẻ thù. Cũng như nó cảm thấy

cô đơn ghê gớm vì vắng bóng người cha cầu kính.

Hai người bắt đầu bước lên những bậc phủ đầy tuyết và người bạn của thằng bé nói « Đây là chỗ ở của chúng ta. Chúng mình sẽ ăn chút đồ ăn nóng rồi em có thể lên giường ngủ cho đến ngày mai bố em lại đón em.

« Bao giờ thì bố cháu lại ? » thằng bé hỏi ?

« Sáng » bạn nó đáp.

Khi họ bước vào ánh sáng của căn nhà, người bán rượu thấy thằng bé không còn khóc và có lẽ mãi mãi không còn khóc nữa.

Theo « *The Third Day After Christmas* » của Wililam Saroyan

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

Cách biệt

TƯỜNG - LINH

Mai này tôi sang bên kia sông
Vào mãi phương Nam dậy nắng hồng
Vầng trăng rồi sẽ buồn đôi ngả
Chưa biệt-ly mà vương nhớ-nhung

Tháng sáu mưa ôm thành phố nhỏ
Mùa thương sang với rét kinh-kỳ
Tiễn đưa, sông nước đôi bờ lạnh
Ai nữ mời nhau chén biệt-ly !

Em ngừng tay cho đàn thôi rung
Có phải chẵn một điệu cuối cùng
Mai này tôi sang sông là hết
Bóng nhạt sâu mây núi chập chùng

Hoàng-hôn viễn xứ nhiều sương khói
Đầy dạ thời-gian xếp cõi sầu
Núi tim ngăn đôi trời nguyện ước
Đường xa khó nổi mộng mai sau

Tôi sẽ tìm em đêm tịch-liêu
Với sao hôm mọc lúc qua chiều
Hương sao quen gợi buồn dư ảnh
Mà thuở nào xưa tôi trót yêu.

T. L.

BÁCH KHOA CXX

Màn kịch cuối năm

Vân-Trang



Cơ thể sinh vật là cả một cấu tạo kỳ diệu. Ở giống cái, sự kỳ diệu ấy gần như tăng lên đến mức thiêng liêng. Riêng về người đàn bà, bộ máy sanh sản mà tạo hóa đã đặc biệt gài theo cơ thể họ, có thể ví như sự biểu hiện của một phép mầu, quyết định được cả kiếp người của họ. Lại bị chi phối bởi những tập tục, ước lệ của xã-hội, mà cái ranh giới giữa cuộc đời thiếu nữ sang cuộc đời thiếu phụ đối với mỗi người phụ nữ như là một ranh giới của định mạng. Một đứa hài nhi ra đời có thể mang đến cho mẹ nó sự sung sướng, hãnh diện

tuyệt vời, hoặc là tủi hận, nhục nhã vô biên. Nó có thể nâng địa vị con người cư mang nó từ nơi tăm tối vô danh lên đến chỗ huy hoàng, hay ngược lại.

Trừ trường hợp đặc biệt của một số các bà mẹ bất đắc dĩ và những ác phụ, nói chung người đàn bà nào cũng đều có hưởng được hạnh phúc trong bốn phận làm mẹ của mình, trong mỗi tình mẫu tử do mình tạo ra. Đồng thời với sự hy sinh lo lắng từ móng chân sợi tóc cho con, người mẹ đã được biết thế nào là sung sướng êm đềm, thắm

thía của một lòng yêu bao la, không vụ lợi. Trong tình thân, lòng yêu ấy là một nguồn ban phát và thụ hưởng không ranh giới, một sự trao đổi thiêng liêng, mẫu nhiệm nhất trong các thứ tình của giống người.

Mụ ăn mày cầm ở công viên này cũng vậy. Trong lãnh vực của tình mẫu tử không phải tính toán đến những điều kiện đẹp xấu, sang hèn, mụ cũng được sung sướng y như bất cứ một bà mẹ nào khác.

Không ai rõ, cũng không ai cần tìm hiểu trong trường hợp nào và vị anh hùng nào trong đám ăn mày của vùng Bà-Chiếu này đã đánh thức được tiếng lòng của mụ, chỉ biết có một dạo, các bà thường đi chợ qua con đường đất nhỏ xẽ tắt ngang công viên, để ý thấy khúc giữa người của mụ càng ngày càng phình lên. Rồi mụ vắng đi một dạo không ai nhớ tới nữa, ngày kia người ta lại thấy mụ xuất hiện ở chỗ cũ, thêm một đứa bé trai trong lòng. Mụ kiếm đâu được một cái mo cau, vánh tròn hai đầu và đặt thằng bé vào gọn lỏn như được nằm trong nôi. Ngày ngày, mụ đặt nguyên cả con lẫn nôi lên hai vế giữa đôi chân xếp bằng tròn, để cho tay được thông thả. Mỗi khi có người đi qua, mụ chấp lại xá lia lia mấy cái, rồi đưa tay lên, há cái miệng rưng hết cả răng cửa, ú-ớ xin.

Từ khi có thằng bé, hình như mụ kiếm được khá hơn. Trước kia, vì quá quen mặt với các bà, mụ chỉ hưởng được của khách lạ. Thỉnh thoảng mụ cũng phát tài nho nhỏ nhờ một cặp trai gái nào đó trốn nhà ra công viên cặp tay nhau thò-

thẩn thì-thăm tình tự dưới bóng mấy cây sao Mụ coi thế mà già tâm lý. Gặp những trường hợp tương tự, thế nào mụ cũng theo lối đi, miệng ú-ớ xin dai dẳng. Nếu không muốn bị phá đám hay muốn hành diện với người yêu, tức nhiên một trong hai người phải móc bóp.

Bây giờ bị thằng bé nằm trên vế, mụ không theo các cặp tình nhân được nhưng đã có số khách khác thế vào. Ấy là các bà nội trợ hàng ngày đi chợ ngang công viên. Trước kia các bà phớt với mụ, nhưng từ khi có thằng bé, tình thế xoay có lợi cho mụ hơn. Các bà tuy dễ chán chê ra mỗi khi nổi quạu vẫn gọi con mình là «lũ quỉ», thế mà lại hay thương trẻ ! Thằng bé nằm trong cái mo cau trên lòng mụ đã hấp dẫn một số không nhỏ, những hào bạc chì từ trong chiếc khăn tay của các bà chạy sang qua túi áo trong của mẹ nó.

Mụ kiên nhẫn gắp gió, thế là mẹ con sống dễ chịu. Nước da tái mét, bụng beo vốn dĩ của tất cả các sản phụ nghèo đã dần dần biến đi ở mụ. Thằng bé cũng tuần tự lớn, kháu khỉnh, tròn trịa, không thua con nhà có ăn nhưng chỉ phải mặt mũi nó thì xấu xí y như mẹ nó.

Nhưng trẻ con, còn có bao nhiêu cái khác nữa để gọi tình thương. Thằng bé khỏe mạnh, đầy năm đã đi chập chững, mấy tháng sau, là chạy lăm-rầm khắp công viên. Mông nó núng na núng nính những thịt, tay ngắn ngủn, khi chạy lúc-lắc hai bên cạnh sườn như hai khúc dồi to.

Cả ngày nó chơi quanh mẹ nó. Chơi chán, nó lại đến tắm, vọc ở một vòi nước công cộng gần đó. Ít khi thấy

nó mặc quần áo. Thỉnh thoảng, vào những ngày trời lạnh gắt, mẹ mặc cho nó chiếc áo túi cụt tay của mẹ. Chiếc áo cũ mốc, và chũm năm bảy lớp, dài phủ cả chân thằng nhỏ, ấm như một cái áo mền.

Coi thế mà mẹ hạnh phúc hơn chán vạn bà mẹ có nhan sắc, giàu có khác. Mẹ không bận tính toán việc nội trợ, không phải chịu chuồng chổng, khời khốc lóc, gheo-tuồng. Công việc của mẹ chỉ là chấp tay xá-xá và xóc tay lạch tiền. Khi nào thấy vắng khách mẹ lại giỡn với con. Hai mẹ con rượt nhau, cút kiểm quanh mấy cái băng, mấy gốc cây cưỡi như nấc nể bắt được thằng bé, cù nó lăn vùi dưới đất như con heo con lăn mớ.

Nhưng con vui như vậy cũng hại cho việc làm ăn của mẹ. Có khi mẹ đang giỡn với con cười toe toét cái miệng không răng, chợt thấy có khách đi tới. Mẹ vội vàng lấy lại vẻ mặt đau khổ chạy tới chìa tay, nói ừ ừ. Nhưng khách tức cười mà thấy niềm vui vẫn còn trong đôi mắt mẹ và nụ cười chưa tắt hẳn giữa vành môi méo mó. Mẹ bẽn lẽn rút tay và đứng im lặng nhìn khách đi qua, mặt mẹ đầy vẻ băng khuâng, tiếc rẻ. Nhưng khách chưa khuất bóng thì thằng bé đã từ sau gốc cây ừ ra áp tới ôm chân mẹ. Cái buồn liền tiêu tan. Hai mẹ con lại giỡn. Tiếng cười lại vang lên.

Hình như mẹ cũng cảm thấy với mớ tài ba của mình, mẹ khó thành công nổi một lúc trong hai vai trò mà tâm lý đối chọi nhau. Một người mẹ yêu con, vui với con, muốn được tận hưởng tình mẫu tử và một người hành khất lúc

nào cũng phải có vẻ đau thương, bi thiết để gọi lòng bác ái của khách qua đường.

Càng ngày thằng bé càng lớn, càng mạnh khỏe, càng giỡn tợn, mẹ cảm lại càng khó kiếm ăn. Có khi mẹ đang chìa tay run rẩy, khách đã cho tay vào túi lục kiểm, bỗng thằng bé từ sau gốc cây chạy ừ tới, chắt mạnh vào nhượng chân mẹ, làm mẹ sụm xuống. Mẹ phì cười, thế là khách đi luôn, mẹ con hực ăn ! Người ta không thích bỏ thí cho những kẻ vui vẻ, vì theo họ, cái vui vẻ chính là hạnh phúc, mà có hạnh phúc tất là đã có tất cả.

Sau khi thấy bị hiểu lầm như thế, mẹ có quay lại rượt đánh con, song mấy phát vào mông và vài tràng tiếng ú ớ trong đờc giọng chỉ làm cho thằng nhỏ thêm cười ngặt nghẽo. Trẻ con không hề sợ đòn đau, chúng chỉ sợ sự hung dữ của người đánh. Mẹ cũng biết vậy, nên đôi khi mẹ quặm mặt, trừng trợn, cổ sức ú ớ to, lấy tay xỉ mắng nó. Nhưng lúc ấy thì nó sợ, ngược nhìn mẹ, mếu máo khóc. Mẹ lại thương hại, vỗ về con. Có khi mẹ phải mất tô hủ tiểu để làm hòa với thằng bé.

Càng ngày vật giá càng lên, sự sống khó khăn, các bà không thể rộng rãi được như trước. Mẹ buồn-bã, bèn nghĩ cách di cư sang kiếm ăn bên Lăng-Ông. Ngày thường cũng không xin được là mấy, vì những « đồng nghiệp » cũ ở đây đẩy mẹ ra khỏi xã mấy cổng ngõ ra vào. Nhưng nhằm những ngày rằm ngươn, ngày mồng một, hoặc những ngày vía lớn thì mẹ dễ thở lắm.

Những ngày ấy khách thập phương nườm nượp vào xin xăm. Họ muốn biết

tương lai trong vài phút, hoặc dâng một lễ mọn để cò ke với Đức Ông bao nhiêu là điều kiện sung sướng ở thế gian.

Đôi khi họ lại van-vái nhờ Đức Ông tìm giùm con nợ trốn, hoặc giúp họ trả một mối thù. Rồi những khi ra vào cửa Lãng, họ muốn chứng-minh họ là người tốt, bèn nói rộng hồ bao với người hành khất.

Nhờ đó mà mấy tháng cuối của năm thằng bé đầy ba tuổi, hai mẹ con mù cảm sống no đủ. Mụ bèn rời hẳn công-viên, sang cư ngụ bên ngoài hàng rào Lãng kiếm sống lưu động trong khoảng đường Lãng-Ông đến chợ Bà-Chiếu.

*
* *

Nhưng vào độ từ nửa tháng chạp trở lên đến nay là hai mươi tám Tết thì mụ phải trụ hẳn tại gốc cây chuối tây trước cửa chính của Lãng. Chỗ ấy có bóng mát lại thường xin được tiền. Các đồng nghiệp què, thọt, cụt tay thêm lăm lăm nên mụ không hề dám rời chỗ trừ giờ đi mua cơm, cả bọn đều đi. Mua cơm xong, mụ vội vã dẫn con trở lại gốc cây.

Dọc theo hai bên cửa, bọn hành khất sắp thành hai hàng dài như hàng rào danh-dự thường thấy trong các cuộc tiếp rước. Khách ra vào Lãng nườm nượp. Mụ cảm mắt trước mắt sau vừa coi chừng khách vừa coi chừng con. Được cái, thằng bé sang đây có bạn nên không quẩn giốn với mụ để làm mụ bị « ọt-giơ » như trước.

Bạn của nó là một thằng bé trai lên năm tuổi, con của mụ đui cũng đang

ngồi trong đám hành khất đó. Thằng bé sau này chuyên dẫn mẹ lên xin trên các chuyến xe « buýt » và các ngõ đường. Nó lanh lẹ như một con rái dưới nước, một con khỉ trên cây. Những khi mẹ nó đau, nó dẫn thuê một lão đui khác đi xia, hàng ngày chia cũng được đủ tiền cơm cho mẹ con nó.

Kể ra, nó cũng được thông thả trong những ngày Xuân, không phải bận dầu mẹ bê Bett ở các ngõ hẻm.

Đang kia, hai bà mẹ đang « hành-nghề » kêu than nhăn nhó, thì nơi đây hai đứa trẻ đùa giỡn, say mê, bộc hết cả cái yêu đời, ngây thơ trong ánh mắt, tiếng cười.

Thằng con mụ đui, giả vờ rượt bắt thằng con mụ cảm. Làm nó quẩn quít chạy trốn vòng quanh mấy chiếc xe taxi đậu gần đấy. Nhưng rồi cũng bị thằng lớn tìm được, lôi ra, đột vào đầu gối mấy cái.

Qua mấy lần bị bắt như vậy, lần này thằng nhỏ tìm một chỗ trốn rất kín. Nó bò vào nằm sải tay chân dưới lườn một chiếc xe Peugeot taxi làm thằng kia tìm mãi không ra. Thấy đôi chân khẳng khiu đo qua đo lại quanh chiếc xe, thằng bé cười khế.

Một bà xầm từ trong cửa Lãng bước ra, lên xe. Anh tài xế vội vàng dúi điều thuốc, lên phía trước, rờ máy. Thằng bé nằm dưới lườn xe, thấy đôi chân thằng lớn dừng lại ngay phía trên đầu nó. Thì ra, dầu ham chơi thằng này vẫn không quên kiếm sống. Nó đang chìa tay vào cửa xe, xin. Thằng bé không

nín được, đưa tay cầu vào cườm chân bạn và cười ngất thẳng lớn giật mình ngồi khom xuống, nhìn vào chột thấy thét to lên. Nhưng tiếng chưa thoát khỏi môi nó thì chiếc xe vụt lướt tới.

*
* *

Chỉ còn một chiều nữa, tối này đã cấm tất cả các thứ xe lưu thông trên con đường tới Lăng ông, chỉ dành cho đi bộ.

Mụ cảm thất thiếu, bước thấp bước cao băng qua một đường trong ngã ba trước tòa Tỉnh Trưởng. Từ hôm con chết, mụ cứ đi như vậy. Lưng thưng từ lãng qua công viên, từ công viên qua lãng đêm ngày hàng bao nhiêu lượt, mụ không biết mỏi. Thỉnh thoảng đang đi mụ bỗng oà ra khóc, ú ớ hàng tràng dài. Rồi lại nín, hỉ mũi rải xuống đường, lau tay vào tà áo.

Mụ như sống trong mơ, hoặc không biết rằng mình đang sống. Mụ đã ra khỏi lẽ đường, rồi mà không hay, cứ bỏ chân bước, miệng nói ú ớ, mếu máo khóc.

Một chiếc xe Peugeot taxi từ phía cầu Bông chạy tới, thắng kêu rít sát người mụ, đầu xe như con thú muốn chồm lên chụp mồi.

Mụ khiếp đảm, đứng khựng lại nhìn cái đầu xe, rồi lại ngơ ngẩn nhìn những người hai bên đường đang hít hà, hú hồn giùm mụ.

Anh tài xế trên chiếc xe taxi ấy ló đầu ra cửa xe muốn nạt mụ một câu.

Nhưng anh thất kinh mà thấy bỗng nhiên mụ như nổi cơn điên, hung dữ

lạ thường. Mụ trợn dộc nhìn anh, bú một tiếng thét to rồi hùng hổ xấn tay áo, nhẩy tới đâm túi bụi vào cái đầu xe. Anh tài xế ngạc nhiên, ngồi ngu ên trên xe, trở mắt nhìn mụ. Không ai hiểu được gì cả.

Nhưng anh cảnh sát đã từ ề bên công viên vừa qua tới. Anh thì hiểu rõ chuyện của mụ. Anh bèn vỗ về, nắm tay mụ dắt qua đường. Thấy viên cảnh sát, mụ cảm như gặp được bà con sau bao năm nổi trôi nơi đất lạ, nắm lấy cánh tay anh, trở miệng vào mặt anh ú ớ hàng tràng dài những tiếng kỳ dị. Anh gật gật đầu ra dáng hiểu và nắm tay mụ, cố kéo khỏi đường lưu thông. Nhưng mụ giật phăng tay ra tỏ ý không bằng lòng, rồi lại gia sức đâm liên tiếp vào đầu xe, vừa đâm vừa khóc to như trẻ con bị đòn. Sau một thời, mụ nghỉ đánh, ú ớ với người cảnh sát mấy tiếng, rồi lại co hai tay vào, giả bộ chạy lúp-xúp như dáng trẻ con chơi. Rồi mụ lấy tay ra dẫu ngang vế, thêm lên ngang hông. Người cảnh sát gật đầu, hiểu đó là chiều cao của hai đứa trẻ, thẳng thấp ngang vế là con mụ và thẳng cao tới hông là con mụ đui.

Nhưng bốn phận của anh là phải cho đường được lưu thông, nhất là trong chiều ba mươi Tết như chiều nay. Bị chặn một phút, xe có thể nổi đuôi hàng trăm chiếc. Viên cảnh sát gật đầu lia lia với mụ ra dáng rất thông cảm, nhưng cố sức lôi mụ vào lẽ.

Mụ thì nhất định không chịu đi, bỉnh như cho rằng chưa bặc bạch hết nỗi lòng. Mụ ngồi bệt xuống đường, ghì chặt cái cẳng xe. Tuột được tay bị nắm, mụ đứng lên, tiếp tục không có tiếng nói. Mụ

MÀN KỊCH CUỐI NĂM

muốn diễn tả bằng những cử chỉ cho mọi người hiểu cái cảnh trạng mà vài ngày trước đây, mụ tưởng chính mụ là nạn nhân trực tiếp. Và thủ phạm là một chiếc xe vào loại chiếc xe này, cũng sơn hai màu vàng xanh.

Có mấy người trong số bu lại coi, bẽ chuyện, tới tiếp đỡ mụ. Nhưng bây giờ mụ không thêm « nói chuyện » với người nữa, mụ chỉ « tính sổ » với chiếc xe.

Mụ quay lại đâm đá bất kể vào cái đóng sắt vô tri đó, và bù lu bù loa khóc ú ớ những tiếng man rợ như tiếng thú rồi bỗng nhiên mọi người sững sờ thấy thấy mụ dừng tay và từ từ khụy xuống đường nhựa như cái nhà bị cửa cột.

Mọi người xáp lại, nhìn xuống. Nhưng mặt mụ đã tái như chàm và ngực mụ không thấy phập phồng mấy nữa. Nó nhẹ dần, nhẹ dần rồi im hẳn. Mụ đã chết. Không ai dám mó vào người mụ nữa xe dùn nghet phía sau.

Gần hai mươi phút sau, mới thấy xe Hồng-thập-tự tới đem mụ đi. Cuộc đời lại trôi chảy.

* *

Sau đó mấy ngày, các báo số tân niên đều đăng tin một mụ ăn mày đứt mạch máu ngà chết trước đầu xe hơi vì suýt bị xe ấy chặn phải.

Mọi người đều bảo rằng vì mụ khiếp hãi quá.

VĂN-TRANG

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

Chuyển điệu buồn đau

ĐOÀN · THÊM

Gió lảng về rung sáng
Ngày tơ giục động âm
Ngập đồng nghe nước réo
Ý tắt, mặc đàn cầm

Buồn chung lây tiếng đau thầm
Nẻo riêng vui lạnh, thơ ngậm nỗi người
Đợi khi trời dất xanh tươi
Sánh dây trao văng giọng cười nghênh xuân

Ra đi mùa đồ vỡ
Máu chảy cạn tình thân
Dốc mồi trơ hồn đá
Yêu, thương, tiếc rụng dần

Ngã ba lạc bóng dừng chân
Để ve an ủi đôi vầng du dương
Chút mơ tặng khách qua đường
Tạm quên gặng bước tìm phương hoa chờ.

Đ. T.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình?

V.— Những kinh-nghịem sống và sáng tác thích nhất.

XXI

★ TAM-LANG

Tên thật : **Vũ-Đình-Chí.**

Sinh ngày 26-3-1900 tại Hà-Nội.

Cộng tác với các báo : Trung-Bắc tân văn (1923), Thực nghiệp dân báo (1924-25), Hà-Thành ngộ báo (1927-1932), Nam-Phong tạp chí (1932-33), Đông-Tây tuần báo (1934), Tin mới (1941-1945), Dân-quốc (1945), Giang-sơn (1949-51), Tia sáng đặc san (1954), Tự do (bộ cũ, 1955), Công nhân (1955-56), Cách mạng quốc gia (1956-57), Tin tức (1958-60) Mã thượng (1959).

Sáng lập và chủ biên hai tờ tuần báo trào phúng « Vịt đẻ » (1939) và Con Ong (1940); chủ trương tuần báo nhi đồng « Cậu Ấm cô Chiêu » (1951).

CUỘC PHÒNG-VẤN VĂN-NGHỆ...

Sáng lập và giám đốc ban hát chèo cổ « Lạc-Việt » và hội trưởng hội Chấn hưng ca kịch cổ điển Việt-Nam. (Hà-Nội : 1951-53), chủ tịch Nghiệp đoàn và Phó chủ tịch Liên đoàn văn nghệ Lao công (Sài-Gòn 1955-56-57) ; chủ tịch Khóa I Hội đồng Kỉ luật Báo chí, phó chủ tịch Ủy ban trung ương chống chánh sách nô dịch Văn hóa.

Đã xuất bản : Tôi kéo xe (phóng sự, 1932), Đêm sông Hương (phóng sự) Lọng cụt cán (1939), Một đêm trước (xã hội tiểu thuyết, 1940), Người ngợm (1940).

Hiện tòng sự tại Tổng nha Thanh niên.

HỎI : Anh cho biết anh vào làng báo năm nào ? và anh chuyên loại văn nào ?

ĐÁP : Tôi vào làng báo khoảng năm 1922, làm phóng viên cho tờ « Thực nghiệp Dân báo » ra hằng ngày, do ông Nguyễn-Hữu-Thu, viên trưởng viện Bắc-Kỳ Dân-biểu, và là một nhà doanh nghiệp lớn, làm chủ-nhiệm. Đồng thời tôi giữ cả việc dịch những tin về kinh tế đăng trong các báo Pháp.

Làm phóng-viên đây tôi không phải đi săn tin ở sở Cẩm, hay nhặt tin vặt ngoài đường, mà chỉ chuyên những điều « mắt thấy, tai nghe », nhưng là những cái mắt thấy tai nghe... chương tai, gai mắt xảy ra ngoài đường phố, bằng một giọng văn châm-biểu.

Tôi viết đủ loại văn, nhưng sở trường về hai loại : phóng-sự và châm-biểu.

HỎI : Tại sao anh lại chuyên về phóng sự ? Phóng-sự khác điều tra và phỏng-vấn ra sao ?

ĐÁP : Do sự tôi làm phóng-viên như vừa nói mà nảy ra ý-tưởng viết những thiên phóng-sự xã-hội. Những điều « mắt thấy, tai nghe » là những cảnh sống

muôn mặt của xã-hội, những cảnh-sống vô cùng linh-động và đủ màu-sắc.

Có thể nói, những thiên phóng-sự của tôi đã mở đường cho một mục mới trong văn-chương của ta. Trước tôi, chưa có nhà văn nào viết phóng-sự.

Phóng-sự khác điều-tra và phỏng-vấn ở chỗ nó gồm có cả điều-tra và phỏng vấn. Nó còn khác ở chỗ là một sáng tác phần có bố-cục hẳn hoi. Bởi vậy, viết phóng-sự phải mất công phu nhiều hơn viết điều tra và phỏng vấn.

HỎI : Anh cho biết các phóng-sự anh đã viết.

ĐÁP : Cũng khá nhiều, song hãy xin kể tạm theo trí nhớ :

Tôi kéo xe.

Màn trời, chiếu đất. (Viết về cảnh sống đau khổ tối cực của bọn người không nhà cửa).

Lạc trong giang sơn Đinh-Quách. (Viết về đời sống thảm-lặng của người Mường, Hòa-Binh sống dưới chế độ « Quan Lang » độc-tài, phong kiến)

Đêm sông Hương. (Nói đến kiếp sống của chị em ca-kỹ trên giòng Tiêu-Kim-Thủy, đất Thần-Kinh).

Người Hồi. (Viết về cảnh tàn-lụi của một dân-tộc đang đi đến bước diệt-vong).

Một đêm trước (nói đến cảnh khăn gói lên tàu của anh em đi làm phu đồn điền cao-su trong Nam và Tân-Thế-Giới).

HỎI : Anh thích thiên phóng-sự nào hơn hết ? vì sao ?

ĐÁP : Tôi lấy làm hài lòng về tất cả những thiên phóng-sự tôi đã viết ra, vì tôi gửi gắm được tất cả tâm-tư của tôi trong những tác-phẩm đó.

HỎI : Cái gì thúc đẩy anh cầm gong xe để viết « Tôi kéo xe » ? Anh đã được kinh-nghịệm gì khi viết thiên phóng-sự này và những kinh-nghịệm của anh về thể văn này ?

ĐÁP : Tôi là một nhà văn xã-hội. Trong những năm đầu vào nghề cầm bút, tôi đã lăn-lộn trong nhiều cuộc sống cơ cực, nên tôi cảm-thông nỗi thống-khổ của những người nghèo khổ. Trông thấy người phu xe kéo vất-vả cực nhọc chẳng khác một con ngựa, tôi vô cùng đau xót cho kiếp « ngựa-người ». Muốn cho mình có những cảm-giác thật và những rung-động sâu-xa thấm-thía về nghề kéo xe, tôi quyết cầm gong xe làm người phu xe nhất thời. Tôi nhớ hồi đó, bên Pháp, nữ-sĩ Marie Choisy muốn viết thiên phóng sự về « nhà thổ », đã dẫn thân vào làm nghề gái điếm trong nhà-chứa cho được thật sống cảnh sống của những phụ nữ bán phần buôn sô để thiên phóng sự đáng là phản ảnh trung-thành của nghề đó.

Kinh nghiệm của riêng tôi trong việc viết phóng-sự là phải hết sức kiên-nhẫn, chịu đựng ; phải hòa mình vào mọi cuộc

sống để biết rõ từng khía-cạnh, vì cuộc sống của bất cứ lớp người nào, nghề nghiệp nào cũng có đủ mặt phải và mặt trái của nó. Còn về văn-thể, phải gọn-gàng, thành thực, có vậy mới gây được xúc-động ở người đọc.

HỎI : Xin anh kể cho nghe một kỷ-niệm của anh khi anh làm phóng sự (vui, buồn, tùy ý)

ĐÁP : Nhắc lại làm gì những kỷ-niệm buồn. Tôi xin kể lại một chuyện xảy ra mới đây : khi tôi còn làm Tổng Thư-ký tòa soạn nhật báo « Cách-mạng Quốc-gia » Lần ấy tôi được cử đi làm thiên phóng-sự « Trâu về ăn cỏ đồng ta », nói về việc cấp trâu cấy mua từ Thái-Lan về, do một nước bạn viện-trợ. Theo phái-đoàn viện-trợ, tôi phải đến Rạch-Dừa gần Vũng-Tàu là nơi tàu bè từ vịnh Thái-Lan đang cập bến để cho trâu lên bộ. Tôi được ngồi trên một xe jeep cũ kỹ của nha Cải cách Điền địa nên không theo kịp đoàn công xa có lẽ toàn loại xe tốt. Giữa đường, trời đổ mưa lớn, mũi xe rách sẵn, toàn người tôi ướt như chuột lột, mặc dầu đã khoác áo che mưa mà tôi cẩn thận mang theo để phòng bị. Khi xe tôi đến Rạch-Dừa, thị nơi đây ác hại trời vẫn nắng chang-chang và lễ khai-mạc cuộc tiếp nhận trâu đã cử hành từ lâu, đông-đủ mặt quan khách. Với bộ quần áo ướt đẫm nước mưa ấy, tôi cứ thản-nhiên ngồi vào hàng ghế dân-khách lấy bút giấy ra ghi chép cảm tưởng và những điều mắt thấy, tai nghe. Mọi người nhìn tôi bằng cặp mắt tò mò và hình như tất cả đã cùng ngạc-nhiên và có lẽ đang cùng tự hỏi : « Anh chàng nào mà kỳ-dị vậy ? » Ý nghĩ duy-nhất của

CUỘC PHÒNG-VẤN VĂN-NGHỆ ..

tôi lúc đó chỉ là làm sao ghi chép cho được đầy đủ mọi chi-tiết những sự việc xảy ra để viết thiên phóng-sự theo đề-tài như tôi vừa nói.

HỎI : « Đêm sông Hương » là một tập truyện ngắn hay có tính cách phóng sự ?

ĐÁP : « Đêm sông Hương » là một thiên phóng-sự. Có lẽ bạn đã lầm với tập tiểu-thuyết « Giọt lệ sông Hương » cũng do tôi trước tác.

HỎI : Theo anh, một thiên phóng-sự thành công phải có những yếu-tố nào ? anh cho biết những tay viết phóng-sự có tài.

ĐÁP : Điều đó, tôi đã trả lời trong một câu trước mà bạn đã hỏi về những kinh-nghiệm riêng tôi thu lượm được sau khi tôi viết thiên phóng sự « Tôi kéo xe ».

Theo tôi thì Vũ-Trọng-Phụng và Vũ-Bằng là những cây bút viết phóng-sự có hạng, nhất Vũ-Trọng-Phụng.

HỎI : Tại sao vào Nam, ít thấy anh hoạt-động về văn-ngệ ?

ĐÁP : Có lẽ bạn không theo dõi công việc của tôi nên nhận xét này không đúng. Tôi vẫn hoạt-động đều về văn-ngệ trong bất-cứ trường-hợp nào từ ngày di cư vào Nam, chỉ có điều là vừa ý, hay không vừa ý mình thôi.

Trong bảy năm nay, tôi vẫn sống bằng ngòi bút của tôi.

HỎI : Anh có dự-định gì về văn-ngệ chăng ?

ĐÁP : Là nhà văn chuyên-nghiệp, ai chẳng ôm ấp nhiều nguyện vọng. Không kể đến sự dự-tính viết cho xong một cuốn tiểu-thuyết xã-hội mà tôi đã phác thành một cái « sườn » chừng mười trang đánh máy, việc này đòi hỏi nhiều thì giờ rảnh, tôi vẫn ôm-ấp ý muốn chủ-trương, theo ý riêng tôi, một nhật-báo và tờ tuần báo châm-biếm như tờ « Vịt Đục » trước kia. Tôi cũng ước được chủ-trương một nguyệt-san văn-chương và một tuần-san Nhi-dồng.

Sau hết, lúc này tôi còn ao-ước thành lập một sân-khấu Chèo-cổ, vì tôi quan-niệm rằng Chèo-cổ là tiêu-biểu cho nghệ thuật sân-khấu thuần-úy Việt-Nam. Nó sẽ tàn lụi dần đi nếu người ta không tìm cách xây-dựng cho nó một nền-móng vững. Khi còn ở Hà-Nội, tôi đã từng điều-khiển một ban Chèo-cổ trong thời-gian 2 năm. Tôi cũng đã có san-nhuận lại mấy vở ca-kịch thành « Kịch Chèo-cổ » và đã có dịp trình-diễn tại rạp Thống-Nhất hồi năm trước. Tôi nghĩ : để bộ môn Chèo-cổ chết dần mòn là điều đáng tiếc và có lỗi. Nếu bây giờ muốn cho người ngoại-quốc thưởng-thức nghệ-thuật sân-khấu cổ-diễn thuần-túy Việt-Nam về truyện-ích, y-phục, phong-tục, ca-điệu, nhạc điệu v. v. . . thì chỉ có Chèo-cổ mới đủ tính-cá h tiêu-biểu.

TAM-LANG



★ DUY-LAM

Tên thật : Nguyễn-Kim-Tuấn.

Sinh ngày 3-12-1932 tại Hà-Nội.

Đã cộng tác với : *Mới* (1952), *Văn hóa ngày nay*, *Tân phong*, *Chi đạo*, *Văn nghệ mới*.

Đã xuất bản : *Chồng con tôi* (truyện ngắn 1960).

Sắp xuất bản : *Gia đình tôi* (truyện dài hài hước), *Ấm ảnh* (truyện dài).

Hiện ở trong Quân đội.

Buổi họp hàng tháng của ban chấp hành nhóm Bút-Viết vừa bế mạc, là tôi giữ liền anh lại ở phòng họp : người quân nhân này như chim trời cá nước, tôi đã chạy tìm anh ở nhiều địa chỉ bạn bè cho, mà nay may mắn mới gặp anh.

Các bạn văn khác đã xuống thang lầu, ra về. Căn phòng dài trở nên vắng lặng một cách dễ khuyến khích người ta tâm sự.

— Hẳn là anh kết tóc se tơ với văn chương là vì cái không khí văn nghệ bao bọc toàn gia tộc ? Chú, bác... làm báo, viết văn... thì anh cũng lây cái men duy... nghệ thuật ?

Ông bíp to tướng ở miệng anh phà một hơi mạnh, rồi nắm gọn trong tay anh.

— Đúng vậy ! Tôi viết văn mới đầu vì muốn bắt chước các bác các chú ; sau dần thấy thú vị...

Anh mân mê cán bíp :

— Như hút chơi một điếu thấy ngon, rồi điếu thứ nhì, thứ ba... thành ra nghiện thuốc. Cái thú vị đến, rồi mình đâm ra ham. Và anh chẳng lạ gì, ham tự nó cũng là một động lực thúc đẩy.

— Nhưng mà nó thúc đẩy mình đi đâu đây ? Đi đến cái sống đang tượng hình hay lui về cái chết đã chực sẵn ?

Anh chưa vội đáp, nhìn bức tranh nhỏ vẽ bầy vịt con đang tung tăng dưới cặp mắt vui vui của vịt mẹ đứng trên bờ. Và câu trả lời đi theo khói thuốc.

— Khi viết tôi nhằm mục đích sống lại một lần nữa những lỗi lầm, những hèn yếu của chính mình. Mà này, anh có khi nào hèn yếu, lỗi lầm không ?

Tôi cười :

— Ai đời lại hỏi như thế chứ ! Tôi có phải ông thánh đâu mà khỏi yếu hèn, lầm lỗi. Sao anh chẳng để chúng chết đi cho yên thân mà lại làm chúng sống lại lần nữa ? Để làm gì ?

— Để mình có thể cứng mạnh hơn.

Tôi trông lại anh. Cao thì anh cao quá mức trung bình đó, nhưng mà ốm, thì cũng lại dưới mức trung bình.

« À, vì thế mà anh muốn anh được cứng, được mạnh hơn », tôi tự nghĩ vậy.

— Con đường anh chọn để đi nó không giống người trong nhóm, cũng

không giống người đồng lứa. Tại sao vậy anh?

Câu trả lời vẫn nhỏ nhẹ, nhưng chắc nịch:

— Tại vì tôi là tôi! Cũng có thể vì tôi già trước tuổi, hoặc muốn đào sâu vào những đau khổ của các nhân vật để... tìm thấy tôi.

Tôi bắt chợt một ý thoáng qua:

— Hoặc anh muốn người đọc chẳng biết đâu mà rõ?

Anh chép miệng.

— Cũng có cái nghịch ngợm muốn « mystifier » người đọc.

Phòng họp bắt đầu chìm trong bóng đêm. Tôi vội vàng hỏi:

— Anh có thỏa mãn về những tác phẩm anh đã viết chớ?

Anh gõ mạnh miệng bíp xuống mép bàn.

— Thỏa mãn! Tôi chưa hề dùng cho tôi danh từ ấy bao giờ.

— Nhưng anh có chịu ảnh hưởng của Freud không nào?

— Và tại sao không?

Và đôi mắt linh động của anh cười, ranh mãnh.

— Anh lại muốn biết nhân vật của tôi được cấu tạo cách nào à? Đây anh nghe kĩ nhé:

$\frac{1}{2}$ là tôi; $\frac{1}{4}$ do tôi tưởng tượng; $\frac{1}{4}$ dựa vào kinh nghiệm sống.

— Của ai?

— Thì còn của ai nữa? Kinh nghiệm sống của chính tôi.

« Nhờ anh làm giúp con tính cộng phân số ấy rồi anh muốn rút ra kết luận gì thì anh cứ tùy tiện ».

Tôi mỉm cười rồi hỏi:

— Anh có nói anh viết là để sống lại một lần nữa; xin anh nói rõ hơn.

— Tôi thấy khi tôi viết, như thể tôi soi gương vậy, một cái gương đặc biệt, cho tôi thấy tôi — cả thể xác lẫn tâm hồn —, giúp tôi biết thêm tôi. Tắm gương ấy cho tôi nhận chân ý tưởng chính của truyện, nhờ đó mà tôi phô diễn có ra, thể hiện tư tưởng mà trước khi viết, nó còn tiềm tàng đâu đó. Và lại, có điều lí thú này: khi ta đang sống, ta không mấy để ý đến bao điều, đến lúc viết, những kỉ niệm ấy bỗng nhiên sống dậy, làm mình chú ý và khiến mình thấy thích thú vô cùng.

— Cũng như mình gặp lại một bạn thân lâu năm xa cách?

Anh gật đầu.

— À, trong truyện « Chồng con tôi », giấc mơ tôi kể là một giấc mơ có thật. Của bà cụ tôi và của tôi.

— Thế thì vai trò của tưởng tượng...

— Tưởng tượng là một lợi khí của nhà văn, nhưng nếu sự tưởng tượng mà không căn cứ vào thực tế, thì công cuộc xây dựng tác phẩm khó mà đứng vững, vì thiếu sự sống. Chưa thấu hiểu nhân vật, thì khó mà làm cho nhân vật sống. Theo tôi, phải hiểu khá sâu sắc nhân vật của mình, rồi mới nhờ tưởng tượng giúp sức thêm. Tôi cho cái chính

là đời, và văn nghệ tùy thuộc cuộc đời. Tôi sẽ già từ văn nghệ nếu thấy cuộc đời nó khô khan, nó cần cỗi.

— Cuộc đời chung hay cuộc đời anh ?

Anh không trả lời, chỉ cười nhẹ và mor-màng theo khói thuốc.

— Anh viết có bị đề tài chi phối không ?

Đề tài không chi phối tôi mấy. Tôi cho rằng một đề tài tầm thường, mà gặp nhà văn hay thì họ đào sâu, họ đi vào chi tiết, họ làm ta say mê. Còn có những đề tài vĩ-đại, mà gặp nhà văn dở thì rồi tác phẩm cũng chẳng ra gì. Anh xem : gia đình lũng củng, là một đề tài nhàm, thế mà Dostoïevski « làm » nó thành một bi kịch bất hủ với « Anh em Karamazov ». Bắn giết nhau chán, rồi bỏ gươm bỏ súng là đề tài muôn thuở nhưng « Chiến tranh và hoà bình » của Tolstoi là một kiệt tác.

— Anh viết truyện chắc có theo một đường lối ?

— Đường lối thì tôi có, nhưng cũng tùy phương tiện, chớ tôi không theo một chiều. Tôi thích viết truyện đi sâu hơn là tỏa rộng.

— Theo anh, khi nào mới viết...hay ?

— Tôi cho tác phẩm là phản ảnh của đời mình. Tôi mà sống nghèo nàn, sống èo uột, thì tôi viết không được. Còn viết hay hay không, thì để độc giả phê phán. À, tôi không đồng ý với bạn đồng lứa, quan niệm viết theo hứng một thời, theo sự xúc động một lúc. Tôi cho rằng nhà văn phải cho mình một kĩ luật, phải kềm chế mình,

phải để cho lí trí xen vào mà lựa chọn cân nhắc, rồi bỏ cục...

— Những truyện mới của anh, có gì khác xưa không ?

— Có, anh à. Nếu anh cho phép, tôi xin dùng chữ : chuyển hướng. Trước, tôi thiếu can đảm, nhân vật chính không phải là tôi mà tôi mượn vai chính nói về tôi phần nào. Giờ, thì tôi viết thẳng.

— Hẳn là anh đưa ra một mẫu người...

— Một mẫu người thành thật với mình, và thành thật với người.

Tôi xoay câu chuyện :

— Trong bước ban đầu, anh có được anh Nhất-Linh giúp ít nhiều chớ ?

Mất anh chớp chớp.

— Tôi chịu ơn bác (1) tôi rất nhiều trong sự nghiệp văn chương của tôi, nếu quả rồi sau này tôi có một sự nghiệp !

— Tác giả « Đôi bạn » có bắt bẻ gì anh về nội dung các sáng tác của anh không ?

— Bác tôi rộng rãi lắm. Về nội dung, về tư tưởng, bác tôi thường bảo : người nào cũng có quyền đưa ra những tư tưởng mình thích, mình cho là phải, ta phải tuyệt đối tôn trọng, nhưng tư tưởng ấy được trình bày cách nào, đó là điều ta cần quan tâm Phải trình bày cho có nghệ thuật đã. Tư tưởng dù cao siêu đến đâu,

(1) Bác, theo người Bắc : anh của mẹ ; ở Trung và Nam, thì là cậu

CUỘC PHÒNG-VẤN VĂN-NGHỆ...

mà diễn tả rất tồi, thì rồi cũng chẳng ai buồn đọc.

« Cho nên, bác tôi có bắt bẻ, có chỉ vẽ cho tôi là về cách cấu tạo cốt truyện, lối hành văn, cùng những nhận xét về cảnh, về người.

« À, anh lại muốn biết tôi viết khó hay dễ, mau hay chậm. Khó, truyện nào tôi cũng sửa đi sửa lại 4, 5 lần; và chậm như rùa, anh ạ. Còn xé đi xé lại lắm phen. Anh có tò mò, thì tôi xin nói chữ tôi viết bản thảo rất nhỏ, li ti như chân ruồi... chết. Anh mà đọc hết bản thảo tôi thì mắt anh cận thị gấp đôi bây giờ ! »

Tôi đứng dậy, và chúng tôi chầm rãi xuống lầu. Tôi hỏi để phá cái im lặng có phần nặng nề trong bóng tối.

— Anh sống mấy mình ?

Tác giả « *Chồng con tôi* » đi chậm lại :

— Ba mình. Tôi mới lấy vợ và đang tập sự làm bố một đứa con gái được hai tháng.

— Khi cầm viết, anh có để yên cái bút không ?

— Tôi thường làm tội người bạn lắm... khỏi này khi viết. Anh có ngờ rằng tôi thích vẽ tranh lập thể, tranh trừu tượng không ?

Tôi không trả lời anh mà lại hỏi lại :

— Tại sao anh lại thích mĩ mai, châm biếm ?

Chúng tôi đã ra tới đường. Anh nắm lấy tay tôi.

— Tại sao à ? Tại vì mĩ mai là đặc quyền của những kẻ mạnh. (Bỗng anh hạ giọng). Nhưng thực ra, thì những kẻ rất... yếu phải dùng mĩ mai, châm biếm để chứng tỏ mình mạnh. (Rồi giọng anh trở lại bình thường). Nếu chẳng may anh gọi báo cho, xin theo địa chỉ...

NGUYỄN-NGU Í viết lại

★ TOÀN-PHONG

Tên thực : Nguyễn-Xuân-Vinh.

Sinh ngày 3-2-1930 tại Yên-Báy (Bắc-Việt).

Viết báo, viết văn, viết sách giáo-khoa.

Đã cộng tác với các báo : Thế kỷ (1950), Quân đội (1955-57), Phòng sự (1955-58), Tự do, Đồng-Nai, Thời nay.

*Đã xuất bản : Gương danh tướng (1957), Đời phi công (1960)
Hiện ở trong ngành Không-quân Việt-Nam.*

Kính gửi anh Ngu-Í,

Tôi nhận được lá thư thứ hai của anh sau lá thư trước một tháng. phải xin thưa

ngay với anh ở đây ! Sở dĩ có sự chậm trễ phúc đáp cuộc phỏng vấn của BK, không phải vì tôi lười, tôi bận, mà sự

thực vì tôi thấy ngại ngần vô cùng. Nhưng, dù có lý do, tôi vẫn xin thành thực tạ lỗi cùng anh về việc đã để anh mất công chờ đợi.

Sự ngần ngại mà tôi vừa thưa với anh, là tuy viết lách đã từ hơn 10 năm nay, đã có sách báo bán và được giải thưởng, nhưng vì không được dành hết thì giờ để phụng sự văn nghệ nên tôi chưa dám nhận mình là một nhà văn. Bởi ý nghĩ đó, tôi tự hỏi, nếu trả lời cuộc phỏng-vấn của anh, mặc nhiên tự nhận mình là nhà văn, như vậy sợ rằng mình đã mạo nhận chăng !

Sau khi nhận được lá thư thứ hai của anh, tôi nghĩ rằng có lẽ câu trả lời cuộc phỏng vấn của anh để thỏa mãn sự đòi hỏi của độc giả có lẽ là bốn phần của tất cả những ai đã cầm bút viết nên tôi xin gửi đến anh những dòng này.

I. — Sáng tác để là.n gì ?

Để chomình hay cho thiên hạ ?

Để cho bây giờ hay cho mai sau ?

Cuộc sống của tôi hiện nay vừa là một quân-nhân, vừa là một phi-công, sáng tạo như là một đòi hỏi, một việc phải làm, thoát thai từ những hình ảnh của cuộc đời phụng-sự nghề nghiệp, từ những cảm nghĩ bất chợt trong đời sống mà tôi nhận ra là những cảm nghĩ, những hình ảnh ấy rất tốt đẹp, rất tế-nhị, xứng đáng là những mầm sáng tạo.

Bởi nguyên nhân sáng tác như thế, nên trước hết phải nhận rằng tôi viết để thỏa mãn sự đòi hỏi nghệ-thuật trong tâm hồn. Nhưng, sản phẩm tinh thần đã tạo ra được, ai chẳng muốn có nhiều tri-kỹ, cho nên có « tác-phẩm » phải mong có độc-giả, nghĩa

là những người tri-kỹ của mình, mà có lẽ anh gọi là « thiên-hạ »,

Vấn-đề sáng tác để cho bây giờ hay cho mai sau là một vấn-đề người viết khó mà đoan-quyết được. Sự trường cửu của một tác phẩm tất nhiên thuộc quyền của độc-giả, của những người hưởng-thụ nghệ-thuật. Nhưng thành tâm mà nói, thì bất cứ người văn nghệ nào chẳng muốn tác phẩm của mình có giá-trị ở hiện tại và trường cửu đến tương lai !

II. — Sáng tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng ?

Tất cả những truyện tôi viết ra từ trước tới nay đều bắt đầu bởi một phút xúc-động nghệ thuật, nghĩa là ngẫu hứng. Tôi quan niệm khởi điểm của một công việc nghệ thuật phải là « hứng ». Biết đâu nếu một ngày kia tôi có may mắn được trở thành một nhà văn chuyên nghiệp, cần phải để ra tác phẩm để mà sống thì có lẽ phải đặt một đường lối để sáng tác và một phương pháp để làm việc. Hiện nay thì phải thú thực với anh là nhiều khi có hứng mà tôi không thể viết ngay được, vì lý do công việc quá bận bịu thành ra phải « nuôi hứng » ấy, có khi phải chờ đợi một thời gian khá lâu mới có hoàn cảnh để viết được. Đứng ngoài mà nhìn vào chắc anh sẽ nói rằng tôi sáng tác không đều, về lượng cũng như về phẩm.

III. — Những gì đã xảy ra trong tâm trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai nghén cho đến lúc nó thành hình ?

— Như tôi đã thưa với anh ở trên, phút xúc động nghệ-thuật là thời gian mà tôi nhận được xúc động ấy từ một hình ảnh

CUỘC PHÒNG-VẤN VĂN-NGHỆ...

hay một cảm nghĩ trong cuộc sống hàng ngày.

Thời gian thai-nghén tiếp theo, lâu mau tùy theo hoàn cảnh. Trong thời gian này tôi suy nghĩ thêm về những hình ảnh, những cảm nghĩ xung quanh « mầm nghệ thuật chính ». Sau chót là vấn-đề kỹ thuật dựng truyện.

Cuối cùng khi đặt bút xuống trang giấy là tôi viết một mạch, trừ những trường hợp bất đắc dĩ phải để dở-dang và viết tiếp trong một thời gian sau.

IV. — Những kinh nghiệm sống và sáng tác thích nhất ?

Tôi nghĩ rằng trong sự nghiệp văn-chương cũng như trong binh nghiệp, tôi là kẻ mới bước chân vào đời nên câu này giá anh để cho mười năm nữa trở lại vấn đề chắc câu trả lời sẽ phong phú hơn.

Trân trọng cảm ơn anh và kính chúc anh mạnh tiến trên đường sự nghiệp.

TOÀN-PHONG



★ HƯ-CHU

Tên : Nguyễn-Kỳ-Thụy. Tuổi 39. Quê : Nam-Định (Bắc-Việt).

Nhà văn, nhà giáo.

Đã cộng tác với các báo : Việt-thanh (1953), Bách-Khoa (1958), giai phẩm Tân-phong (1960).

Đã xuất bản : Nam hải truyền kỳ (1953), Thơ, Ngbiên, Hoa, Mộng (1955), Để hiểu thơ Đường luật (1958).

Hớp trà cho ấm giọng, tôi thông thả bắt đầu. . .

— Anh viết truyện truyền kì có phải vì anh không thích cái hiện tại chụp giựt, tàn nhẫn và lắm khi ti tiện ?

Anh im lặng nhìn ra cửa sổ.

— Cái hiện tại nó có thể nào đi nữa, mình đã sống trong nó, thì trốn tránh nó có được nào. Phải chịu đựng nó, với thái độ này hay thái độ khác. Tôi viết truyện truyền kì là vì hoài cổ, anh ạ.

— Anh hoài cổ vì anh đã sống trong cái nếp nho phong ?

Anh gật đầu và cười nhẹ mời tôi cạo chén nước con.

— Thế anh có lờng vào các truyện truyền kì ấy một chút gì. . . luân lí không ?

— À, anh muốn hỏi mục đích sáng tác của tôi chứ gì ? Tôi không hề nghĩ đến việc « giảng luân lí » trong tác phẩm của mình. Thoảng anh có bắt gặp, thì là tôi đã vô tình. . . Một khi người cầm

bút sống theo đường ngay nẻo thẳng, thì chẳng cần gò bó, cố tình, tác phẩm người ấy cũng tỏa ra một cái gì...

— Một cái gì chẳng phạm đến thuần phong mĩ tục?

Anh cười trong khoé mắt rồi chăm chú chuyên trà.

— Thế anh có... « ăn gian » không? Anh ngưng tay, ngược nhìn tôi.

— Tôi muốn nói anh có mượn truyện xưa mà nói truyện nay chăng, hoặc gởi vào người mấy trăm năm trước vài ý nghĩ của người thời nay.

— Tuyệt nhiên không. Tôi viết truyện xưa, chỉ vì tấm lòng hoài cổ.

— Nhưng nói chung, anh sáng tác để làm gì?

Tác giả « Nam-hải truyện kỳ » để xuống bàn mây chén trà nâng lên gần tới miệng.

— Sáng tác để làm gì à? Cũng tùy anh ạ. Có khi để tặng. Có khi để bán.

— Vậy chớ có khi nào chẳng phải để tặng ai, mà cũng chẳng phải để bán cho ai ai?

— Có chớ. Có khi để thỏa một yêu cầu.

Tôi chặn anh.

— Yêu cầu hay nhu cầu?

— Yêu cầu mà lại nhu cầu. Anh cho phép tôi nói lại. Có khi để tặng. Có khi để bán. Có khi để thỏa một yêu cầu. Lại có khi không đặt thành mục đích. Nhưng đó chỉ là nói về lí do chứ không

nói về tác dụng: thật ra, nhiều khi cốt viết để tặng mà rồi cũng đem bán được, nhiều khi ngược lại.

Nghĩ một chút, anh nói tiếp:

— Nhiều khi cốt viết để thỏa mãn một yêu cầu của người khác mà không ngờ lại thỏa một nhu cầu của chính mình.

Giọng tác giả « Thơ, Nghiên, Hoa, Mộng », trầm trầm, âm âm, không cho trí tôi nghĩ vẫn nghĩ vơ vẩn. Và anh nói, như để đối với chính mình hơn với người đối diện:

— Để tặng, để bán, để thỏa một yêu cầu, thì hẳn là để cho người. Không đặt thành mục đích thì hẳn là để cho mình. Nhưng đã nói rằng đó chỉ là lí do chứ không phải là tác dụng: nếu gặp bài khá thì đầu chỉ cốt để cho mình mà người cũng thích, còn nếu gặp bài tệ thì đến mình, mình cũng bỏ hững chi người!

Anh cười. Tôi cũng cười theo.

Anh nhìn vào bức thư tôi gởi cho anh từ trước.

— Còn như anh hỏi sáng tác để cho bây giờ hay để cho mai sau, thì tôi xin đáp: « Tôi sáng tác để cho bạn, để cho mình, và cũng để cho những người quen.

— Như vậy tức là chỉ để cho bây giờ?

— Chính vậy. Còn sáng tác, thì tôi chỉ theo hứng: viết cho mình thì theo hứng của mình, mà viết cho người thì theo...

— « Hứng của người »?

Anh gật đầu.

CUỘC PHÒNG-VẦN VĂN-NGHỆ...

— Anh viết có lâu, có say sưa không?

Những câu trả lời đến, chậm rãi, đến đo.

— Khi thai nghén thì trầm tư. Khi đang viết thì mê say. Khi viết xong thì khoan khoái; và cái khoan khoái này cứ mỗi ngày một nhạt để rồi có một lúc tự nhận rằng cái tác phẩm này xem cũng rất tầm thường và thật cũng chẳng có gì đáng nên khoan khoái cả!

— Những kinh nghiệm sống? Tôi chưa hiểu rõ câu hỏi trên đây.

Chẳng biết vì ảnh hưởng mưa bụi nó gọi buồn buồn hay vì nghĩ rằng lắm khi chẳng nên giải thích rõ ràng chi mà tôi lặng thinh, chờ đợi.

— Tôi thiết nghĩ về những diện trước tác, một người tàn phế và một kẻ giang hồ, nếu có khiếu nhận xét như nhau, thì cũng chỉ có một kinh nghiệm sống bằng nhau: kẻ này có đủ kinh nghiệm sống để dựng lên những bối cảnh giang hồ thì người kia cũng có đủ kinh nghiệm sống để viết ra những cuộc đời tàn phế.

Anh lại nhìn vào bức thư tôi.

— Câu chốt đây rồi. Sáng tác nào của tôi tôi thích nhất? Sáng tác nào cũng thích, và chỉ thích vào khi vừa mới hoàn thành. Nói vậy nghĩa là ngoại trừ mấy sáng tác miễn cưỡng thuộc loại thù tạc, thì cái sáng tác thích nhất bao giờ cũng là « cái sáng tác hôm nay ».

NGUYỄN-NGU-Í viết lại



★ PHẠM-ĐÌNH-TÂN

Sinh ngày 13-1-1913 tại làng Bảo-Long, Nam-Định (Bắc-Việt)

Đã cộng tác với các báo: Phong-hóa (1933), Phụ-Nữ thời đàm (1934) Chủ-Nhật (1941). Chủ bút các tuần báo: Thanh-Niên (1945-46) Phụng-Sự (1949-51), và chủ nhiệm tuần báo Văn-Đàn (1960...)

Đoàn trưởng văn-đoàn Tinh-Việt (sáng lập từ 1945)

Đã xuất bản: Thân phận Lao-động (1946), Chúa Cứu thế với Thanh-niên (dịch Tihamer Toth, 1946), Chúa Cứu thế với Thời nay (1949), Chúa Cứu thế với Gia-đình (1949), Tiếng thẳm (thơ - 1952), Đức Mẹ giữa chúng ta (1952), Frédéric Ozanam với hội Bác-ái Vinh-Sơn (1953), Toà Thánh La-Mã, (1953), Đường về (1955), Vấn-đề đa thê (1956), Thơ Phạm-Đình-Tân (Tiếng thẳm và Lời thiêng, 1960).

Một chữ « Trung » (1) lớn, viết bằng mực đen trên nền giấy bạch đập mạnh vào mắt tôi, khi mới bước chân vào phòng khách tối tân của người chủ tịch văn đoàn Tinh-Việt.

Tôi nhập đề ngay. Và anh thông thả trả lời, giọng nhỏ nhẹ như tiếng gió thì thào...

(1) Chữ Hán, gồm hai chữ: Trung (giữa) và Tâm (lòng).

— Một sự ngẫu nhiên mở cửa cho tôi vào thế giới văn chương. Lúc bấy giờ, tôi đang học lớp nhất. Một hôm, thầy ra đề luận : tả một người ăn mày. Tôi chợt nhớ mỗi sáng, đi học, tôi thấy một người hành khất ở đầu đường. Tôi bèn quan-sát người ấy để làm bài luận, và chỉ lúc ấy, tôi mới biết rằng hình ảnh người xấu số nọ ấy đã lặn vào trong trí, trong lòng tôi từ lâu mà tôi không biết. Bài làm xong, tôi cảm thấy như mình vừa cất được một gánh nặng. Nhẹ cả lòng. Thầy chấm bài tôi cho điểm cao nhất, và khen bài cảm động. Tôi lấy làm sung sướng, và từ đó chuyên chú về Văn chương và cuốn sách tôi cho xuất bản đầu tiên là cuốn « Thân phận Lao-động » nói về người ta phải coi và đối xử với người lao động như thế nào.

— Và anh như được giải thoát khi ràng buộc mình với Nghệ thuật ?

— Có thể. Vì có gì ấn nán trong tôi mà tôi chẳng biết. Tình cờ được biết, thì đó là lòng thương.

— Vậy anh cầm bút như nhà giáo sĩ mặc áo thầy tu. Tôi muốn nói, sứ mạng của giáo sĩ là truyền đạo của Ki-Tô, còn sứ mạng của nhà văn Phạm-Đình-Tân là dùng văn chương để mà tải đạo.

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu nhẹ :

— Tôi ý thức được điều này một chủ nhật nọ, đi nhà thờ, nghe vị linh mục nhắc lời Chúa : « Người ta lời lai cả thế gian mà mất linh hồn thì có ích gì ! » Cho nên tôi viết về giáo dục, về đạo đức trước. Tôi quan

niệm rằng làm văn chương là để giúp ích cho mình, cho người chung quanh, cho nhân loại.

— Anh cho biết anh bắt đầu hoạt động về văn nghệ lúc nào ?

Anh ngó ra cửa sổ, nhìn xuống đường im một lúc.

— Khoảng năm 1928, khi tôi theo ban Trung học ở Hà-Nội. Tôi có mấy người bạn thân, họp làm một nhóm, hằng tuần gặp nhau để đem trình cho anh em phê phán những áng văn hoặc những bức họa của mình, vì nhóm chúng tôi gồm những bạn đeo đuổi nghiệp văn, như Thử-Lữ, Vũ-Đình-Liên, Ngô-Bích-San, và những bạn theo học hội họa, như Trần-Bình-Lộc, Nguyễn-Đỗ-Cung, Hoàng-Lập-Ngôn. Riêng hai anh Lộc và Cung — nhất là anh Lộc — vừa vẽ vừa viết. Chính trong lúc này, tôi bắt đầu làm thơ, nhưng làm rồi mà chẳng gửi báo nào, vì chưa tin ở mình.

— Thế ai « khám phá » ra anh ?

Anh cười nhẹ nhẹ :

— Anh làm như tôi là một « tân thế giới » không bằng ! Thử-Lữ chọn những bài anh ấy thích, rồi cho đăng, trước ở Phong Lốc, sau ở Chủ nhật, Đăng rồi, tôi mới hay. Và năm 1942, xem xong bản thảo « Tiếng thầm » của tôi, anh ấy để tựa cho.

— Nhưng sau đến mười năm sau, anh mới xuất bản ?

— Vì tôi thấy thơ tôi còn kém cỏi. Mà không phải tôi muốn xuất bản đâu. Nguyên khi chiến tranh Việt — Pháp bùng nổ, tôi chuyển tủ sách tôi về quê. Việt-

CUỘC PHÒNG-VĂN VĂN-NGHỆ...

Mình tịch thu, đem bán cả, trên ngàn quyển sách với 7 bản thảo tôi tản lạc khắp nơi, trong đó có ba tác phẩm về văn đề xã hội, hai tiểu thuyết (một trước tác, một dịch) và hai tác phẩm văn chương khác. May sao còn sót lại tập thơ viết tay, tờ còn tờ mất, tờ nguyên, tờ rách. Năm 1952, một số bạn thân khuyên tôi nên cho in, để gọi là chút gì sau khi đã mất mát quá nhiều. Nể tình bạn bè, tôi mới cho in « Tiếng thầm ».

— Với « Tiếng thầm », anh muốn nói...

— Tôi muốn tìm những gì lạ mà chưa ai nói đến. Tôi cố tìm nghe những tiếng không có tiếng vang (des voix sans écho), không những của con người, mà của mọi vật, cả những vật vô tri mà người ta cho là chẳng có linh hồn.

Tôi cười :

— Thế ra anh hơn Lamartine ở chỗ không cần hỏi :

« Objets inanimés, avez-vous donc une âme... ? »

Anh mỉm cười, tiếp :

— Tôi không muốn để ý những gì phớt ngoài mặt, mà cố lắng tai nghe những gì sâu kín trong lòng người cũng như trong lòng Tạo vật, rồi cố diễn tả...

Rồi, anh hỏi tôi, đột ngột :

— Anh đã nghe im lặng chưa ?

Tôi chưa kịp trả lời thì anh vội dở tập « Thơ Phạm-Đình-Tân », và đọc :

*Trời xanh lạnh lẽo ánh sao,
Đêm nghe bình-tịch trôi vào hư vô.*

(Thành xưa)

Anh lại đọc tiếp :

*Cây nghe sương lắng trong chiều,
Gió thầm thì gọi đìu hiu gió về.*

(Chiều)

*Còn đây tiếng gọi mơ hồ,
Vẫn vơ vớ gió chiều thu trên ngàn.*

(Đá vọng phu)

— Tiếng thầm của anh, chẳng hay đã gặp được người tri kỷ ?

— Có ba người. Anh Bằng - Bá - Lân, mới đây và trước kia, anh Vũ-Đình-Liên và anh Thế-Lữ.

Và anh chỉ tôi xem đoạn nào trong bài tựa Thế-Lữ đề tập « Tiếng thầm ».

«... tôi tưởng chỉ mời bạn đọc ngâm thơ của ông và ngâm nhỏ nhẹ trong những giờ thân mật như nhắc lại những tiếng thầm lặng của tâm tình. Bởi vì thơ của bạn chúng ta cũng là những lời lặng lẽ.

« Đó là những tiếng đều hiu của buổi chiều thu, những vang nhẹ xa xăm của thời di vãng, điệu lạnh lẽo của những giọt mưa thu sùi sụt khi tâm hồn tỉnh thức « đêm nằm lắng tiếng giờ qua lạnh lùng ».

« Đó cũng là những nỗi u uẩn của hồn chí khí, ý thương nhớ sâu kín của tâm tư, buồn hối hận của tấm lòng quý trọng những châu ngọc bị tan ố ».

Tôi già từ địa hạt thơ mà sang lãnh vực văn.

— Anh cũng từng viết truyện chớ ?

— Anh hỏi làm tôi nhớ một chuyện cảm động. Số là tôi viết một tập truyện ngắn, nhưng cứ ngại còn kém, thành viết rồi để đó. Đứa em tôi đọc được, lấy làm

thích, nó mới chọn một truyện nó cho hay nhất, gởi đến ông Phan-Khôi, lúc bấy giờ trông nom tờ « Phụ nữ thời đàm ». Cụ Phan-Khôi xem xong, viết thư ngay cho tôi, nói rằng cụ lấy làm thú lắm, vì làm báo bao nhiêu năm, nay mới được đọc một truyện ưng ý như thế.

— Anh còn nhớ tên truyện?

— « Người điên ». Đại khái, tôi truyện như thế này : tả tuổi già ganh ghét tuổi trẻ, rồi phạm vào tội ác. Cụ Phan-Khôi lại đề nghị với tôi treo một giải phê bình truyện ấy. Nhưng tôi từ chối.

— Vì anh cho rằng truyện ấy... kém?

— Quả có thể. Tôi vừa sung sướng, vừa ngạc nhiên. Vì làm sao mà cụ Phan-Khôi lại biết truyện tôi viết. Hồi ra mới rõ là tại em tôi tự tiện gởi cho cụ.

— Truyện ấy kí...

— Tôi kí Bảo-Giang, một biệt hiệu của thời đó.

Tôi vừa nâng tách nước trà anh mới rót vừa hỏi :

— Thế bao giờ anh trở lại « cái thuở ban đầu lưu luyến ấy »?

Anh nhìn hai con đờm mỗi Phú-Quốc gắn chặt vào tường với :

— Chắc không lâu đâu. Rồi tôi sẽ trở về con đường sáng tác tiểu thuyết.

« À, anh còn nhớ truyện « Con quỉ truyền kiếp » của Thế-Lữ dịch? »

— Có, trong loại sách Bốn phương, in làm 2 cuốn.

— Tôi cũng dịch quyển ấy, trước Thế-Lữ, nhưng rồi để đó. Nhan của tôi dịch

là « Con quái vật bất tử ».

— Anh còn giữ « Con quái vật » ấy?

Anh thở dài :

— Mất với cả ngàn quyển sách, cùng bảy tác phẩm khác như trên kia tôi đã nói với anh.

Sực nhớ đến câu chuyện lỗi thời trong giải thưởng văn chương Tinh-Việt văn đoàn vừa phát hai ngày trước (1) tôi hỏi anh, ngoài đề :

— Vụ lỗi thời vừa rồi làm anh chán nản hay kích thích anh?

Nụ cười thoáng trên môi anh được chút gì của nhà tu sĩ :

— Tôi làm việc gì, cũng nghĩ rằng mình sẽ gặp khó khăn, không ít thì nhiều. Nên khi gặp, tôi cho đó là việc thường, không tránh khỏi. Và lại tôi biết anh lắm tính vốn nóng và hay hành động theo xúc động một lúc. Tôi tin mọi người đều tốt. Tôi chỉ buồn cho anh ấy mà không giận.

Thấy tôi chăm chú nhìn chữ « Trung » to tướng sau khi bắt tay anh, anh giải thích :

— Một thầy học quý mến của tôi cho chữ ấy. Tôi nhờ một người Trung-Hoa viết, có tên thầy học ấy ở bên. Lấy tấm lòng trung hậu mà ở đời, tôi vẫn cố sống theo lời thầy dạy.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại.

(1) Xin xem mục « Sinh hoạt » số này, bài Giải thưởng văn chương Tinh-Việt văn đoàn năm nay.

CHIỀU TRONG BỆNH VIỆN

VŨ - QUỲNH - BANG

Chiều rơi trong bệnh viện
Bóng cây ngã xuống đường,
Mặt trời giờ hấp hối,
Thoi thóp ngọn thùy dương.

Nắng run vàng cỏ úa,
Mái cũ nhạt màu sương,
Có con chim lạc tổ
Kêu trong chiều thê lương.

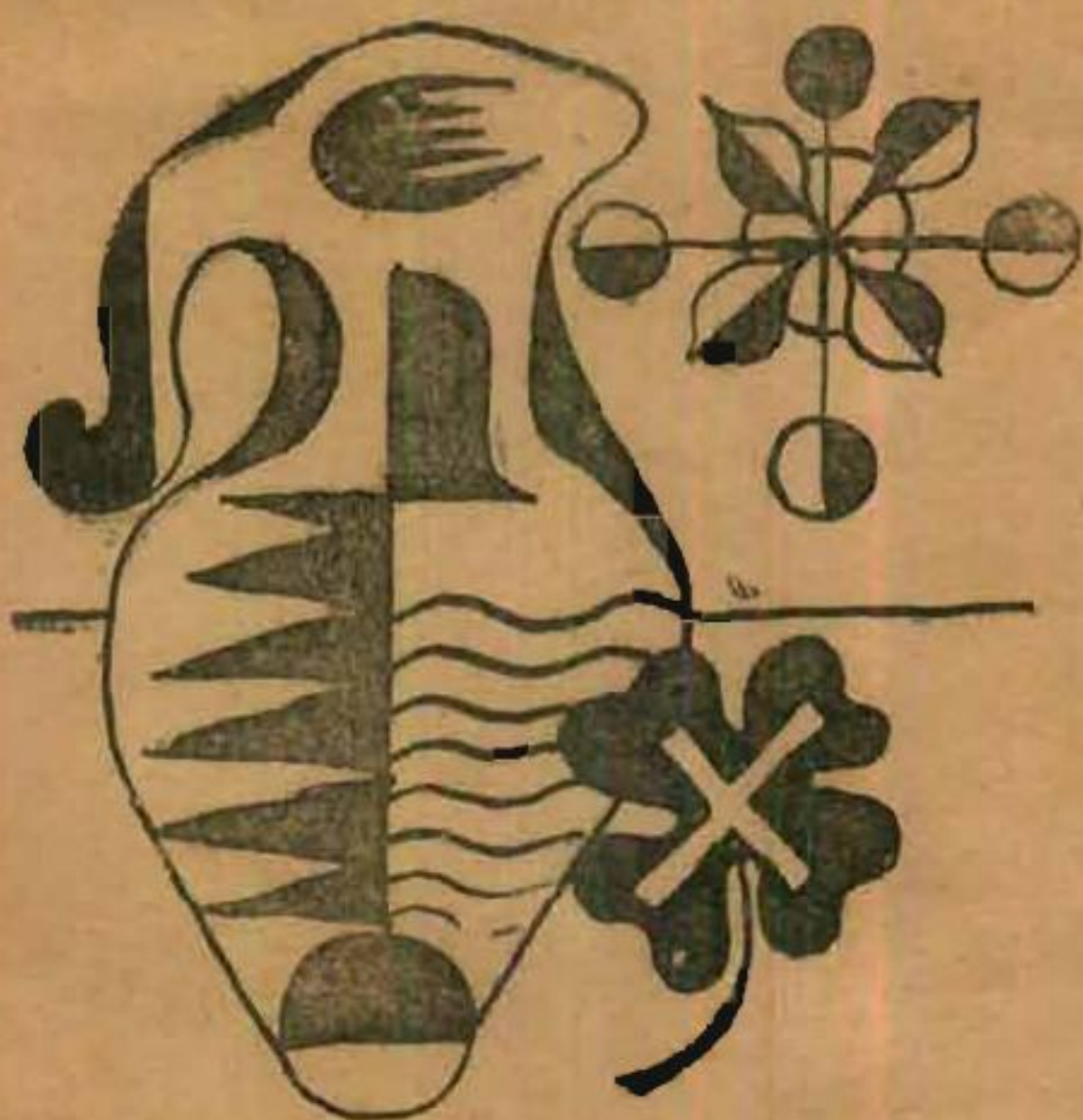
Lầu cao ai tựa cửa,
Bóng in mờ sau gương,
Mồ hoang sao vắng vẻ,
Hiu hắt thoảng trầm hương.

Chiều rơi trong bệnh viện,
Băng giá chảy quanh giường,
Tĩnh dấy nghe chuông khóc,
Thương Đời vừa bị thương. . .

V. Q. B.

(Thơ mùa ly loạn)

BÁCH KHOA CXX



SINH - HOẠT

Giải thưởng Tinh Việt văn đoàn năm nay

Tinh-Việt văn đoàn có treo hai giải thưởng, một cho loại tiểu thuyết, lấy tên giải Trương-Vĩnh-Ký, và một cho loại biên khảo, lấy tên giải Lecomte du Noüy.

Năm rồi, chỉ phát giải Trương - Vĩnh-Ký cho ba nhà văn sáng tác ; năm nay, chỉ phát giải Lecomte du Noüy cho hai nhà văn biên khảo.

Ban tổ chức đã loan tin kết quả như sau :

Không có tiểu thuyết nào trúng giải ; hai công trình biên khảo sau đây được

chia giải Lecomte du Noüy (giải này năm nay gấp đôi năm rồi, tức 40.000 \$).

1. — *Trung dung tân khảo* (3 tập) của ông Nguyễn-Văn-Thọ, bác sĩ.

2. — *Một triết lý cho thanh niên hiện đại* của ông Nguyễn-Văn-Cần, giáo sư.

Và trên tuần báo « Văn đàn », cơ quan ngôn luận của nhóm Tinh-Việt, số đặc biệt về Giải thưởng Văn chương Việt-Nam và Quốc tế, ra ngày 7-12-61, có trang trọng giới thiệu tác phẩm và tác giả trúng giải.

Nhưng ba hôm trước ngày trao giải, ông Nguyễn-Văn-Cần có tuyên bố trên một tờ nhật báo rằng ông không nhận giải.

Ngày 13-12-61, lễ phát giải Tinh-Việt văn oàn đã tổ chức tại phòng Thông tin Đồ thành lúc 18 giờ.

Ngoài những nhân vật trong chánh quyền, trong văn và báo giới quen thuộc, người ta đề ý đến sự hiện diện của nhiều tùy viên báo chí ngoại quốc, và một số linh mục và giáo huynh (1), và nhất là sự có mặt của người trúng giải mà không chịu nhận.

18g35 ph. ông Phạm-Đình-Tân, chủ tịch văn đoàn Tinh-Việt, đọc diễn văn khai mạc.

Ông nhắc lại bốn nguyên tắc của giải văn chương nhóm ông : quyền tối thượng của Tinh thần, sự tôn trọng Nhân vị, tình yêu Gia-đình và Tổ quốc, tình liên đới Nhân loại.

Rồi ông tiếp : « Muốn sống và muốn trường tồn không những về phương diện luân lý, tinh thần mà còn về phương diện vật chất, con người phải đặt lý trí lên trên thú tính (để nói theo nhà triết học), đặt tinh thần lên trên thể chất (để nói theo nhà luân lý), hay nói cách thông thường bây giờ, người ta phải tôn trọng hệ thống các giá trị, phải đề cao quyền tối thượng của Tinh thần ».

Ông lên án Khoa học : « Ngày nay, nhiều người đã bị khoa học làm mù quáng và coi khoa học như một vị thần linh có

thể giải thoát con người. Nhầm lẫn biết bao ! Hiện trạng của thế giới ngày nay đã chứng tỏ Khoa học không những không giải thoát con người mà làm cho con người điêu đứng. Bom nguyên tử đã gây hạnh phúc cho chúng ta chưa hay hiện đang làm chúng ta lo sợ ?

Rồi ông kết luận : « Ước mong những tâm hồn giàu thiện chí, tha thiết với tương lai nhân loại và ngay với số phận hiện tại của đất nước và thế giới sẽ cùng nhau kết hiệp trong một mặt trận tinh thần vững mạnh, tạo dựng một bầu không khí thuận tiện cho sự bảo vệ và phát huy những giá trị thượng đẳng đề hướng dẫn sức mạnh của cần lao, của khoa học, của kỹ thuật vào việc cứu rỗi con người ngày nay đang bị đe dọa bị dạt bởi những tiến bộ vật chất của chính mình ».

18 g 45 ph. ông Phạm-Đình-Khiêm, trong ban tổ chức, nói về ý nghĩa, mục đích của giải thưởng và tuyên bố kết quả. Về trường hợp ông Nguyễn-Văn-Cần, ông nói :

« Vào giờ chót, ông Nguyễn-Văn-Cần có tuyên bố với một tờ báo, ông không có dự giải và ông không nhận giải. Chúng tôi xin nói : điểm thứ nhất, ông Cần đã nói hoàn toàn không đúng sự thật, điểm thứ nhì, thì đó là quyền tuyệt đối của ông Cần. Nên chi, chúng tôi phải rút giải dành cho ông Cần đề thêm vào cho giải sang năm ».

Người ta đợi một phản ứng gì của người được nhắc đến, nhưng rồi chẳng có gì. Buổi trao giải tiếp tục.

Ông Phạm-Đình-Tân, nhân danh Tinh-Việt văn đoàn, đọc diễn văn chào mừng

(1) Chúng tôi theo một bản dịch chữ « frère » của Công giáo là *giáo huynh*, dành chữ sư huynh cho Phật-giáo.

của bà Lecomte du Noüy, người tặng giải, và trao cho ông Nguyễn-Văn-Thọ, một bằng danh dự và số tiền thưởng đựng trong phong bì. Rồi người trúng giải nói về « Đạo Trung dung của Khổng-Tử ».

Mở đầu, ông đã gây một thoáng xôn xao trong cử tọa với câu : « Tôi cũng xin nhiệt liệt chúc mừng người bạn văn chương mà hôm nay con chèo tuế nguyệt đã xếp cùng đi chung một chuyến thuyền danh dự ».

Và tuy ông đã tự cho mình « chỉ là cỏ dại hoa rừng », nhưng suốt... 37 phút, ông đã « giáo đầu tuồng » và lần lượt trình bày phần biện hộ thuyết Trung dung, phần khảo cứu của tác phẩm ông một cách rất lưu loát, và rất mực văn hoa.

Những câu ca dao, những câu Kiều, Cung oán, thơ Xuân-Diêu, thơ Lí-Bạch... rải rác trong buổi nói chuyện của ông, và trước khi ngâm nga đoạn « Trung dung yếu chỉ » do ông dịch ra thơ song thất lục bát, ông đã mời...

« ... tôi xin mời Trung-dung lại, huyền ảo, uy nghi trong bóng dáng thi vảo, huy hoàng rực rỡ trong ngọc châu kinh điển.

« Và đây là Trung-dung lẫm đặng khinh phiêu, từ sông Ngân tiến tới, trên thuyền quế Lamartine với chèo lan Tô-Thức !... »

*
* *

Vì là chỗ quen biết với người chủ tịch văn đoàn Tinh Việt và với người

trúng giải này mà không nhận giải, nên tôi có tiếp xúc riêng với cả hai. Với ông Phạm-Đình-Tân, một hôm trước ngày phát giải ; với ông Nguyễn-Văn-Cần, vài phút trước lễ trao giải.

Theo ông Tân thì :

— Trong vụ này, có lắm cái không đẹp, mà ông không muốn nói ra ; nhưng ông cho biết : nếu ông Cần không dự thí thì anh em trong văn đoàn ông làm sao có tác phẩm ấy và tội gì để thì giờ luân phiên, đọc tác phẩm của ông, rồi bàn xét... ; chính ông Cần hay được tin mình trúng giải trước khi ban tổ chức công bố và đã tìm ông đề hỏi ; chính ông Cần tỏ ý hân hoan với đôi người bạn chung khi được biết mình trúng giải ; hơn nữa, về loại biên khảo, nội dung là yếu tố quyết định, nên ban giám khảo đã căn cứ vào bản Pháp văn của ông Cần còn bản Việt-văn ông Cần sắp hoàn thành và có hứa sẽ nộp kịp thời ; chính tay ông Cần giao tiểu sử của ông đề giới thiệu trên báo « Văn đàn » ra ngày 7-12-61, và tài liệu này ông Tân đang giữ ; ông Cần không có thư chánh thức cho biết không nhận giải ; còn nếu như ông Cần có thắc mắc về số tiền tặng giải do bà quả phụ Lecomte du Noüy trao cho Tinh-Việt văn đoàn, thì đó là việc riêng tư giữa nhóm này và bà Noüy ; về diêm ban giám khảo, thì khi đã gửi tác phẩm, người dự thí đã mặc nhận : ban giám khảo là những nhân viên của văn đoàn, hoặc những vị ngoài văn đoàn mà nhóm này mời thêm, nếu xét cần ; tuyên bố, e có người tìm cách vận động.

Còn theo ông Cần, thì :

— ông không hề gửi tác phẩm ông dự thí giải văn chương Tinh-Việt văn đoàn : ông chỉ có ý muốn dự giải Lecomte du Nouÿ quốc tế ;

— và trong vụ dự giải này có lắm cái mập mờ (ông Cần dùng tiếng Pháp : *flou*) ;

— tác phẩm viết bằng Pháp-văn của ông, từ mấy năm nay, ông đã gửi cho bạn bè, cho các giáo sư Đại học quen biết xem qua để phê phán, góp ý, thì chẳng cần gì ông gửi đến, Tinh-Việt văn đoàn vẫn có thể có đề mà . . . xét ; còn ông có gửi riêng cho ông Tân một bản đánh máy, vào cuối tháng 8 này, nghĩa là sau hạn nhận tác phẩm dự thí,

— tiểu sử của ông, muốn có, có khó gì, ông từng làm Dân biểu Quốc hội . . .

— giá trị vật chất của giải không được minh bạch, ông không muốn mình dính líu với một cuộc « com-bin văn nghệ » ;

— ban giám khảo, thành phần như thế nào ? Nào ai biết để đánh giá trị cái « uy thế văn hóa » của nó. Chẳng lẽ phải nói : « ... Ở đâu thì ban Giám khảo làm danh dự cho tác phẩm trúng giải, còn ở đây, thì : tác phẩm trúng giải làm danh dự cho ban Giám khảo ? » ;

— ông Tân lo xa : công bố danh sách ban giám khảo, e người dự thí chạy vận động là khinh miệt nhân phẩm con nhà văn nghệ nước Việt tự do.

Vậy đâu là sự thật ? Hay là chúng ta nên bắt chước ông văn quân Câu lạc bộ Văn hóa, mà nói với một nụ cười . . . triết lí : « *Dieu seul le sait !* ».

NGUYỄN-NGU-Í

XIN TÌM ĐỌC :

Tác-phẩm của

THI-VĂN-ĐOÀN HOA MUÔN PHƯƠNG :

— Thơ Hoa duyên Hương gió của Phạm-Lương (1961) — Thơ Nhớ mẹ của Phạm-Lương (1960) — Thơ dưới mái học đường của Phạm-Lương (1959) — Thơ Trên đường chiều của Chiều Thiển Thương (1961) — Sách Kỹ-Thuật Trồng Nho tại Việt-Nam (của Lê-văn-Sáu, cựu sinh-viên trường *Horticulture Versailles*) (1960) — Thơ Trăng 14 của Chiều Thiển-Thương.

Nơi các hàng sách thủ-đồ hay do : **PHẠM-LƯƠNG**

THI-VĂN-ĐOÀN HOA MUÔN PHƯƠNG

21/5, Thủ-Khoa-Huân — Châu-Đốc

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

- Thái độ ; Khép một trời thơ ; Bóng mây chiều thu (Thi-Nhân) — Nguyên cầu (N K) — Mưa tháng mười ; Gọt vàng ; Đêm không ngủ (Lê - Tâm) — Trăng lạnh ; Lang thang (Nguyễn-Lê-Mai) — Buồn cuối đông (Hoàng-Quy) — Hai câu thơ khầu chiếm của Nguyễn Du (Nguyễn-Quảng-Tuân) — Tỉnh lại đi em (Sa-Huyền) — Trình bày ; 4 đoạn (Mang-Viên-Long) — Giai nhân và Thi sĩ (Thượng-Quân) — Đêm trăng ; Lỡ bước ; Trên rừng.. (Mạc-Thái-Thu) — Kỷ niệm cuối cùng (Phong-Lâm) — Bong bóng (Nguyễn - Côn) — Nghẹn ngào (Thủy-Lam) — Trăn trối (Rừng) — Quốc kêu tìm bạn (P. V. T) — Nỗi buồn lang thang ; Gõ cửa trao lời (Nguyễn - Nam - Tử) — Tiễn Hường (Huy - Giang) — Thơ của Mây Mùa Thu ; Màu sắc (Phạm-Lương) — Đồng hoang (Lê-Tâm) — Một người chị (Ngân-Sinh) Biền chiều ; Nắng bên kia đồi ; Phố khuya (Bảo-Lộc) — Tàn tật ; Bài độc thoại thứ hai (Hoài-Huyền-Xuân) — Noel hôm nay (Vĩnh-Long) — Hội mùa thương ; Triều đại hôn mê ; Trở buồn (Thái - Tú - Hạp) — Hoa lưu ly (Thương-Mạc) — Lá thư không gửi (Duy-Linh).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

- **L. M. Nguyễn-Phương** (Đại-Học Văn-Khoa Huế) Chúng tôi đã nhận được thư và xin lĩnh ý Cha
- **Ô An - Tử - Xuyên** (Vĩnh-Long) Bài « Khoa học với Vũ - trụ »

không còn mới mẻ nữa. Mong ông gửi cho các bài khác.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Thú chơi sách** của Vương-Hồng-Sên, do Cơ-sở Tự-Do xuất bản và gửi tặng, bản đặc biệt. Ông Vương-Hồng-Sên, là một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách Khoa đã từng viết nhiều bài đặc sắc và « Thú chơi sách » đăng trên Bách-Khoa
- **Thơ My** thi phẩm của Cao - My-Nhân, Thế Phong vào đề, Đại-Nam Văn - Hiến xuất bản, in ronéo và gửi tặng. Thi phẩm dày 51 trang, khổ lớn, gồm 54 bài thơ giá 30 đồng.
- **Rừng Nhân-Ái** tiểu thuyết của Xuân - Phong, Nguyễn-Ngọc-Cầm, Nghị Lực văn-đoàn xuất-bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 125 trang, giá 70đ
- **Lịch Thế - Kỷ**, của nhà Thế - Kỷ xuất bản. Sách gồm 84 năm Âm-Dương Lịch đối chiếu từ 1892 đến 1976, đối chiếu từng ngày một. Giá 23đ.
- Tập chí **Sinh viên** số 1, tháng 12-1961, tiếng nói của sinh viên Đại-Học Đà-lạt, dày 60 trang, in ronéo, giá 10đ.

Mình Hưng hành khúc bản nhạc của trường Minh- Hưng — ông Phó-Quốc-Thanh phổ nhạc và lời của Ô. Nguyễn-Lương-Hung

Trân trọng cảm tạ các tác giả, nhà xuất bản cùng bộ biên tập « Sinh-viên » trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

BÁO MỚI

— Chúng tôi được tin, Tạp chí Văn-Mới, Tiếng nói nghệ-thuật Hiện Đại, do Ông Trần - Thi - Nguyên chủ trương, ra mắt độc giả ngày 22-12-1961 và sẽ xuất bản vào đầu mỗi tháng, dày 52 trang, giá mỗi số 7đ.

Trân trọng chúc đồng nghiệp Văn Mới mạnh tiến trên đường ngôn luận.

NHÂN TIN

— **Ô. Phạm-công-Thiện** (Trường Việt-Anh, Đalat) — : Xin ông thanh-minh với các học sinh thuộc quý trường là tên viết tắt C. T. trong *Lá thư cuối năm* đăng trên Bách-khoa số 119 (ngày 15-12-1961) chỉ là một tên tưởng tượng tất nhiên không thể nào là Phạm-Công-Thiện được.

Tòa-Soạn Bách-Khoa

— **Ô. Trần-Thuyên, Paris** — Đã nhận được tập sách nhỏ và lời khích lệ của ông. Chân thành cảm ơn.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

ĐÍNH-CHÁNH

Trong Bách-Khoa, số 119, mục *Phỏng-vấn*, trang 103, về *tiền sử Tường-Hùng*, có nhảy một con số và một chữ :

Dòng 5: *Giỏ mật* (truyện ngắn, 1956)

Dòng 6: Điện ảnh ở La-Mã.

Mong các bạn sửa dùm. Đa tạ.

Đón đọc vào thượng tuần tháng 1-1962

THƠ

NINH CHỮ

(những bài ca mình)

GIÁ 30Đ.

MAI SỐ 36 (Ra ngày 25-12-1961)

Lễ Giáng-Sinh với nghĩa Hòa-Bình (*Hoàng-Minh-Tuynh*)

Kinh tế : Thử tìm một chính sách thích hợp cho Thị-Trường
Tự-Do về ngoại-tệ có hạn chế ở Sài-gòn (*Phạm-Thái*).

Văn nghệ : Thắp một vì sao (*Vinh-Phương*) — Gái biển trai đồng
(*Xuân-Tùng*) — Hoa trước gió (*Cao-Thị-Văn-Giã*) — Hạt cát
(*Hà-Võ-Hoài*) — Những con đường... (*Thanh-Thanh*).

Giáo dục : Tứ đức ở thời này (*Nguyễn-Hiến-Lê*)

Âm nhạc : Vai trò người sinh viên (*Nguyễn-Hữu-Thái*)

Cảm nghĩ : Một ngày hoạt động (*Nguyễn-Hữu-Thái*) — Một niềm
hy vọng (*Một Cựu Sinh Viên*).

Nếp sống nước người : Giáng sinh tại Ba-Lê (*Mộng-Trung*)

Hạnh phúc chính nơi bạn : Công bình và thương yêu (*Ngê-Bá-Li*)

Và các mục : Tin văn, Triết học, Câu chuyện giáo dục v.v...

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟



Cigarettes JOB Surfiner
COFAT CHOLON

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

(Từ số. 109 đến số 120)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp-chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
CHÍNH-TRỊ				
1	Thái độ của chúng ta đối với những nguồn tin Cộng-sản.	Nguyễn-Hữu-Dung	114	
2	Vấn đề xung đột giữa Nga-sô và Trung-Cộng.	Huỳnh-Văn-Lang	112	3
3	— id —	— id —	113	3
4	Koweit.	Thu-Thủy	111	3
5	Một quan niệm về vấn đề Bá-Linh.	— id —	114	102
6	Chủ thuyết chân đưng của Gandhi.	Hoàng-Minh-Tuynh	109	9
7	Vấn đề Bá-linh.	— id —	110	7
8	Giải quyết cuộc tranh chấp Bá-Linh là mở đường đi tới hòa hoãn.	— id —	112	27
9	Ảnh hưởng tình thế Đại-Hàn trong cuộc khủng hoảng Quốc-tế.	— id —	113	23
10	Hội nghị các nước « không tham gia ».	— id —	114	3
11	Hiện tình và tương lai Liên-hiệp-Quốc.	— id —	115	3
12	— id —	— id —	116	3
13	Vai trò các nước nhược tiểu tại Liên-hiệp-Quốc.	— id —	117	3
14	Thị hải Staline bị đẩy ra khỏi công trường đồ.	— id —	118	3
15	Ông « K » giữa chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa xét lại.	— id —	119	3
16	Bá-Linh sau ba năm khủng hoảng.	— id —	120	3
GIÁO-DỤC				
1	Gia đình và học đường	Nguyễn-Hữu-Phiếm	115	19
2	— id —	— id —	116	23

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập-chí	Trang
<u>KHOA-HỌC</u>				
1	Một quan niệm y học, một phương pháp trị liệu	Đặng-Văn-Hồ	110	20
	— id —	— id —	111	24
2	Công cuộc phòng thủ chống hỏa tiễn liên lục địa	Vũ-Thụy-Hoàng	119	19
3	Bụi phóng xạ của bom nguyên tử	Cô-Liêu	118	31
4	Ngành Hải học đã tiến triển như thế nào	Trịnh-Thiên-Tứ	117	37
5	Câu chuyện biển nước	Võ-Quang-Yến	109	51
6	Virgil Grissom nhà phi hành vũ trụ thứ nhì của Mỹ	— id —	111	57
7	Những loại thuốc kháng sinh mới	— id —	117	41
3	Hành trình của Enos	— id —	119	7
<u>KINH-TẾ — TÀI-CHÁNH</u>				
1	Một cuộc hội thảo về phát triển kỹ nghệ	Như-Uyên	110	3
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Đại hội âm nhạc Tê-hê-răng và Đông-Kinh	Trần-Văn-Khé	109	57
2	Đại hội âm nhạc Nữu-Uớc	— id —	115	59
3	Thử tìm hiểu hội họa	Đoàn-Thêm	109	35
4	— id —	— id —	110	36
5	— id —	— id —	111	37
6	— id —	— id —	112	35
7	Đời họa sĩ	— id —	113	35
8	Thông cảm với họa sĩ	— id —	114	35
9	Thú chơi sách	Vương-Hồng-Sến.	113	53
<u>PHÁP-LUẬT</u>				
1	Thân dân	Quốc-Dũng	115	55
9	Tình trạng khẩn cấp và biện pháp cần thiết	— id —	117	23
13	Quy chế luật sư đoàn	Trần-Thức-Linh	109	3

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số Tạp chí	Trang
	<u>SỬ - ĐỊA</u>			
1	Cái chết của Vua Quang-Trung.	Trọng-Lai	112	61
2	— id —	— id —	216	53
3	Độc một trang sử của ông Nguyễn-văn-Mùi.	Nguyễn-Phương	117	47
4	Về bộ tiền đồng đời xưa.	Vương-Hồng-Sơn	115	35
5	— id —	— id —	116	43
	<u>TÔN - GIÁO</u>			
1	Lễ Vu-Lan-Bồm.	Nguyễn-Văn-Thư	112	51
2	— id —	— id —	113	20
	<u>TRIẾT - HỌC</u>			
	Ludwig Feuerbach.	Nguyễn-Anh-Linh	111	15
1	Chủ thuyết chân đưng của Gandhi.	Hoàng-Minh-Tuynh	109	9
2	Bộ mặt thực của Triết học Hiện sinh.	Trần-Hương-Tử	114	21
3	Những đề tài của Triết học Hiện sinh.	— id —	115	23
4	Hai ngành chính của phong trào Triết học hiện sinh.	— id —	116	29
5	Kierkegaard ông tổ hiện sinh chính thực.	— id —	117	27
6	— id —	— id —	118	27
7	Nietzsche ông tổ hiện-sinh Vô thần.	— id —	119	25
8	— id —	— id —	120	17
9	Tưởng niệm Merleau-Ponty	Trần-Quý-Thành	110	51
10	<u>VĂN - HỌC</u>			
	Hoàn cảnh sáng tác và điều kiện sống hiện thời của văn nghệ sĩ.	Vũ-Hạnh	123	3
1	Loại tiểu thuyết khoa học dự-tưởng	Nguyễn-Tạo-Lâm	119	43
2	Tìm hiểu những lối xây dựng mới về tiểu thuyết: «Thời ngò vức» hay quan điểm về tiểu thuyết theo Nathalie Sarraute.	Hoàng-Thái-Linh	111	31
3	« Khoảng một đêm » của Jean Cayrol	— id —	112	75

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập-chí	Trang
4	Truyện là thơ trong tiểu thuyết của Michel Butor	Hoàng-Thái-Linh	113	63
5	Vật giới trong tiểu thuyết của Alain Robbe Grillet	— id —	114	55
6	Văn nghệ như một phủ nhận	— id —	115	41
7	Vài ý nghĩ về cú pháp	Nguyễn-Hiến-Lê	113	15
8	— id —	— id —	114	11
9	Đuổi bắt ảo Ảnh	— id —	115	9
10	— id —	— id —	116	9
11	— id —	— id —	117	11
12	— id —	— id —	118	11
13	Từ truyện thần tiên đến truyện Khoa học	Yã-Hạc và Trình-Nguyên	116	111
14	Ông Phan Khôi đã phê bình Ông Nguyễn Văn-Vĩnh như thế nào ?	Thiếu-Sơn	110	23
15	Nhà văn và chữ viết	Nguyễn-Văn-Trung	118	35
16	Lá thư cuối năm	Đoàn-Thêm	119	57
17	Văn nghệ và đạo đức	Tràng-Thiên	116	110
18	Ernest Hemingway	Thu-Thủy	109	102
19	Văn hóa và kỹ thuật	— id —	116	108
20	Mấy giải thưởng quan trọng cuối năm	— id —	118	53
<u>XÃ-HỘI.</u>				
1	Thành công và thất bại.	Nguyễn-Hiến-Lê	119	9
2	— id —	— id —	120	9
3	Bảo vệ thiếu nhi.	Trần-Thúc-Linh	119	39
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI</u>				
1	Đi La-Mã.	Minh-Đức	119	66
2	— id —	— id —	120	51
3	Đời sống học sinh bên Mỹ.	Nguyễn-Trần-Huân	110	105
4	Bệnh thời đại.	Mộng-Trung	109	29

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
5	Thư hề.	Mộng-Trung	114	63
6	— id —	— id —	117	65
7	— id —	— id —	118	59
<u>DANH - NHÂN</u>				
1	Ibn Séoud (1881-1953).	Nguyễn-Hiến-Lê	109	17
2	— id —	— id —	110	13
3	— id —	— id —	111	7
4	Danilo Delci.	Nguyễn-Thái	112	17
<u>NHẬN ĐỊNH</u>				
1	Nhu cầu thô lộ can trường.	Phạm - Hoàng	109	14

SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ

SINH-HOẠT

1	Hội nhà văn Việt-Nam.	Tân-Fong-Hiệp	119	112
2	Nói chuyện về kịch.	Nguyễn-Hữu-Ngư	111	112
3	Ái tình và Hôn nhân.	— id —	111	114
4	Hội thảo về Ái tình và Hôn nhân.	— id —	114	105
5	Cuộc hội thảo ban Tráng niên giáo-dục của hội Văn hóa Bình dân.	— id —	112	113
6	Đại hội chánh sách nô dịch Văn hóa.	— id —	113	113
7	Nghe nói chuyện về cái Đẹp.	— id —	115	108
8	Giải thưởng Tinh-Việt văn đoàn năm nay	Nguyễn-Ngu-Í	120	107
9	Nhân danh và địa danh.	Nguyễn-Ngọc-Thanh	117	116
10	Từ thơ mới đến thơ tự do.	Nguyễn-Phủ	112	111
11	Cách nhau nửa thế kỷ.	Thu-Thủy	117	114

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
ĐIỀM-SÁCH				
1	Độc « Tâm tình người đẹp » thơ Vũ-Hoàng-Chương, « Trinh Trắng » thơ Đông-Hồ.	Nguyễn-Ngu-Í	118	103
2	« Cái bong bóng lợn » của Phan-Văn-Tạo.	Cô Phương-Thảo	116	97
3	« Một bản đàn » của L. Tolstoi Bảo-Sơn dịch.	Tràng-Thiên	109	99
4	Độc « Tâm sự kẻ sang Tần » của Vũ-Hoàng-Chương và « Phan-Khôi và cuộc tranh đấu tư tưởng ở miền Bắc » của Nguyễn-Vạn-An.	— id —	111	105
5	Độc « Bát cơm bát máu » của Mặc-Thu, « Thềm hoang » của Nhật-Tiến.	— id —	112	107
6	Độc « Thương chồng » của Nhất-Linh.	— id —	115	105
7	Độc « Màu mưa đêm » của Thu-Vân.	— id —	118	108
PHỎNG-VẤN về quan niệm sáng tác do Nguyễn-Ngu-Í phụ trách :				
	Trả lời : Linh Bảo — Nguyễn Tường Tam — Hà Thượng Nhân.		109	32
1	— Mặc Thu — Mặc Đỗ — Doãn Dân.		110	96
2	— Nguyễn Văn Hầu — Bằng Bá Lân.		111	39
3	— Bà Tùng Long — Bà Ái Lan.		112	81
4	— Vũ Hạnh — Vũ Hân — Thế Viên.		113	103
5	— Thạch Hà — Anh Tuyến — Doãn Quốc Sĩ.		114	91
6	— Toàn Ánh — Nguyễn Văn Cồn — Lê Văn Siêu — Nhật Tiến.		115	99
7	— Phan Du — Hợp Phố.		116	102
8	— Đỗ Tấn — Vương Đức Lệ — Mai Trung Tĩnh — Mộng Tuyết.		117	103
9	— Thiên Giang — Phi Vân — Sao Trên Rừng — Viên Linh.		118	81
10	— Tường Hùng — Phạm Việt Tuyền — Bùi Khánh Đản.		119	103
11	— Tam Lang — Duy-Lam — Toàn Phong — Hư Chu — Phạm-Đình-Tân.		120	100

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ Tập chí	Trang
TRUYỆN-NGẮN				
1	Sương mù	Doãn-Dân	110	63
2	Lão Duy-Minh và con nhện	Minh-Đức	112	91
3	Tàn lặt	Thạch-Hà	113	75
4	Đình công	— id —	118	67
5	Vào mùa Xuân	Uyên Thao — Thanh Thương-Hoàng	117	85
6	Chuyện cái răng	Võ-Hồng	115	69
7	— id —	— id —	116	83
8	Cô chổng không tỉnh trí	Nguyễn-Ngu-Í	119	93
9	Những buổi mai đẹp	Võ-Phiến	111	73
10	— id —	— id —	112	97
11	— id —	— id —	113	85
12	— id —	— id —	114	79
13	Trước tờ giấy trắng	Vân-Trang	109	75
14	Kén rẽ	— id —	116	65
15	Màn kịch cuối năm	— id —	120	83
TRUYỆN-DỊCH				
1	Căn chết	Giuseppe Berto Nguyễn (dịch)	113	95
2	Người yêu tôi chết	Giovanni Comisso Phong-Nhã (dịch)	114	71
3	Con gà điên	Leon Guerrero Đặng-Trần-Huân (dịch)	116	72
4	Cô liêu	Henry Muller Cô Liêu (dịch)	115	79
5	Cử điểm quan sát	William March Nguyễn (dịch)	109	65
6	Ba ngày Lễ Giáng Sinh	William Sarroyan Nguyễn (dịch)	120	74
7	Tội người trong sạch	Paul Tillard Cô Liêu (dịch)	110	77
8	— id —	— id —	111	61

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số Top chỉ	Trang
<u>TRUYỆN-DÀI</u>				
1	Phấn đấu	Tuyết-Hương	109	91
2	— id —	— id —	110	87
3	— id —	— id —	111	95
<u>KỊCH</u>				
1	Ngộ Nhận	A. Camus Bùi-Giang (dịch)	117	71
2	— id —	— id —	118	91
3	— id —	— id —	119	80
4	— id —	— id —	120	59
<u>THƠ</u>				
1	Vấn nhớ cảnh xưa	Trần-Huyền-Ấn	110	36
2	Bài thơ mười năm	— id —	117	101
3	Sự tỉnh	Vũ-Quỳnh-Bang	111	69
4	Tỉnh, thôn dã	— id —	118	77
5	Chiều trong bệnh viện	— id —		106
6	Tháng 5 — mộng ca	Mai-Trúc-Diên	111	82
7	Đêm dài	Bùi-Khánh-Đản	109	74
8	Thao thức	— id —	115	97
9	Chân hương	— id —	117	46
10	Buổi sáng năm bệnh	Nghiên-Đề	113	102
1	Một buổi trưa	Bùi-Giang	112	88
2	Đi tìm	— id —	114	101
3	Bờ lúa	— id —	116	81

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
13	Quê hương tuổi nhỏ	Bài-Giang	117	31
14	Tờ mây	— id —	119	77
15	Chiều chúa nhật	Quách-Giao	120	73
16	Nói với mây	Xuân-Hiến	109	39
17	Mưa cuối thu	— id —	118	86
18	Ngôi sao làm chứng	Võ-Hồng	112	72
19	Tâm tình	Hoài-Hương	112	90
20	Gác nhỏ	— id —	113	73
21	Mẹ con	— id —	115	96
22	Mẹ chúng ta	— id —		
23	Giành đất sống	— id —	118	79
24	Lẽ sống	— id —	119	65
25	Thao thức	Vũ-Hân	114	66
26	Đợi chờ	— id —	116	42
27	Mơ	Nguyễn-Ngu-Í	111	70
28	Trở về	Hoàng-Khanh	111	114
29	Mặc nhận	Minh-Khiết	119	78
30	Đời trưa	Huy-Lực	112	73
31	Saigon	— id —	113	83-84
32	Biển sáng	— id —	119	76
33	Tiếc thương	Tường-Linh	109	73
34	Đêm dài	— id —	111	104
35	Đồng lúa	— id —	112	80
36	Hình ảnh	— id —	113	72
37	Bài thứ năm	— id —	115	66

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chỉ	Trang
37	Mưa đêm thu	Tường-Linh	117	110
38	Cách biệt	— id —	120	82
39	Trên vùng cao sáng	Phan-Duy-Nhân	119	63
40	Tình biển	Đoàn-Ngọc-Quỳnh	110	62
41	Thơ tình tháng sáu	Trần-Dạ-Từ	114	78
42	Hình sắc	Đoàn-Thêm	109	81
43	Vô-đề	— id —	110	103
44	Vẫn một lời ca	— id —	112	74
45	Ý chiều	— id —	113	112
46	Tình sương	— id —	114	67
47	Khuya	— id —	115	76
48	Vẽ tranh	— id —	116	101
49	Bước đá	— id —	117	113
50	Chưa thấy	— id —	118	102
51	Chung linh	— id —	119	64
52	Chuyển điệu buồn đau	— id —	120	89
53	Tiếng vàng	Lê-Thanh-Thái	1	71
54	Đêm	Mặc-Thu	115	97
55	Bệnh	— id —	117	56
56	Hương đồng phấn nội	Thành-Tôn	112	89
57	Hồi âm	— id —	17	82
58	Phù dung — Hoài-vọng	Sao-Trên-Rừng	114	77
59	Đêm thu	— id —	116	81
60	Trời xưa	— id —	118	88
61	Những linh hồn trẻ	— id —	120	106

PHỔ - THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY-DỤNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

được đọc nhiều nhất hiện nay trong các giới trí-thức
và được phổ-biến sâu-rộng nhất trong các giới Bình-Dân

SỐ XUÂN

có những bài của

★ Cộng-sự-viên Hải-ngoại (có ảnh các Tác-giả) :

VÕ-QUANG-YẾN, Đại học-đường Paris — NGUYỄN-VĂN-CÒN,
Tiến-sĩ Văn-chương Pháp, Paris — NÔNG - BẰNG - GIANG, Đại
học đường Tokyo — ĐÀO-TỬ-LANG, Đại-học Philippines Rizal —
ANANTA TOER, Nhà-Thơ Indonesia — S. K. CHETTUR, Nhà Văn
Ấn-độ, New Delhi — CHRISTA ABEL, Nữ kỹ-giả Đức Hamburg

★ Cộng-sự-viên trong Nước (có ảnh) :

Thiếu-Sơn — Tể-Xuyên — Huỳnh-Khắc-Dụng — Tô-Nguyệt-Đình —
Vi-Huyền-Đắc — Hoàng-Thắng — Trịnh-Thiên-Tứ — B. S. Hoàng-Mộng-
Lương — Thăm-Thệ-Hà — Thu-Minh — Ng.-Triệu — Từ-Trâm-Lệ —
Thanh-Nhung — Bằng-Bá-Lân — Thanh-Nguyên — Thu-Nhi —
Tú-Be — Tuyết-Linh — Ng-Tử-Quang — Phương-Duyên — Trọng-Tấu
Lâm-Hữu-Ngân — Nguyễn-Vỹ — Diệu-Huyền — Duyên-Hồng —
Tân-Phong — v. v. . .

★ Phụ-bản tặng Bạn-đọc (In riêng, hai màu khổ lớn,
giấy Blanc-fin, kèm với số XUÂN PHỔ-THÔNG)

« DANH-NHÂN THẾ-GIỚI, Tiền bán Thế-kỷ XX »

44 bức ảnh của 44 Danh-nhân Thế-giới, có ghi chú Tiểu-sử
tóm-tắt, từ 1900 đến 1961.

★ Bìa 5 màu, offset, của Họa-sĩ DUY-LIÊM

☆ Số phát hành chính thức 30.000 ☆

PHỔ - THÔNG TẠP - CHÍ

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



**Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông**



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »
DESCOURS ET CABAUD
Bảo-Hiểm

1-3-5 *Bến Chương - Dương* — *Saigon*
Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

— *LÝ*

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
 HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY ĐẶN ĐẶN LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐẶN CHỮ LẮM TẠI THUY-SI

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

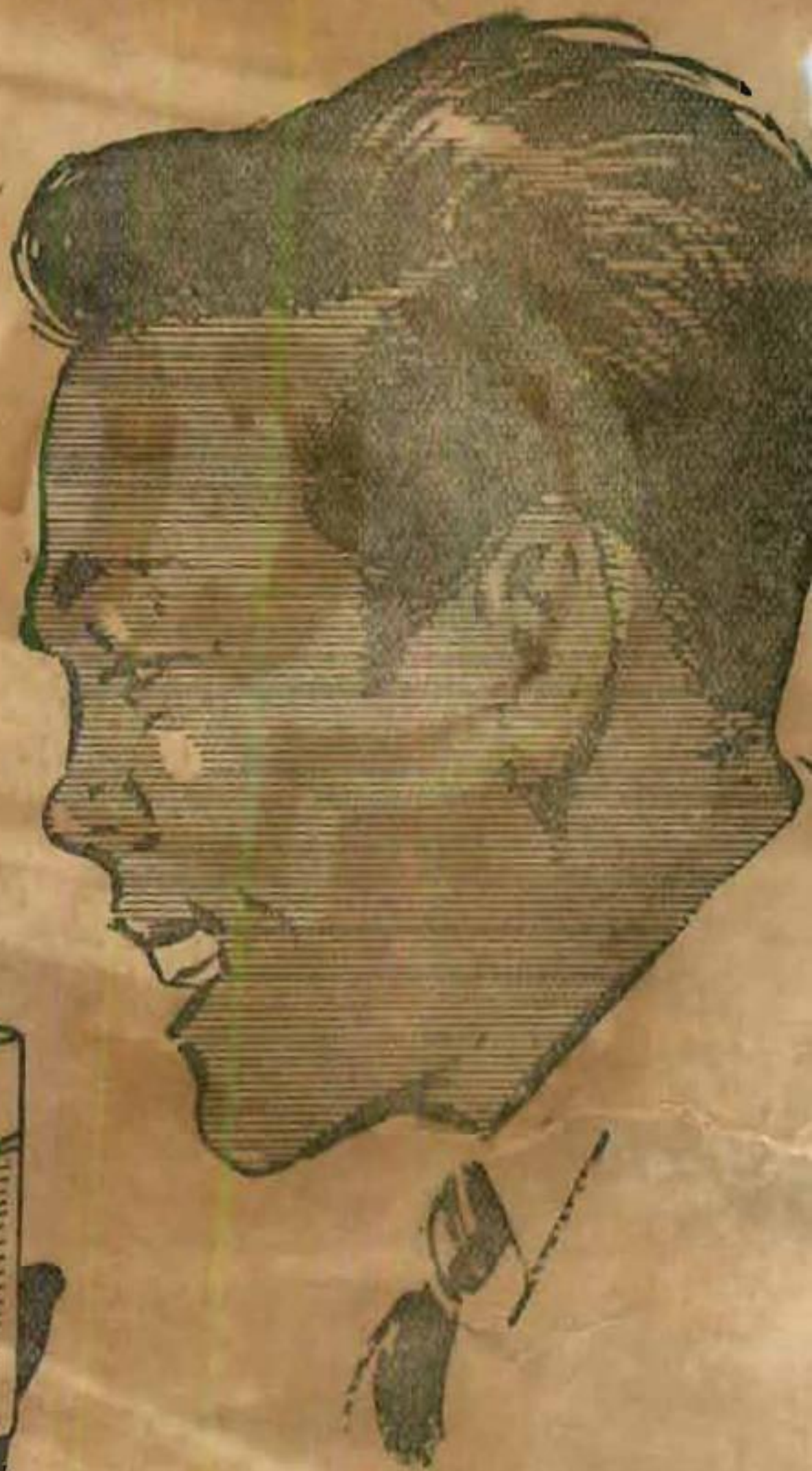
LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — *Téléphone* : 20.831 — SAIGON



LA-VE

“33”

HÀO HẠNG



Cigarettes

VIRGINIE

Chủ - nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản lý :
Tân Sơn :
160, Phan Đình Phùng — Saigon
Điện thoại 25.539

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần Hưng Đạo — SAIGON
Giá : 10\$
Công sở : 15\$